

I THÁNG 3 NĂM 1970

BACH KHOA

năm mười bốn

NGUYỄN HIỂN LÊ *nửa thế kỷ chánh tả việt ngữ* *
CUNG GIỮ NGUYỄN *toán số trong một thời đại mới* *
THẢO NGUYỄN *một người Việt đi thăm Tiệp-khắc,*
xứ của một mùa xuân chưa tròn * VIỆT PHƯƠNG
Bertrand Russell (1872-1970) * VÕ QUANG YẾN
Nobel khoa học 1969 * HOÀNG SỸ QUÝ *tính dục*
với đời sống tu hành * LINH BẢO *chuyện đánh*
bạc đầu năm: Las-Vegas đỏ đen * MINH ĐỨC
HOÀI TRINH *cây mai* * LỮ QUỲNH *mùa xuân hư*
vô * PHẠM CÔNG THIỆN *thực sự hôm nay* *
Ý YÊN *uống rượu một mình* * TRẦN HUIỀN AN
bước ngựa * TRẦN HOÀI THƯ *chút tình thân ái* *
HOÀNG LỘC *đầu năm cho tình yêu* * HOÀNG
NGỌC CHÂU *tình quê* * **SINH HOẠT** *thời sự*
thế giới * *thời sự khoa học* * *thời sự văn*
nghệ * *nhận xét về qui chế*
báo chí * *Nông Trại Nữ của*
Dương trí viện Biên Hòa

316





SINERGYL

SIROP

Réparateur biologique

- Stimule la croissance
- Accroît le métabolisme azoté
- Retarde les manifestations de la sénescence

► *associe :*

- L-LYSINE
- VITAMINES (B1 - B6 - PP et C)
- PANTOTHENATE DE CALCIUM
- GLUTAMATE DE SODIUM.

PRÉSENTATION : Flacon de 150 ml.

POSOLOGIE : 1 cuillerée à soupe 1/4 d'heure avant les 2 principaux repas.

Emplir le gobelet de SINERGYL Sirop jusqu'au trait inférieur (équivalent à 1 cuillerée à soupe) puis d'eau jusqu'au trait supérieur.

LES LABORATOIRES DE L'I.S.H.

97, Rue de Vaugirard - PARIS (6e)

ROUSSEL VIETNAM - 6, Dai-lô Nguyễn-Huê - SAIGON

Distributeur : PHARMASIA - 246, Rue Công-Quỳnh - SAIGON



BÁCH KHOA

Số 316 ngày 13-1970

NGUYỄN-HIỂN-LÊ <i>nửa thế kỷ chánh tả Việt ngữ</i>	5
CUNG GIỮ NGUYỄN <i>toán số với cần khôn : toán trong một thời đại mới</i>	13
THẢO NGUYỄN <i>Một người Việt đi thăm Tiệp khắc, xứ của một mùa Xuân chưa tròn</i>	17
Hoành sơn HOÀNG SỸ QUÝ <i>một cái nhìn Đông phương về vấn đề ính-dục : Ính dục với đời sống tu hành</i>	23
VIỆT PHƯƠNG <i>Bertrand Russell (1872-1970)</i>	29
VÕ QUANG YẾN <i>Nobel khoa học 1969</i>	33
LINH BẢO <i>nếp sống nước người : Las-Vegas đỏ đen</i>	39
MINH ĐỨC HOÀI TRINH <i>cây mai (truyện)</i>	45
LỮ QUỲNH <i>mùa xuân hư vô (truyện)</i>	51
Ý-YẾN <i>uống rượu một mình (thơ)</i>	56
TRẦN HUIỀN AN <i>bước ngựa (thơ)</i>	57
HOÀNG LỘC <i>đầu năm cho tình yêu (thơ)</i>	58
TRẦN HOÀI THƯ <i>chút tình thân ái (thơ)</i>	59
HOÀNG NGỌC CHÂU <i>tình quê (thơ)</i>	60
PHẠM CÔNG THIỆN <i>Thực sự hôm nay (truyện)</i>	61
TỪ TRÍ <i>thời sự thế giới</i>	67
TỬ DIỆP <i>thời sự khoa học</i>	70
TRÀNG THIÊN và THU THỦY <i>thời sự văn nghệ</i>	75
SINH HOẠT	
NGÊ BÁ LÍ : <i>Nhân thăm Nông Trại Nữ của Dương Trí viện « Bác-sĩ Nguyễn-văn Hoà » Biên-Hòa</i>	75
THẾ NHÂN : <i>Tâm sự Ngoại giao</i>	77
<i>Đại học Y khoa Huế và Y-lý Đông-phương</i>	79
<i>Ông Trần-Thúc-Linh nhận xét về qui chế báo chí</i>	80

Chủ nhiệm : LÊ-NGỘ-CHÂU

Tòa soạn :

160, Phan-Đình-Phùng Saigon

Điện-thoại : 25.53

H. T. 339 Saigon

In tại nhà in TƯƠNG-LAI

133, Võ-Tánh Saigon

GIÁ : 40đ Công sở : giá 80đ

Cao Nguyên và Miền Trung :

thêm cước phí máy bay

SÁCH BÁO MỚI

Tạp chí Bách Khoa trân trọng cảm ơn quý vị đã gửi tặng những sách báo sau đây và xin ân cần giới thiệu cùng quý bạn đọc.

— **Pho tượng rồng vàng** truyền thiếu nhi của Hoàng Đăng Cấp do Tuổi Hoa xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 144 trang, truyện phóng tác thuộc loại trình thám với những tình tiết ly kỳ rất hợp với trẻ em. Bản đặc biệt. Giá 45đ

— **Cúi mặt** truyện dài của Bùi Đăng do Thái Phương xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 214 trang, tình tiết câu chuyện diễn ra giữa một nhóm người trong một trại giam của Cộng sản ở Miền Trung. Tranh bìa của họa sĩ Phạm Tăng Bản đặc biệt Giá 150đ

— **Niềm đau cuối thế kỷ** tập thơ của Thị độ OPT, do tác giả in ronéo và gửi tặng. Sách dày 22 trang, khổ 21x28 gồm 16 bài thơ chiến tranh lục bát của tác giả, phổ biến hạn chế.

— **Introduction à la Littérature Vietnamienne** của Cố Giáo-sư Maurice M. Dorand và Bác sĩ Nguyễn Trần Huân do G.P. Maisonneuve et Larose ở Paris xuất bản trong Tủ-thư của Tổ chức Văn hóa Liên hiệp-quốc (UNESCO) và Bs. Nguyễn Trần Huân gửi tặng. Sách dày 254 trang trình bày bằng Phép ngữ Văn học V.N. từ Văn học dân gian qua Quốc âm thi tập, Kim Vân Kiều đến Thơ văn trong thế-kỷ 20 (1962). Phần cuối có tiểu-sử các tác-giả từ cổ chí kim.

— **Bỏ đi rất xa** tập thơ của Nguyễn Uyên Thương in ronéo trong "chuỗi ngày làm lính" của tác giả dày 20 trang gồm 15 bài thơ.

Khai phóng số 3 Xuân Canh Tuất, diễn đàn văn hóa giáo dục, xã hội của Tỉnh hội Phụ huynh học sinh Khánh-Hòa gồm nhiều bài tiểu luận về văn hóa, giáo dục và văn thơ của những cây bút tên tuổi tại Nha Trang. Mỗi số dày 142 trang. Giá 60đ.

HỘP THƯ

— Tạp chí Bách khoa đã nhận được những bài của quý bạn sau đây:

Phạm Đăng kỳ, Hoàng Hoài Hương, Vương Phong Lan, Nguyễn Hoàng Anh Vũ, Hoàng Nghị, Đặng Đình Tông, Hải Triều Âm, Trần Minh Ái, Lạc Thúc, Võ Chơn Cựu, Trầm Thanh Sơn, Nguyễn Miên Thảo, Hà Mộ, Nguyễn Hương, Hà thị Kỳ Nam, Phiên Từ Nương, Mạc Băng, Nhất Uyên, Thủy Triều, Lữ Quỳnh, Thế Vũ, Trịnh Khả Nguyên, Lê Huân, Trần Hoài Thư, Xuân Hoàng, Hồ Văn Dương, Đinh thị Thụy Uyên, Trần Thanh Cầm, Tống Châu Ân, Thái Ngọc San, Nguyễn Thanh, Thiệu Quang, Vũ Huyền Mi, Nguyễn Kim Phương, Vinh Điện, Luân Vũ, Nguyễn Như Kính, Hồ Ngọc Ngừ, Phạm-Ngọc-Cảnh, Hoài Nhã Liên Văn, Trần Văn Sơn, Phạm Nguyễn Nguyệt Yên, Quang Hoài, Quỳnh văn, Phan Việt Thủy, Đinh Xuân Phương, Ngô văn Châu, V. Nho, Nhật Đan, Trần NH. Hạnh, L.N.M. Viễn Dzu, Việt Chính, Hoàng Hải Đảo, Nguyễn Đại Miên, Nguyễn Tường Khánh,

Xin trân trọng cảm ơn quý bạn. Những bài nào đăng được. Chúng tôi sẽ trả lời bằng thư riêng hoặc: nhắn tin trên 2 số báo tới đây.

Đề hưởng-ứng việc đình bản 3 ngày (2,3 và 4 tháng 3/1970) của các nhật báo, trong cuộc tranh đấu chống biện pháp tăng giá giấy báo lên 100% của Bộ Kinh-tế, Tạp-chí Bách-Khoa số ra đầu tháng này cũng hoãn ngày phát hành lại sau 3 hôm nói trên đã. Mong quý bạn đọc thông cảm cho.

tạp chí BÁCH KHOA

Nửa thế-kỷ chánh-tả Việt-ngữ

Cách đây non nửa thế kỷ, giữa một niên khóa ba tôi xin cho tôi được vào lớp dự bị (cours préparatoire) trường Tiểu học Pháp Việt Yên-Phụ. Mấy buổi đầu tôi còn bỡ ngỡ thì một hôm thầy học chúng tôi hỏi một anh bạn tôi :

— Pourquoi étiez vous absent hier ?

Anh bạn đó đáp :

— Parce que je suis malade.

Thầy chúng tôi cau mày, la :

— Non, vous n'êtes plus malade.

Tôi ngỡ ngác chẳng hiểu gì cả mà các bạn tôi cũng vậy. Cả lớp tái mặt im phăng phắc. Đầu thì đáp «j'esuis malade», trùng như vậy mà sao thầy còn rầy ? Thầy chúng tôi phải giảng mất khoảng năm phút chúng tôi mới hiểu rằng phải dùng một «thì» đã qua, «thì imparfait» mới được : parce que j'étais malade. Rõ rắc rối. Ai ngờ đâu được chuyện đó. Việt ngữ làm quái gì có «thì».

Buổi đó tôi sợ quá, chỉ lo theo không nổi, thì về nhà phải đòn chết.

Tôi kể lại chuyện đó không phải để khoe với các bạn trẻ thời xưa chúng tôi giỏi Pháp ngữ ra sao mà trái lại, để các bạn ấy thấy chúng tôi phải nhờ Pháp ngữ ra sao ; mới ở lớp năm đã nhờ Pháp ngữ như vậy thì dĩ nhiên không được luyện Việt ngữ rồi. Việt ngữ là một môn rất phụ.

Ở ba lớp sơ học : Đồng ấu, Dự bị và Sơ đẳng, mỗi tuần chỉ được ba bốn giờ Việt ngữ mà hồi đó gọi là «Annamite» : một hai giờ tập đọc (lecture annamite), một giờ âm tả (dictée annamite — sau này người ta mới dùng tiếng orthographe: chánh tả thay tiếng dictée), và một giờ học thuộc lòng (récitation annamite).

Giờ chánh tả pháp ngữ đáng sợ ra sao thì giờ chánh tả Việt ngữ «khỏe» bấy nhiêu. Thầy chúng tôi đọc một bài dăm sáu hàng cho chúng tôi viết : Viết xong chúng tôi ngồi chơi trong khi thầy đi từng bàn sửa từng tập một, đánh lỗi cho điểm, rồi chúng tôi kêu điểm để thầy ghi vào sổ. Thường thường dở tệ gì cũng được điểm trên trung bình. Lên các lớp trên. bài dài, thầy sửa không kịp mới cho chúng tôi đổi tập sửa lẫn cho nhau.

Nhưng thầy không hề giảng giải gì cả. Có lẽ chính thầy cũng không hiểu tại sao *tru* là giết phải viết *tr*, *chu* là khắp phải viết *ch*, *xiên* *xèo* phải viết *x*, và

siêng phải viết s, vân vân.... Thầy cũng ít khi rầy chúng tôi viết sai, không dặn chúng tôi coi chừng những tiếng thường dùng và viết thường lăm.... Vì cả thầy lẫn trò đều cho môn chánh tả Việt ngữ là không quan trọng (hi tiêu học không có bài Dictée annamite), ngay Việt ngữ cũng không quan trọng nữa vì nó không được dùng làm chuyên ngữ (Sử ký, Địa lý, Khoa học đều học bằng Pháp ngữ). Thời đó chương trình như vậy thì ai cũng dạy tắc trách như vậy hết.

Tóm lại, chúng tôi chỉ có giờ *ám tả* Việt ngữ, chứ không được học *chánh tả* Việt ngữ, học một cách có hệ thống như các học sinh Pháp được học chánh tả của họ.

Hình như lên tới lớp nhì lớp nhất, không còn giờ *ám tả* Việt ngữ nữa, điều đó tôi không được nhớ rõ; nhưng chắc chắn là lên tới Cao-đẳng tiểu-học và Trung-học thì mỗi tuần chúng tôi chỉ còn có hai giờ Việt ngữ: một giờ văn học và một giờ luận. Nửa tháng mới có một bài luận, viết được vài trang, giáo sư chỉ đọc qua rồi cho điểm, thấy lỗi nào nặng thì gạch dưới, chứ ít khi giảng ồi ở đâu.

Vì vậy mà có tình trạng này: Càng học lên cao, chúng tôi càng dốt chánh tả, càng cho chánh tả Việt ngữ là không quan trọng, tuyệt nhiên không chú ý tới nó vì có ai đâu mà bắt lỗi, vả lại viết sao thì người ta cũng đoán được kia mà.

Lên trường Cao đẳng Công Chánh, trong chương trình không có môn Việt ngữ vì bọn « lục lộ » chúng tôi mà có dùng gì tới tiếng Việt: ở phòng giấy có làm « Calcul » (tính) hay làm « rapport

lên Ipal » (báo cáo lên Chánh kỹ sư Ingénieur principal), thì dùng tiếng Pháp; mà ra công trường, có sai bảo nhân viên thì dùng một thứ tiếng « Pháp Việt đẽ huề », chẳng hạn: « Ngày mai đi « lơ-vê » (levé: đi đo đất), nhớ mang theo một cái « tặc-kê » (taché-omètre: một loại máy nhân) và một bó « gia lông » (j lon: cây tiêu) nhé. »

Nhưng năm đó, năm 1931, không hiểu sao ông Thalamas, viện trưởng Viện Đại học Hà Nội. (Recteur d'Académie hồi đó oai lăm!) lại cao hứng thêm vô chương trình năm thứ nhất Trường Công chánh, một giờ « Annamite », và chúng tôi được cái hân hạnh học cụ Bùi Kỳ vài chục giờ. Anh em chúng tôi quý cụ lắm: cụ đậu Phó bảng, cụ lại viết sách (cụ hiệu đính văn thơ cổ bằng chữ Nôm, và ở trong ban soạn bộ Việt Nam tự điển của hội Khai Trí Tiến Đức), nhất là cụ có vẻ rất phong nhã, vui vẻ xuề xòa, ôn hậu: chít khăn, bận áo the thâm, chưa bước vào lớp đã toét miệng cười rất hồn nhiên. Tên tự của cụ là Ưu Thiên (1) mà không bao giờ tôi thấy cụ có thoáng một nét buồn, lo hay giận cho nên có lần tôi đã bảo một anh bạn: Cụ phải đổi tên tự là Lạc thiên thì mới đúng.

Giờ của cụ thật là một giờ nghỉ ngơi. Không có bài vở mà cũng không có sách, không cho điểm, cuối năm khỏi thi. Cụ vô lớp, nói chuyện cho chúng tôi nghe hết giờ rồi về. Dĩ nhiên, toàn là chuyện đứng đắn về tiếng Việt. Chẳng có chương trình gì cả, cụ cao hứng gặp đâu nói

(1) Sách Xuân Thu tả truyện chép một người nước Kỳ lo trời sập. (Ưu thiên = lo trời)

đấy : tuần này về cách dùng mười tiếng Hán Việt, tuần sau về truyện Kiều, hoặc về những bản tiếng Nôm cuốn *Trê Cóc* mà cụ sưu tầm được, tuần khác về báo chí trong nước.

Bây giờ mà được nghe các bài giảng của Cụ thì chắc là tôi thích lắm, nhưng hồi đó chỉ nghĩ tới chuyện đo đường, đạo kinh, đâu có chú ý tới Việt văn, Việt ngữ thành thử suốt mấy chục giờ học cụ, tôi chỉ nhớ có mỗi một lời này của Cụ :

— Báo chí bây giờ viết sai nhiều, các ông (Cụ gọi chúng tôi như vậy) nên đọc tờ *Thực-nghiệp*, tờ đó ít sai.

Những bài xã luận trên nhật báo *Thực-nghiệp*, chúng tôi cho là bảo thủ, đạo mạo, mà Cụ khuyên chúng tôi đọc. Chúng tôi không dám cãi nhưng vẫn đọc những tờ mới hơn, chẳng hạn tờ *Ngọ báo*.

Nhưng tới nay tôi vẫn nhớ lời khuyên của Cụ vì lần đó là lần đầu tiên một bậc thầy nhắc tôi phải chú ý tới việc dùng Việt ngữ cho đúng và viết cho đúng chính tả.

Tuy nhớ vậy chứ thời đó tôi vẫn chưa cho bài học đó là quan trọng. Vì ba lẽ : thứ nhất, tôi đâu có ý viết văn Việt ; thứ nhì, những tờ báo Cụ chê là viết sai, lại có nhiều cây bút lỗi danh, vậy thì viết đúng chưa phải là viết hay, mà viết hay thì chẳng cần phải viết đúng, tôi nghĩ vậy ; thứ ba, có một số tiếng, mỗi nhà văn viết một khác, như *dây lưng* hay *giây lưng*, *canh sùng* hay *canh xùng* ; *xuyết* nữa hay *suýt* nữa, *dòng nước* hay *giòng nước*, vân vân, biết ai đúng ai trật, tự điển đâu để mà tra ?

Nhà nay, nhớ lại tôi thấy công đó của Cụ chưa quan trọng bằng cái không

khí cò, cái nếp sống cò thanh nhã, ung dung, khoáng hòa Cụ đem vô lớp học chúng tôi ; bọn anh em chúng tôi chưa đến nỗi Âu hóa quá, một phần là nhờ Cụ. Chắc môn đệ của thi sĩ Đông-Hồ ở trường Văn khoa cũng có cảm tư'ng đó khi nhắc tới thầy cũ. Nhưng đó là chuyện khác, xin trở về vấn đề chính tả.

oOo

Ơ trường Công chánh ra, tôi được bồ vô Nam. Lúc này mới có thì giờ đọc sách báo Việt ngữ, và mới ngứa ngáy tập iết.

Mới vô Sài Gòn, đọc các nhật báo *Tin Điện*, *Thần Chung*, *Sài Gòn*, tôi thấy chướng mắt vì những lỗi, át, ác, an, ang, in, inh, hoi, ngã, vãn vãn... Nhà báo gì mà *sắt* thà viết ra *sắc*, *cuốn* viết ra *cuông* :... ; còn nhà giáo gì mà *đầy* viết ra *đây*, *ngã* viết ra *ngả*, vãn vãn...

Nhưng sách báo của Tự lực Văn Đoàn, của nhà Tân Dân in lầm s, x, ch, tr, d, gi thì tôi lại không thấy chướng ; và chính tôi viết thư cho bà con, bạn bè, cứ lầm hoai : trái *soài*, cái *suồng* ; *dánh* tay, *đảo* cảng... người thân có nhắc nhở thì mới đâu lại cho là vẽ chuyện. Trò đời nó vậy,

Tuy nhiên, lần lần tới cũng biết phục thiện, chịu nhận rằng người Nam có lỗi của người Nam thì người Bắc cũng có lỗi của người Bắc, và xét chung thì một số trí thức Nam rất chú trọng tới chính tả : bằng cứ là trong Nam có cuốn *Đồng âm tự vị*, ngoài Bắc không có. Và khi tôi biết mong có một cuốn như vậy cho người Bắc, ghi những tiếng bắt đầu bằng ch, tr, s, x, d, gi, r, cho dễ tra, thì may quá, cuốn *Việt Nam tự điển* của hội Khai Trí Tiến Đức ra đời.

Tôi nhớ đâu như vào khoảng 1938-39 : bìa cứng bọc vải dày màu tím đậm gần

như đen. Từ đó tôi mới có tự điển đề tra (trước cũng đã có một cuốn của Đào Duy Anh nhưng chỉ là Hán Việt từ điển) và mới bắt đầu rón viết cho đúng chính tả: *Việt Nam tự điển* thiếu nhiều tiếng, nhưng tiếng nào tôi tra mà không thấy thì cứ việc viết theo ý riêng, nghĩ rằng: «Tự điển cũng không có kia mà!» Thế là lương tâm được yên!

Hai bộ *Hán Việt từ điển* và *Việt Nam tự điển* (bộ *Đại Nam Quốc âm tự vị* của Huỳnh Tịnh Paulus Của đã tuyệt bản từ lâu) đáng lý giúp cho sách báo Việt đỡ được nhiều lỗi chính tả, nhưng sự thực: từ 1930 đến 1950 lỗi chính tả trên các sách và nhất là báo vẫn không giảm. Nguyên do chính là tại Việt nữ vẫn không có địa vị gì quan trọng ở các Trường học dân tộc mình vẫn phải học nhờ tiếng Pháp. Phải được luyện từ lớp Đồng ấu, liên tiếp trong mười năm thì người ta mới biết trọng chính tả, quen với chính tả. Không được luyện như vậy mà hồi 25-30 tuổi mới thấy viết đúng chính tả là cần, thì dù là người có thiện chí, có đủ tự điển đề tra, có chịu khó tra, khi viết cũng vẫn thường sai. Vì có thói quen viết sai rồi, vì quen mắt nhìn sai, quen tay viết sai rồi.

Khi nhìn cả trăm lần chữ *Giông tố* in rất lớn trên bìa một cuốn truyện, cả ngàn lần chữ *xử dụng*, *sơ xuất* trên mặt một tờ báo; khi đã cả chục năm quen viết *sợi giây*, *giận giữ*, *vũ khí*, *đề khán...* thì tới lúc biết viết như vậy là sai người ta cũng cứ quen tay (mà quen tay một phần cũng do quen mắt) hạ bút xuống viết như vậy, mà không ngờ rằng sai. Vì tôi chắc không có người cầm bút nào viết năm 500,600 có khi 1000 trang mà chịu dò từng chữ xem có sai chính tả không, nhất là trong khi ý đương đòi tuôn thật

mau ra ngoài viết; rồi khi đọc lại thì cũng ít ai chú ý sửa chính tả, mà thường chỉ sửa ý, sửa lời văn. Tóm lại muốn viết cho đúng chính tả thì phải có thói quen viết đúng đã và thói quen đó chỉ có thể tập được từ hồi mới cắp sách đi học. Lớn lên rồi mới sửa thì không ai sửa được hết, trừ phi có nghị lực lớn lắm. Tạo được một thói quen để diệt một thói quen khác là việc rất lâu và rất khó. Hạng người cầm bút hiện nay trên dưới năm chục tuổi chắc ai cũng đã nhiều lần nhận thấy rằng vì quen tay mà viết sai, khi sửa ấn cáo nhận ra được ngay, nhưng đôi khi cũng vẫn bỏ sót; và nếu vì một lẽ gì không được sửa ấn-cáo thì đành chỉ trông ở sự khoan hồng của độc giả. Ở Pháp các nhà xuất bản đều có những «lecteur» (người đọc bản thảo) và «correcteur» (thầy cò) tự ý sửa giùm lỗi chính tả, có khi chấm câu lại cho tác giả nữa nên sách của họ in ít lỗi. Ở nước mình còn lâu mới tới giai đoạn đó.

Vậy cho tới khoảng 1945 tình hình sách báo của mình chưa được cải thiện bao nhiêu về phương diện chính tả. Chỉ có mỗi tờ báo *Sống* (1935) của Đông-Hồ là in đúng chính tả thôi. Mà tờ đó chỉ sống được chưa đầy một năm.

oOo

Năm 1948-49, ở Sài Gòn, bắt đầu có biến chuyển: một số nhà xuất bản, một số nhà báo đã gắng sức in cho ít lỗi chính tả.

Tôi được biết hai nhà: Yiễm Yiễm thư trang và Phạm Văn Tươi, có thể còn vài nhà khác.

Ông giám đốc nhà Yiễm Yiễm là thi sĩ Đông-Hồ. Cũng như đa số các học giả trong nhóm Nam-Phong, ông viết rất đúng chính tả. Tính vốn cẩn thận lại yêu mỹ thuật, ông đã đích thân coi

việc trình bày, sửa ấn cáo nên sách và tờ báo *Nhân-Loại* của nhà Yiêm Yiêm in nhà mà rất ít lỗi.

Sách của nhà Phạm-văn-Tươi và cả tuần báo *Mới* nữa, cũng tương đối ít lỗi, nhờ ông Phạm-văn-Tươi cho in ở nhà in Maurice. Ông Giám đốc nhà in này là họ: gả Lê-thọ Xuân. Lê quân yêu Việt ngữ, đích thân sửa ấn cáo, làm việc rất chu đáo, thường sửa giùm lỗi cho tác giả. Tôi đã được ông chỉ bảo cho nhiều chỗ sơ sót và tôi vẫn còn mang ơn ông.

Tôi còn nhớ một lần ông khuyên tôi nên sửa chữ *Ngọc thổ* ra *Ngọc thổ*. Ông có lý: theo tự điển Trung Hoa thì phải đọc là *thổ* mà tự điển của Huỳnh-Tịnh-Cửa cũng ghi là *thổ*.

Nhưng, tôi xin ông cứ để *Ngọc thổ* vì ngoài Bắc đã quen nói như vậy và *Việt Nam Tự Điển* của Hội Khai Trí Tiến Đức, Hán Việt tự điển của Đào Duy Anh đều viết như vậy.

Tôi chép lại hồi ký đó để đọc giả thấy lòng yêu tiếng Việt của Lê quân và nhân tiện đề thỉnh giáo Ủy ban Điền chế Việt ngữ: Chúng ta nên theo tự điển Trung Hoa hay nên theo thói quen của đa số? Mà thế nào là đa số? Nếu từ Bắc vào tới Huế chẳng hạn đọc là *Thổ*, từ Đà Nẵng vào Nam đọc là *thổ* thì bên nào là đa số? Nếu ta điền chế theo Nam, ngoài Bắc điền chế theo Bắc thì sau này khi thống nhất rồi, có cần điền chế lại không?

Tôi không rõ độc giả thời đó có nhận thấy công phu của hai nhà xuất bản Yiêm Yiêm và P. Văn Tươi không, nhưng một số anh em cầm bút chúng tôi đã noi gương của thi sĩ Đông Hồ và học giả Lê-Thọ-Xuân mà chú ý tới

chánh tả. Lúc đó nước mình đã độc lập (trên nguyên tắc) nên tinh thần trọng Việt-ngữ cũng hừng hừng lên được một chút.

Đồng thời lại có sự góp sức của học giả Lê Ngọc Trụ: Ông viết nhiều bài trình bày nguồn gốc của một số tiếng Việt rồi gảng cho chúng ta thấy chánh tả những tiếng đó phải viết ra sao mới đúng. Ví dụ tiếng *cắc* (bạc cắc) không thể viết là *cắt* vì gốc ở tiếng Hán Việt *giác* chuyển ra: gi chuyển ra thành c; ác thành ắc; tiếng *vuông* (vuông vức) không thể viết là *vuôn* vì gốc ở tiếng Hán Việt *phương*: phương có g thì vuông cũng có g.

Ông cho xuất bản cuốn *Chánh tả Việt ngữ* làm nền tảng cho bộ *Việt ngữ Chánh tả tự vị* của ông sau này. Tôi nhận thấy công của ông, đã có 1 n giới thiệu công đó trên tạp chí Bách-Khoa nên ở đây không cần nhắc lại. Ông làm cho chúng ta tin ở Việt-ngữ hơn, và nhận thấy có bốn phần phải viết đúng chánh tả.

Tới năm 1951 hay 1952, Việt ngữ bắt đầu được dùng làm chuyên ngữ ở bậc Trung-học, sự viết đúng chánh tả càng hóa ra cần thiết, cấp bách.

Cuối năm 1954, do cuộc di cư của đồng bào ngoài Bắc, sách, báo ở Sài Gòn in bớt lỗi thêm được nhiều, nhất là những lỗi riêng của miền Nam: lỗi an, ang, at, ac, in, inh, hỏi ngã vân vân...; vì các thợ sắp chữ và các thầy cò Bắc đều tránh được các lỗi đó.

Tóm lại từ năm 1950 trở đi, tình hình cải thiện được nhiều: so sánh những sách báo thời đó với những sách báo trước thế chiến, chúng ta thấy có sự tấn bộ rõ rệt về phương diện chánh tả:

tờ Việt Thanh năm 193 chẳng hạn ít lỗi hơn tờ *Tin Điện* thời xưa : tờ *Nhân Loại* hoặc tờ *Mới* ít lỗi hơn tờ *Ngày nay* hoặc tờ *Thành Nghị*.

oOo

Nhưng từ 1953, Ông Lê Thọ Xuân phải điều khiển một trường tư sau đó nhà Phạm Văn Tươi rồi nhà Yiễn Yiễm ngưng xuất bản, thực đáng tiếc.

Mấy năm gần đây, do cái nạn thiếu thợ, nhân công đắt, điện thường bị cúp, nên việc in loát không được cần thận như trước mà sách báo lại chứa nhiều lỗi chánh tả.

Thợ tương đối lành nghề có kinh nghiệm phải đi quân dịch, nhà in nào cũng phải dùng những em 13 — 14 tuổi mới học tới lớp nhất, cho tập sắp chữ. Các em ấy dĩ nhiên không thuộc chánh tả, không hiểu sự quan trọng của chánh tả, và cũng do cái tật quera mắt và quen tay, có khi bản thảo viết đúng mà sắp chữ bậy. Chính tôi đã kinh nghiệm : tôi viết sử dụng, sơ suất, năng suất, có chí... thì trên bản vở thành ra : xử dụng, sơ xuất, năng xuất, có trí...

Vì không rành nghề, các em ấy để nhiều lỗi quá, thầy cò sửa đặc cả ngoài lề mà vẫn không hết; tới khi tá giả sửa lại lần nữa, cũng vẫn đặc cả ngoài lề. Nhà in đem ấn-cảo về sửa lại qua loa rồi phải lên khuôn cho máy chạy vì máy không thể chờ được, điện sắp bị cúp, hoặc thợ chạy máy không thể ngồi không...; và sách báo in ra còn không biết bao nhiêu là lỗi.

Nhiều tá giả khi nhận ấn-cảo, thấy còn nhiều lỗi quá, không dám sửa hết, chỉ sửa những lỗi nặng, còn những lỗi hời ngã, lỗi dấu huyền thành dấu sắc, lỗi ọ thành ô, lỗi phết, chấm phết... thấy

đấy mà phải bỏ lại ; vì biết có sửa cho kỹ thì thợ nhà in cũng không có thì giờ sửa hết cho mình được, sẽ tự ý bỏ lại những lỗi mà họ cho là không quan trọng hoặc ngán không muốn sửa. Vậy thì thà nhà in lựa trước một ít lỗi quan trọng bỏ những lỗi khác, để họ đỡ nản lòng may ra sửa hết những lỗi đó cho mình mà lại hơn.

Được sửa ấn cảo còn là may lắm đấy. Một số nhà in bây giờ không nưón được một em nhỏ để sai chạy những việc vặt, đành xin tác giả để nhà in cho "bông chạy" (bon à tirer), tác giả khỏi phải coi lại ấn cảo. Thường thường những nhà in đó có lương tâm, sửa kỹ ấn cảo cho tác giả nhưng làm sao bằng chính tá giả tự sửa lấy được.

Vì vậy mà sách trong mấy năm nay in thường có nhiều lỗi hơn mười, mười lăm năm trước; và một số nhà phê bình đã phải phàn nàn về điểm đó, vị nào dễ dãi thì chỉ nhắc qua rằng sách in còn nhiều lỗi, vị nào gắt gao thì tỏ vẻ trách móc.

Trách là phải lắm. Nếu tình trạng này không cải thiện sớm sớm thì sau này con cháu chúng ta đọc sách của chúng ta sẽ chướng mắt, có thể sẽ bực mình vì không hiểu chúng ta nói gì nữa, có chí mà in là có trí tính dục mà in là tình dục thì ai mà đoán được ý của tác giả.

Chưa biết chừng vài trăm năm sau, có người nào in lại một tác phẩm năm 1969 này hoặc trích một đoạn để dẫn chứng, sẽ phải làm cái việc chú thích, hiệu đính như người Trung-Hoa chú thích, hiệu đính tác phẩm cổ của họ. Chẳng hạn, sẽ chú thích :

« Thời đó, thế kỷ XX

xử dụng dùng như sử dụng
 xuất với suất là một, giành với dành
 là một,

chùm (khả) các cụ viết là trùm
 (trùm hoa),

trí đọc như chí

tình dục ở đây phải hiểu là tính dục,
 dấu hỏi và dấu ngã dùng thay lẫn nhau,
 vân vân...

Cho đến hoàn thuộc của nhà điếm sách có đấng, thì cũng phải rán mà nuốt. Đôi khi nó đấng quá, đấng hơn hoàng liên, đến nỗi người ngoài cuộc, chỉ nhìn người ta tặng nhau thôi, cũng đủ thấy rợn rợn ở cuống họng, vì ai là người không đề sót cả chục lỗi chánh tả trong bài, trong sách của mình? Dù có là lỗi của nhà in thì cũng vẫn là lỗi của người viết.

Đành rằng có thể đính chính, nhưng một cuốn sách hai trăm trang, mà đính chính cho hết lỗi thì có khi phải **mười trang**, coi cũng kỳ; đọc giả chỉ thấy nó tràng giang như vậy, cũng ngán không thèm đọc nó nữa. Cho nên trong cái việc đính chính cũng như trong việc sửa ấn cảo, tác giả phải hiểu tâm lý mà phiên phiên cho thì kết quả mới khỏi ngược lại ý muốn.

Đó là nói về sách, còn bài báo mà đòi đính chính cho hết thì nhất định là chủ báo cau mày rồi! « Ông ấy khó tính quá! »

oOo

Ai cũng biết phải cải thiện tình trạng đó sớm sớm, nhưng có cách nào cải thiện sớm sớm được không?

Như trên đã nói, muốn viết đúng chánh tả thì phải tập có thói quen viết đúng từ hồi nhỏ, nghĩa là ở các trường tiểu học và trung học phải coi trọng

môn Việt-ngữ hơn hết thầy các môn khác, phải dạy Việt-ngữ một cách có hệ thống. Điềm đó tôi đã trình bày tạm đủ trong bài *Làm sao cho học sinh bớt dốt Việt văn?* đăng trong *Tin Văn* số 4 ngày 21-7-1966 và in lại trong cuốn *Mấy vấn đề xây dựng Văn-hóa* (nhà Tao Đàn -- 1968). Ở đây tôi chỉ nói thêm rằng Bộ Quốc gia Giáo dục cần soạn một bộ Quốc văn bản: Tiểu học, soạn cho đúng đắn, ít nhất cũng phải đủ tin cậy được như những sách Quốc văn của Nha Học-chánh thời Pháp thuộc; trong bộ đó phải làm sao có đủ những tiếng thường dùng để học sinh có bằng Tiểu học không đến nỗi viết sai lầm. Nếu làm tiếp được tới ban Trung học đệ-nhất cấp thì càng tốt. Mục tiêu cần đạt là tới hết ban này học sinh phải viết đúng chánh tả, gặp những tiếng nào ngờ ngờ thì phải có thói quen tra tự-điền.

Điền-chế văn-tự là việc cấp thiết. Tôi nghe nói Ủy-ban điền-chế Việt-ngữ của Bộ Văn-hóa có bốn chục vị và một ngân sách là bốn chục triệu cho năm 1968. Nay đã non một năm, không rõ Ủy-ban đã điền chế được bao nhiêu tiếng. Nếu Bộ thấy công việc đó không thể làm mau được, mười năm, hai mươi năm nữa mới xong thì có thể ra một thông tư cho các trường công và tư hãy tạm dùng cuốn *Việt ngữ Chánh tả tự vị* của Lê Ngọc Trụ trong khi chờ đợi.

Và một nhà xuất bản nào đó, chẳng hạn nhà Khai Trí, có lẽ cũng nên theo cuốn của Lê quân, lựa những tiếng thường dùng, phát âm gần như nhau mà chánh tả dễ lầm, in thành một cuốn tự vị chánh tả bỏ túi, tựa như cuốn *Đồng âm tự vị* hồi xưa cho học sinh gốc Nam; và một cuốn tựa

như cuốn *Việt ngữ chính tả đối chiếu* của nhà Thế-giới năm 1950, nhưng đây đủ hơn, cho học sinh gốc Bắc (cuốn này chỉ ghi và sắp với nhau những tiếng bắt đầu bằng phụ âm CH và TR ; D, Gi và R ; S và X). Học sinh phải luôn luôn có những cuốn đó ở bên cạnh ; trong khi làm bài dù ở nhà hay ở lớp học, lễ gặp một tiếng ngờ ngờ thì phải tra liền, tra trong những cuốn đó mau hơn là trong cuốn tự vị của Lê Ngọc Trụ.

Các nhà in, các nhà xuất bản, các nhà báo cũng phải góp công nữa mới được. Phải đào tạo một hạng thợ sắp chữ, phải muốn những người giỏi chánh tả để giao cho việc sửa ấn-cáo. Như vậy phải trả công cao, phí tiền sẽ tăng, giá sách, giá báo cũng sẽ tăng theo, nhưng không bao nhiêu, nhiều lắm là 30%, độc giả sáng suốt sẽ không phàn nàn. Vì như trên tôi đã nói, báo chí, nhất là báo hằng ngày, phải in đúng chánh tả thì quốc dân mới quen mắt mà không viết sai chánh tả, mới biết trọng chánh tả.

Có lẽ khi in lại các tác phẩm của các nhà văn đã quá cổ thời tiền chiến chúng ta cũng nên mượn phép vong linh các vị đó sửa lại cho đúng chánh tả, như một vài nhà xuất bản ở đây đã làm. Chẳng hạn nhan đề cuốn *Giông tố* của Vũ Trọng Phụng nên sửa lại là *Đông tố*. Nếu không, học sinh và cả hạng người lớn như tôi nữa, cũng quen mắt rồi quen tay viết là *giông tố*.

Trong năm việc tôi mới đề nghị : dạy Việt ngữ cho có hệ thống, điền chế văn tự, in tự vị chánh tả bổ túc, sửa chánh tả các tác phẩm thời tiền chiến, đào tạo thợ sắp chữ, thì bốn việc trên có thể bắt tay làm ngay, duy có việc đào tạo thợ sắp chữ là phải đi cho hết chiến tranh đã.

Vì hiện nay theo luật cung cầu, thợ sắp chữ rất khó kiếm, rất được ưu đãi : một người thợ trung bình lãnh không

dưới 9 000 một tháng, gấu bằng lương một giáo sư ở trường Cao Đẳng Sư Phạm mới ra, và cễ kiếm việc hơn một ông cử Luật khoa. Họ sống dễ dàng hơn một số nhà cầm viết vì ở Sài Gòn này có bao nhiêu nhà chuyên viết tiểu thuyết hoặc biên khảo mà chỉ nhờ cây bút, kiếm được đều đều trung bình mỗi năm trăm ngàn đồng ?

Như vậy thì có ông chủ nhà in nào không phải chiều chuộng họ sắp chữ và thợ sắp chữ cần gì phải cải thiện nghề nghiệp, học thêm chánh tả ? Phải đợi hết chế độ tranh này đã, tới khi cung thấp hơn cầu, có sự cạnh tranh, họ mới chịu cải thiện nghề nghiệp.

Mà hết chiến tranh, tình trạng chánh tả cũng chỉ tiến chậm chậm thôi. Đó là cái bệnh chung của các nước theo chế độ dân chủ Tây phương. Chúng ta quen con đường dài, không dám dùng con đường tắt, cho nên trong bất kỳ ngành hoạt động nào chúng ta cũng cứ tiến được hai bước lại lùi mất một bước rồi. Nếu tới cuối thế kỷ này, nghĩa là ba chục năm nữa, tất cả các sách báo của ta gần sạch lỗi chánh tả như các sách báo Pháp chẳng hạn, thì tôi cho là cũng đáng mừng rồi đấy. Lúc đó may ra tất cả các nhà in sẽ được như nhà in Maurice, tất cả các nhà xuất bản sẽ được như nhà Yiem Yiem thời trước.

Bạn nào có nóng ruột thì tôi xin nhắc lại lời của các cụ trong Đông-tỉnh nghĩa-thục : đời ta không hành thì mong ở đời con, đời con chúng ta không thành thì đời cháu. Vì chuyện chánh tả coi thì tầm thường chứ cũng cần một cuộc cách mạng mới xong được.

Còn như hiện nay thì.. ngay như bài này bàn về chánh tả, chỉ có mấy trang mà cũng chứa biết bao lỗi chánh tả, đều của tôi cả chứ không phải của nhà in, nhà báo. Tôi xin lãnh hết trách nhiệm.

Sài Gòn ngày 27-8-1968

NGUYỄN - HIỂN - LÊ

Toán số với càn khôn

(Tiếp theo B. K. số 312)

Toán trong một thời-đại mới

Những toán-gia của thời đại mới trong một khung-cảnh xã-hội biến đổi nhanh chóng không khỏi băng khuông về cuộc phiêu-lưu của mình trong địa-hạt trừu-tượng mê-ly. Có người lo "suy nghĩ một cách thật-tế", có người, vô số người tiếp tục theo «toán vì toán» chẳng khác những người trong văn - chương hay mỹ-thuật theo đuổi nghệ-thuật vì nghệ-thuật và không tránh được sự phê-bình chỉ-trích của quan-niệm thực-dụng. Dù sao, thế-kỷ 20 đã thấy một sự phát-triển kỳ diệu về môn toán. Tiến-bộ trong vòng sáu bảy mươi năm còn hơn tiến-bộ của nhiều thế-kỷ trước. Có người nói ta đang sống trong thời-đại hoàng-kim của toán số. Những sách vở báo chí về toán không ngớt tăng lên. Bộ sách toán mới của Bourbaki — biệt hiệu chung của một nhóm toán-gia Pháp — đã xuất bản ba mươi cuốn rồi nhưng chưa đến hình-học vi-phân. Nói đến Bourbaki là nhắc đến thuyết toàn-bộ, mà nhóm ấy đã khai-triển tiếp theo sự phát-minh của Georg Cantor, toán-gia Đức gốc Nga. Thuyết toàn-bộ là một trong hai sự phát-triển của toán thuần-túy, «toán vì toán». Công trình kia là lý-thuyết ký-hiệu. Giữa hai thuyết toàn-bộ và luận-lý ký-hiệu,

thuyết nhóm của Evariste Galois đã giúp cho việc phân-á h và tìm tương-đồng giữa nhiều địa-hạt toán.

Một khăn lau bảng trên đầu giám-khảo

Người phát-minh ra khái niệm về nhóm (groupe) là một thanh-niên chỉ sống một đời thật ngắn ngủi. Trong một thời-gian không đầy bốn năm, từ khi 17 tuổi cho đến lúc chết, năm 1832 mới 21 tuổi, Galois — mà lịch-sử gọi là Rimbaud về toán-học cũng như gọi Gauss là một Mozart — đã phát-huy khả-năng của mình trong vài tờ giấy, hiến cho đời một công-trình phong-phú và hiệu-năng lạ lùng. Một quãng đời ngắn đủ xây dựng danh-vọng cũng không thiếu biến-sự ly-kỳ.

Từ lúc nhỏ Galois đã ý-thức được thông-minh của mình. Lúc đi học Galois đã đọc những sách quá trình-độ lớp học, vượt ra khỏi chương-trình nhà trường. Ông xem sách toán như đôi người xem sách «chưa ở». Không những nhờ ham thích ấy ông đã khám-phá ra được vũ-trụ toán học mà còn tìm ra được một phương-pháp tư-duy, một kỹ-cương tri-tuệ và hầu như một nghệ-thuật sống

nữa. Dĩ nhiên, những thầy dạy Galois không chịu nổi thứ học trò kỳ dị à phi thường ấy, và cũng chẳng lạ gì nếu học sinh Galois đã khinh thường một số giáo-sư hẹp hòi, dốt nát và tự-phụ của mình. « Những vị ấy không hiểu môn họ dạy. Cho đến khi nào học trò khỏi phải nghe đi nghe lại những lời của mấy ông ấy? Sao không để cho bọn trẻ có thì giờ để suy gẫm về mớ kiến-thức đó, để sắp lại cho có thứ-tự đằm đằm không mạch lạc, những bài toán không liên quan? Người ta dạy những thuyết xéo bót đi, kèm thêm những lời ban vô ích trong khi quên những đề gian-dị nhất và tươi đẹp nhất của đại-số... » Galois, để quên lãng sự khó chịu của mình đối với lối học cổ hủ, đọc thêm Euler, Gauss, Jacobi. Tuy nhiên khi đi thi vào trường Bách-Khoa (Polytechnique) là trung-tâm tư-tưởng toán-học có uy-tín thời đó, thí-sinh Galois thiếu sửa soạn theo lối khoa-cử, chỉ trông vào kỹ-tài của mình. Galois hỏng. Học lại lớp toán dự-bị ở trường trung-học, nhờ sự chỉ bảo của giáo-sư Richard là người duy-nhất nhận ra được thiên-tài của Galois, thanh-niên 17 tuổi bắt đầu viết bài cho tạp-chí toán-học *Annales mathématiques*. Lần này Galois tin chắc sẽ thi vào Trường Bách - Khoa được. Nhưng chuyện xảy ra lúc thi cũng là chuyện hiềm có.

Thí-sinh Galois bước lên bệ, đứng trước bảng đen, tay cầm phấn hơi nhút nhát và lúng túng. Giám-khảo hỏi một câu về lô-ga-rít. Galois đáp một cách khó chịu: Tôi không phải là một học-sinh. Tôi không trả lời một câu hỏi quá dễ như vậy.

Giám-khảo cho giải một phương-trình. Lần này không mấy dễ. Nhưng Galois viết trên bảng một giải-đáp lạ

ừ g Các giám-khảo phì cười. Galois quay lại và bàn cãi sôi nổi với giáo-sư. Biết trước số phận mình căm tức, mắt ứa lệ. Galois lấy khăn lau bảng vứt lên đầu giám-khảo.

Có tài là một chuyện. Làm cho thiên-hạ nhận tài mình là một chuyện khác. Uất hận trước sự ngu-xuân của hạng người có quyền hành định-đoạt mọi giá-trị, Galois nghĩ rằng tiến-bộ của khoa-học không thể tách rời công việc tranh-đấu cho tự-do. Vai ngày sau khi thi hỏng, cha của Galois, làm xã-trưởng Bourg-la-Reine, bấy lâu được đồng-bào mến chuộng, tự-tử vì một âm-mưu của một đám quyền-hành, ngăn cản và phá quấy công việc của ông. Năm ấy là năm 1829. Galois ngày đêm viết tiếp bài trình những quan-niệm mới về toán mà một phần đã được đăng báo. Khi xong, gửi đến cho Viện Hàn lâm Khoa-học. Viện giao cho Cauchy đọc. Cauchy đánh mất, và bài ấy không được công bố. Một lần nữa Galois viết lại, bổ chính thêm, gửi đi dự giải-thưởng toán-học của Viện. Thư-ký vĩnh-viễn của Viện, Fourier, đem bản trần-thuyết về nhà để đọc, nhưng Fourier chết và một lần nữa, tài-liệu của Galois mất.

Khi hết hy-vọng vào trường Bách-Khoa, Galois thi vào được trường Sư-Phạm. Qua năm sau, cuộc nổi dậy lật đổ vua Charles X bùng nổ Galois tham-gia cách-mạng bên cạnh các bạn sinh-viên của mình. Lúc bấy giờ Guigniault, Giám-đồng trường Sư-phạm, rồi tiếng hèn hạ nịnh bợ quyền thế. Guigniault cấm sinh-viên đi biểu-tình và cho đóng cổng trường. Galois viết báo chỉ-trích Guigniault và bị đuổi. Trường Sư-phạm không thiếu những chuyên ngộ nghĩnh. Mấy mươi năm sau cũng một sinh-viên bị đuổi, dựng quán bán khoai

chiên ngay trước công trường với bảng hiệu. Jean Richepin, ancien élève de l'École Normale Supérieure, marchand de frites (cậu sinh-viên trường Cao-đẳng Sư-phạm, bán khoai chiên) Richepin sau này là một thi-sĩ có tiếng của nước Pháp. Có một dự-định vừa kiêu ngạo và ngây thơ hơn, Galois cho đăng tờ báo sinh-viên bài quảng-cáo như sau: «Thứ năm 18 háng giêng, Ô. Galois mở một lớp dạy đại-số cao-lọc, tại nhà sách Caillot số 5, đường Sorbonne. Lớp ấy mở mỗi chiều thứ năm lúc giờ 15. Lớp dành cho han-niên nào thấy sự thi-u-sốt của chương-trình dạy đại số tại các trường muốn hiểu thêm về môn ấy. Bài sẽ gồm những lý-thuyết, thứ mới và chưa hề được dạy... » Một toán-gia 19 tuổi thách-đố Sorbonne! Thứ năm đầu được ba mươi người theo học, vài ngày sau còn ba hay bốn cho đến ngày lớp học đóng cửa theo lệnh ám-sát và Galois đã bị bắt. Galois bị buộc tội «âm mưu ám-sát vua của dân Pháp» chỉ vì trong một bữa tiệc (có Alexandre Dumas tham dự) Galois, tay cầm dao đưa lên và nâng rượu chúc tụng «Tặng Louis-Philippe nếu người phản-bội». Galois bị đưa ra trước tòa đại-hình nhưng được tha bổng. Một việc khác tiếp theo. Galois, bạn bệnh-phục, cầm đầu một đám biểu-tình và lần này bị 9 tháng tù vì sử-dụng quân-trang bất hợp-pháp. Trong khi ở tù, Galois biết được quyết-định của viện Hàn-lâm Khoa-học, vì khoảng thời-gian đó, Lacroix và Poisson, thuyết-trình-viên của viện đã trình có đọc bài trần-thuyết của Evariste Galois, đã cố gắng hiểu và thú nhận chẳng biết tác-giả bài ấy muốn nói gì!

Đoạn đời ngắn ngủi của Galois đây

chuyện bi-hài-kịch. Chỉ còn một chút tình-tự nữa cho đủ mùi tục-lụy. Nằm ở bệnh-viện, Galois quen một thiếu-phụ chẳng biết tên tuổi, tông-tích. Cho đến cùng, con người đẹp ấy, như hiện-thân cho số kiếp phũ phàng, tạt qua đời Galois để phá quấy và biến mất trong cõi huyền-bí. Vì người ấy, và trong những trường-hợp chẳng ai biết rõ, Galois gây sự với người bạn tên Duchatlet. Hai người đấu súng để bảo-vệ danh-dự hay vì chút tự-ái. Họ đấu súng theo lối may rủi, một súng có đạn, một súng không. Cách nhau hai mươi bước, hai người bóp cò. Galois ngã gục, súng của ông ta không có đạn.

Trước ngày đấu súng, suốt đêm Galois lo viết di-chức toán-học của mình. Tài-liệu gồm 31 trang giấy, luôn luôn nhắc lại sự than tiếc không có thì giờ, để ghi cho hết, để giải cho rõ. «Tôi không có thì giờ. Phải có một chứng minh nơi đây nhưng tôi không có đủ thì giờ.» Một linh-tính cho biết rằng mình sẽ chết, phải chi có thể kéo dài đời một ít lâu nữa, thì sự-nghiệp sẽ khác, và thế-giới toán-học sẽ mở rộng thêm một vài nẻo đường mà có lẽ phải chờ lâu hay chẳng có ai vạch được. Nhưng trong khoảnh-khắc của một vì sao buổi sáng, trong thời-gian bốn năm không dùng hoàn-toàn cho việc nghiên-cứu về toán, Galois đã vạch được nguyên-ly của thứ toán-học rất trừu-tượng, làm cơ-bản để áp dụng cho nhiều địa hạt, phân-tách những phân-tử, những tinh-thể hay những kết-hợp những yếu-tố trong vòng điện-tử.

(còn tiếp)

CUNG GIỮ NGUYỄN

BANQUE

*A votre service
tous les services de la*

**banque
nationale
de Paris**

Đi thăm Tiệp-khắc

xứ của một «Mùa Xuân chưa tròn»

Kể về Prague với các bạn hôm nay không phải dựa trên sách báo mà là kể lại những điều chính tôi đã thấy khi đặt chân lên thành phố này. Tôi không ngờ là mình đã thăm được 1 nước Cộng-sản. Đối với người Âu-châu, việc du lịch các nước C.S. vào những dịp nghỉ hè rất dễ dàng, không hề gặp khó khăn gì, nhưng với các người như Đại-hàn, Trung-hoa quốc-gia v.v. cũng như người mình sang thăm được các nước đó là điều hãn hữu. Riêng tôi sang Prague đã không đi một mình mà theo đoàn du lịch, dưới sự trông nom của một hướng dẫn viên. Mặc dầu đã xin «Visa» vào Tiệp-khắc từ lâu, nhưng lúc 8 giờ sáng khởi hành, mà 6 giờ chiều hôm trước tôi vẫn chưa biết đích xác có được chiếu khán hay không. Văn phòng du-lịch cho biết có thể 12 giờ đêm hôm đó tôi mới có «Visa» do phái bộ thương mại Tiệp-khắc ở Frankfurt gửi đến. Mà dù không xin được tôi vẫn phải trả tiền cho hãng du-lịch đầy đủ như mọi người khác, vì hãng đã dành sẵn phòng và phương tiện chuyên chở cho tôi.

Đường ra «quan ải»

Sáng hôm đó tôi xách valy đến văn

phòng du lịch vừa buồn vừa hồi hộp vì nếu không được «Visa» thì phải về không. Sau khi gặp hướng dẫn viên và biết mọi việc đã xong xuôi, tôi vui mừng lên xe chờ đợi giờ khởi hành. Khi đến biên giới Tiệp-khắc đã thấy rất nhiều xe và các đoàn du lịch khác phải chờ đợi để công an biên phòng và thuế quan Tiệp-khắc kiểm soát. Hướng dẫn viên đoàn du lịch chúng tôi thu tiền của các đoàn-viên đem đi đổi. Tất cả du khách đều phải đổi tiền Tiệp, mỗi ngày 2,5 Dollars, tùy theo du khách ở lâu hay chóng. Đó cũng là một cách moi tiền du khách của các nước Cộng-sản. Trước kia Cộng sản không muốn đón tiếp du khách, nhưng vì cần ngoại tệ nên đến nay họ đã nới rộng thể lệ du lịch ra nhiều, thành ra nước Cộng sản nào có nhiều du khách tới là họ được một nguồn lợi lớn. Chính phủ Cộng sản còn làm tiền du khách một cách trắng trợn. Ví dụ những du khách từ Đức sang Tiệp-khắc phải đổi 10 Đức-mã 1 ngày (25 Dollars), 1 Đức-mã chỉ được 4 Krone (Kcs) trong khi giá chợ đen 1 Đức-mã được từ 12 đến 15 Krone (Kcs). Khi du khách ra khỏi nước Tiệp, số tiền Tiệp còn lại phải đổi sang tiền của nước từ đó mình tới (Đức, Pháp, Hòa-lan v.v) nhưng chỉ được chính phủ Tiệp

trả lại một giá rẻ mạt. Thành ra khi rời xứ Tiệp, du khách còn tiền Tiệp chẳng ai nghĩ đến việc đổi lại làm gì, mà ở biên giới họ mua đồ kỷ niệm, mua tem nếu là tay sưu tầm (vì tem Tiệp khá đẹp), hoặc nếu là tợn nhậu thì mang theo về những chai bia sản xuất từ Pilsen có một vị ngon đặc biệt.

Sau khi chờ đợi ả 2 tiếng đồng hồ để lích Tiệp kiểm soát, lúc qua khỏi biên giới Tiệp tôi lại mừng một lần nữa, vì đã thoát được «ả quan». Nếu không may gặp người lính Tiệp khó khăn hãy tôi từ Nam Việt-Nam đến, anh ta có thể gây khó dễ thì sao?

Những cảm tưởng đầu tiên :

Một sự so sánh nhỏ ngay ở bên giới, là cũng một giải đất liền nhau mà sao phía Đức trông trọt phì nhiêu, mà phía đất Tiệp thì cằn cỗi.

Dọc đường đến Prague chúng tôi được hướng dẫn viên của văn-phòng du lịch dặn dò đủ điều; phải thận trọng đôi vị người bồi phòng khách sạn, đừng mang sách báo «tư bản» sang Tiệp, cấm không được đổi tiền lậu, vì theo luật Tiệp, du khách sang Tiệp nếu bán tiền cho ai theo giá chợ đen sẽ bị tù đến 3 tháng và phạt vạ một số tiền ngoài ra phải có người bảo lãnh để được thả ra. Chúng tôi cũng đã được dặn nên mua nhiều thuốc lá để dành hút hoặc làm quà cho người Tiệp vì tại đây thuốc lá đắt vô cùng.

Khi đến khách sạn tất cả thông hành của du khách đều được thu lại giao cho văn phòng khách sạn cho đến khi về mới được trả lại. Hầu hết tất cả các khách sạn đều sang trọng (vì các khách sạn phần nhiều để cho du khách) món ăn ngon, bồi bàn lễ phép, nhưng vì lạ

lòng, tôi nhìn họ với một vẻ thận trọng.

Sau khi ăn cơm xong, đoàn du lịch chúng tôi rủ nhau đi xem Prague về đêm. Prague là một thành phố lớn mà đi giữa các phố chỉ h cũng thấy vắng người Mặc dù mới 8 giờ tối đèn ở hai bên đường và các cửa ti m k ô g đủ để soi sáng thành phố (ì Tiệp muốn h tiện điện?), nhất là những phố nhỏ thì tối om, đi đường phải nhờ các đèn xe hơi soi sáng thêm. Khách đi đường toàn là du khách, vì dân Tiệp ban ngày đi làm vất vả ở xưởng, tối đến họ phải làm việc nhà, hội họp nên có lẽ còn rất ít thì giờ để đi ngắm phố...

Các công viên và đường xá không lấy gì làm sạch sẽ lắm, xe điện rất ồn và bụi bám đầy, nhà cửa có lẽ vì lâu không quét vôi nên bầu hết có một màu đen xám, phần lớn các nhà đều xây từ chiến tranh thứ nhất, nay cũng không tu bổ lại. Còn nhìn vào trong thì tối om, độ đặc cũ kỹ, mỗi nhà đều có một mảnh vườn nhỏ mà họ để cỏ mọc như một nhà hoang. Những người dân Tiệp có nét mặt chịu đựng, không buồn mà cũng không vui, họ trầm lặng chứ không bô bô cười nói hay dễ nổi nóng như dân Ý hoặc Pháp. Phụ nữ Tiệp ăn mặc không đẹp lắm, không quý nữ bằng các phụ nữ Âu-châu và chân họ ít thấy dùng vớ hoặc những vớ họ dùng đều là loại rẻ tiền (đối với phụ nữ Âu-châu vớ là một nhu cầu cần thiết như đôi guốc vậy). Tôi được hướng-dẫn viên sinh trưởng ở Tiệp-kể kể rằng vớ đối với phụ nữ Tiệp là một thứ xa xỉ, họ chỉ đi vớ khi trời lạnh hoặc vào những ngày đặc biệt. Khi đến Tiệp hoặc các nước xã-hội chủ nghĩa như Nam-tur, Hung-gia-lợi v.v., mang theo

vợ làm quà cho phụ nữ thì họ sung sướng lắm

Đời sống của dân Tiệp-khắc

Tiệp-khắc là một nước Cộng sản cải cách tự do mà đời sống cũng không lấy gì làm cao. Ví dụ như một người thợ hoặc giáo viên, lương được 1200 Kcs đến 1500 Kcs, nhưng 1 bộ « com-lê » giá đã 800 Kcs hoặc 1 xe đầy trẻ con giá từ 700 Kcs đến 800 Kcs, mà với người Âu châu, ngoài lý do trời tiết, quần áo mặc khi đi dự các dịp quan trọng và xe đầy trẻ con là những nhu cầu thiết yếu đối với họ. Như vậy muốn mua 1 bộ quần áo hoặc 1 xe đầy cho trẻ con năm không phải mỗi lúc mua được ngay mà phải để dành cả mấy tháng, nhiều khi có tiền cũng không có mà mua. Tất cả mọi thực phẩm đều đắt và thiếu thốn, những cửa tiệm thịt nhỏ đầy khách xếp hàng mua. Nhìn qua cửa kính một tiệm bán thịt lợn, tôi thấy bày ra những thịt mỡ và xương, lý do là bị người đã cung cấp cho tiệm ăn, khách sạn để dụ khách dùng và cũng để mời tiền dụ khách. Rau cỏ, hoa quả rất ít, 1 tuần chỉ bán 2 lần, cà-phê thì dở và rất hiếm nên họ không pha phin mà chỉ đổ thật nhiều nước sôi vào cà-phê nên uống toát mồ hôi.

Ở các nhà hàng, khách sạn v.v.. đến các sạp hoa quả bán ở lề đường đều là của công. Hướng-dẫn-viên đoàn du-lịch chúng tôi cho biết tất cả thành phố Prague này chỉ có một ông già làm nghề mua bán đồ cũ, sắt vụn xe hơi là sở-hữu-chủ cửa hàng nghèo nàn của ông mà thôi. Mọi người đều đi làm hoặc bằng xe đạp, xe điện (xe điện là phương tiện chuyên chở công cộng rất rẻ), chứ xe hơi riêng đối với họ là một chuyện quá xa xỉ, không dám nghĩ tới. Điều lạ ở thành phố Prague là có rất nhiều xe

hơi cở từ trước chiến tranh thứ nhất, tặc mà vẫn chạy tốt nhờ tài tháo vát chắp nối của dân Tiệp. Mặc dầu xe hơi loại cở lỗ như thế nhưng không phải ai muốn có cũng được, vì còn tùy có được phép mua không. Xe mới thì chỉ khi nào hai vợ chồng cùng đi làm, kiếm được nhiều tiền, có 3 con trở lên, mới được phép mua, và sau khi làm đơn phải chờ đợi 5 năm, nếu đã được phép mua có thể trả góp trong 10 năm. Thường các nghệ-sĩ Tiệp kiếm ra tiền trong các dịp đi trình diễn ở ngoại quốc, có ngoại tệ, nên hay có xe riêng và sống sung túc hơn. Ngoài các xe cở ra còn loại xe Skoda do Tiệp sản xuất, đặc biệt Tiệp chỉ có loại xe Skoda chứ ít cho nhập cảng xe các nước khác.

Không phải chỉ các xứ tự do mới có «Hip-pi» mà ngay tại Tiệp cũng có «Hip-pi», thanh niên để tóc dài và ăn mặc theo «kiểu mới» rất nhiều. Ngoài ra thấy đông binh sĩ rất trẻ, chỉ độ 16, 17 đi dạo phố hoặc tản bộ bên bờ sông Moldau từng nhóm một, có lẽ họ là tân binh quân dịch. Các thiếu nữ 16, 17 cũng mặc mini-jupe và nét mặt vui tươi. Thú vui của các người trẻ tuổi này là buổi tối đến các tiệm nhậu, hoặc chiều thứ Bảy, Chủ nhật tụ họp ở cầu Charles bắc qua sông Moldau, ở đó cũng có những cặp thanh niên thiếu nữ chèo thuyền, yêu nhau thơ mộng như bất cứ nơi nào trên thế giới.

Những cặp vợ chồng trẻ ngoài giờ làm việc ở xưởng còn phải trông nom con cái và lo việc nội trợ nên ngày thứ Bảy, Chủ nhật rất quý với họ. Thường họ đẩy xe cho con đi chơi, hoặc ra phố mua sắm, riêng ngày Chủ nhật các tiệm đóng cửa thì họ dạo mát ở công viên. Ít khi họ ăn tiệm vì rất mắc, mà dù có ăn cũng chỉ năm thì mười họa.

Ở Tiệp dường như có nhiều người và già đời sống của họ có vẻ không lấy gì làm sung túc lắm. Một bà cụ hỏi tôi người nước nào, sau khi chỉ đường cho tôi, cụ bảo du lịch xong thì về chứ chẳng nên ở đây làm gì ! Tại một quán cà-phê lớn gần nhà hát thành phố có rất nhiều ông già ba cả lui tới và ngồi lại rất lâu ; ngày thứ Bảy, Chủ nhật mà tìm được một chỗ ngồi trong quán cà-phê này quả thật khó vô cùng. Hình như đó là cách giải trí đỡ tốn nhất của các cụ vì chỉ cần một ly cà-phê là có thể ngồi hàng giờ nhìn ra sông và quan sát đường phố tấp nập. Ngoài ra ở đây cũng có thể đọc cả báo ngoại-quốc của quán dành cho khách hàng nữa.

Đặc biệt Prague có một cửa hàng bán toàn đồ ngoại-quốc đủ các thứ như quần áo, kẹo bánh, máy móc v.v.. nhưng khách hàng muốn mua phải trả bằng ngoại-tệ ; ngày thứ Bảy cửa hàng đây dân Tiệp đứng xem với đôi mắt thèm muốn. Họ thích hàng ngoại-quốc lắm, nhưng lấy đâu ra ngoại-tệ mà mua. Nếu phải đổi giá chợ đen để lấy ngoại-tệ thì 12 Kcs mới được 1 Đức-mã chẳng hạn, lương họ chỉ đổi được 60-70 Đức-mã, số tiền này chỉ đủ mua 1 áo hoặc 1 quần. Mặc dù kiếm được ít tiền và mặc dù chính phủ Tiệp đưa ra đạo luật rất nặng để ngăn chặn việc đổi tiền chợ đen, nhưng ngoại-tệ đổi với người Tiệp quý như người đi sa-mạc mong được 1 ly nước uống. Họ thích ngoại-tệ vì sợ rằng nay mai tiền Tiệp sẽ sụt giá; họ cố để dành, chắt bóp đổi ngoại-tệ để chờ nếu tình thế khó thở hơn thì trốn khỏi Tiệp, hoặc lấy ngoại-tệ cho con em du học. Chính phủ Tiệp mở ở khắp nơi công cộng và

ở tất cả các khách-sạn những chỗ đổi tiền, mà chẳng du khách nào đổi, vì du khách đổi giá chợ đen dễ dàng và được lợi hơn nhiều. Dĩ nhiên dân Tiệp không được phép đổi lấy ngoại-tệ ở các phòng đổi tiền chính-phủ, vì chính phủ sẽ hỏi họ đổi tiền làm gì. Trong các khách sạn cứ 3 tháng những người bồi phòng lại bị đổi sang làm ở một khách sạn khác, để ngừa việc các người này quen thuộc nhau, tìm đường lối đổi tiền lậu cho du khách. Cứ trung bình một du khách mỗi ngày gặp từ 3 đến 5 người Tiệp đến gạt đổi tiền, mà giá cả đều chênh lệch nhau. Buổi sáng đầu tiên vừa bước chân ra khỏi khách sạn tôi gặp một thanh niên ăn mặc lịch sự, túi đầy cộm những tiền, anh ta hỏi có đổi tiền Đức, hoặc Dollar lấy tiền Tiệp không, tôi từ chối ; Lúc đi phố về khách sạn bằng taxi, người tài xế taxi kể là ông ta muốn cho người con trai du học Tây-Đức nên cần tiền và muốn đổi ; buổi chiều ra bờ sông gặp một cậu bé 15, 16 tuổi chạy lại gạt đổi tiền ; rồi đến tối đi mua vé xem vũ nhạc cũng gặp một cô thâu-ngân-viên hỏi đổi tiền Đức-mã. Dù luật cấm nhưng họ hỏi đổi chác, mặc cả giá gần như công khai. Tính trung-bình cứ 10 người đổi tiền thì 3, 4 người là con buôn và số 6, 7 người còn lại đổi tiền Tiệp ra Đức-mã để dành dụm. Có điều lạ là dân Tiệp thích đổi tiền Đức nhất, Dollar cũng không bằng. Có lẽ họ nghĩ ngoài Áo là nước trung lập nhưng tiền tệ lại yếu, chỉ còn Đức là nước láng giềng độc nhất không Cộng-sản để thoắt thân chẳng ? Tính ra một gia đình trung lưu nếu để tiền ăn tiền lắm mỗi tháng dư được 120 Kcs, đổi ra chỉ được 10 Đức-mã. Với số 10 Đức-mã này

một người thợ chuyên môn Đức chỉ làm trong 1 giờ 1 kém được. Vì được hướng-dẫn viên dẫn từ trước có thể có công-an viên giả dạng đôi tiên nên tôi rất thân trọng, gặp người Tiệp nào chạy lại hỏi chuyện này tôi cũng đều lắc đầu, mặc dầu tôi rất muốn đôi giúp họ và không muốn thấy nét mặt thất vọng của họ khi bị từ chối.

Prague và du khách

Prague được nhiều du khách đến thăm vì là thành phố văn-hóa lịch-sử, có nhiều bảo-tàng-viện ở một nước Cộng-sản tương đối tự do. Alexander Humboldt, một nhà khoa-học tự nhiên, từng ca tụng Prague là một thành phố đẹp nhất hoàn cầu, Prague còn là thành phố của âm nhạc, mỗi năm có lễ chức một «hạc bội mùa xuân» do đó «Mùa xuân Prague» đã được dùng để chỉ cuộc cải cách không thành của Dubcek. Ở Prague nhạc kịch Don Giovanni của Mozart được ra mắt lần đầu tiên tại lý viện J.- K.- Tyl, các nhạc sĩ tên tuổi như Maria von Weber Liszt, Berlioz, Tschaikowski từng lưu lại dấu vết tại thành phố này. Einstein từng giảng tại Đại-học Kỹ-thuật Prague và hiện nay người ta đang tìm xem Lenin đã ở phố nào khi ông tới Prague. Dân Prague đáng yêu, còn thành phố Prague có sức quyến rũ kỳ diệu. Du khách rời khỏi Prague trong túi đều rỗng tay nhưng ai cũng mang một niềm lưu luyến lạ lùng và muốn trở lại nữa. Trong đoàn du lịch của tôi có người đã đi Prague 2, 3 lần; một ông già 64 tuổi từ 7 năm nay, năm nào cũng đi thăm Prague một lần, còn một bà cụ khác đã 75, không ngại tuổi cao vẫn cố đi thăm Prague cho bằng được. Như trên đã nói, vì các nước Cộng sản rất

thèm muốn ngoại tệ của du khách nên họ đã khai thác nguồn lợi này đến triệt để. Họ in ra nhiều sách bằng các tiếng Anh, Nga, Pháp, Đức, Tây-ban-nha... để chỉ dẫn du khách từng chi tiết. Du khách đến Prague muốn thuê một xe hơi để đi, hoặc khi xe hơi hỏng, trường hợp cấp bách muốn mua thuốc ở nhà thuốc thường trực v.v. đều có đầy đủ địa-chỉ trong sách in này. Sách cũng chỉ dẫn những bảo tàng viện, những danh lam thắng cảnh nào nên đi coi, tên và địa chỉ các quán ăn quốc tế ở Prague. Prague cũng rất đông du khách. Một thí dụ nhỏ: Một buổi trưa, tôi muốn ăn ở tiệm cơm Tàu, và 12 giờ trưa tiệm mới mở cửa; tôi đến vào lúc 12 giờ kém 10 thì cũng gặp mấy du khách đứng trước tiệm đợi. Vì sốt ruột không muốn ở đó đợi nên tôi đi vòng quanh một phố gần đó, 12 giờ 5 trở lại tiệm, vừa đưa áo măng-tô cho người giữ cửa xong, thì người bồi bàn ra trả lời là không còn chỗ, mặc dầu tiệm cơm Tàu này rất rộng có thể được trên 100 chỗ ngồi. Mấy người khách đến sau tôi cũng đều bị từ chối, người bồi bàn bảo nếu muốn ăn phải đặt bàn từ bây giờ cho buổi chiều hoặc trưa mai mới còn chỗ. Dĩ nhiên là những quán này chỉ đầy du khách chứ dân Tiệp làm gì có tiền. Tất cả các nhà hát, rạp ca nhạc, cửa hàng bán đĩa hát, bán đồ sứ và các đồ kỷ niệm (1) đều đầy du khách, vì ai đến Prague cũng không quên mang về các vật kỷ niệm như lọ thủy tinh, đồ gạt tàn thuốc lá v.v.. Đồ sứ và thủy tinh của Tiệp-khắc rất mỹ thuật và nổi tiếng. Người dân Tiệp thì

(1) Nhiều du-khách có hỏi các hàng mua kỷ niệm một bức ảnh của Dubcek nhưng không thấy bán mặc dầu nhiều nơi còn treo ảnh lãnh-tự cải-cách này.



Một trong hàng trăm ngọn tháp
tại Prague

nhìn các cửa hàng này bằng đôi mắt nửa thèm muốn, nửa hững hờ, vì đối với họ là những thứ xa vời, không cần thiết. Chắc dân Tiệp nhìn du khách vào các cửa tiệm mua không tiếc tiền, ăn mặc lịch sự, người nào cũng cầm máy

ảnh rồi so sánh với mình thì không tránh khỏi buồn tủi. Trong mấy ngày ở Tiệp-khác tôi có gặp ở đường nhiều sinh-viên Việt-nam miền Bắc, có nơi với họ rùng rợn câu xã giao thường lệ nhưng vì sợ sệt, vì ngần ngại, họ không muốn bắt chuyện, chỉ trả lời miễn cưỡng. Hình như để canh chừng lẫn nhau, các sinh viên Việt-nam này, khi đi phố, không bao giờ được đi một mình cả, mà phải đi từng nhóm 4,5 người hoặc 2, 3 người.

Sau gần một tuần lễ lưu ngụ ngắn ngủi, tôi già từ Prague, thành phố trên 1 triệu dân, với nhiều lưu luyến. Hình ảnh lâu đài Hradschin cổ kính (đình Chủ-tịch Tiệp) trên đồi cao cùng với hàng trăm ngọn tháp của Prague xa dần. Văng vẳng qua nhạc điệu của Smetara (2) tôi mơ màng còn như nghe tiếng giòng sông Moldau chảy thiết tha.

THẢO - NGUYỄN

(2) Nhà soạn nhạc Tiệp nổi tiếng (1844-1915)
tác giả nhạc phẩm «giòng sông Moldau».

Các bạn yêu thơ tự do hãy tìm đọc

NHỮNG BÀI THƠ XUÔI

của MAI TRUNG TĨNH

- Tủ sách Đại Ngã ấn hành
- Bìa Nguyễn Khai. Phụ bản Tạ Ty
- Tập thơ xuôi đầu tiên được ấn hành ở Việt-Nam

Một cái nhìn đông-phương về VẤN ĐỀ TÍNH-DỤC

IV. - TÍNH DỤC VỚI ĐỜI SỐNG TU-HÀNH

Âm dương nơi Siêu-việt và trong sống đạo

Có lần trong câu chuyện vui, một bà kia đánh bạo hỏi một nhà tu-hành rằng :
Tại sao tu-sỹ các ông không có quyền yêu ?

Tại sao một tu-sỹ không có quyền yêu, đó là một thắc mắc dĩ nhiên phải có đối với người của thời đại. Yêu, đó là lẽ sống đối với mọi người. Hơn nữa, nay nay, với phong hóa suy đồi, với những phương tiện truyền thông mới và với sự tiến bộ của khoa tính-dục-học, người ta càng cảm thấy thúc bách mạnh mẽ hơn những nhu cầu của thể xác và tâm hồn. Cho nên, số người đi tu ít đi và tỷ số bền bỉ trong lý tưởng tu-hành lại càng sút kém hơn nữa. Và lắm người càng không thể hiểu rằng một tu-sỹ có thể sống đầy đủ sự sống của mình mà không cần đến tình yêu.

Vấn đề tính dục ngày nay không còn đặt một cách dễ dè như ngày xưa nữa. Người ta đòi hỏi một câu trả lời dứt khoát và đứng đắn, cho nên vấn đề cũng phải đặt một cách minh bạch. Vấn đề phải đặt sẽ là : Sự hoàn hảo của con

người có phải là ở chỗ vượt trên tính dục hay không ? Và người ta có thể làm như thế mà không bị sút mẻ ở bản tính hay không ?

Nói đến bản tính, thì khám phá khoa học gần như đã chứng minh rằng tính dục đi liền với sự sống. Nhưng thử hỏi bản tính hiển hiện ra đây đã phải là nền tảng cuối cùng của con người hay chưa ? Câu hỏi bề ngoài xem như ngờ ngẩn, nhưng câu trả lời lại rất khó khăn, vì nó còn phải tùy theo những triết thuyết và tín ngưỡng khác nhau của mỗi tôn giáo.

Theo Vedânta và theo kinh-diễn Phật giáo, thì nền tảng của con người là Tuyệt đối (1), và sự vô tri (avidyâ, ajnâna) đã khiến con người lầm mà tự đồng-hóa mình với tương đối và biến dịch, với thể xác và cơ cấu tâm linh. Cho nên, con đường giải thoát sẽ là tri-đạo (jnâna-mârگا), tìm đạt giác ngộ và xóa tan ảo-ảnh. Con đường này đồng thời cũng là con đường diệt dục. Vì

(1) Một thể tuyệt đối như trong Vedânta, hay một tình trạng tuyệt đối như trong Phật-giáo.

chính do dục mà bề ngoài có sáng tạo để làm đối tượng cho ham muốn, và bên trong thì bởi hướng ngoại. nên có ấn-tượng ký-hợp (samskâra) nó phủ mờ chân tướng của ta đi, và ấn tượng lưu-nhiễm (vasâna) nó thúc bách hướng ngoại bằng ham muốn và hành động.

Tuế mà ái tình cũng là kâma, ham muốn. Cho nên «tu là cõi phúc, tình là giây oan», cái tình nó trói buộc ta vào luân-hồi bằng những sợi giây đa sắc và chắc nịch của ấn tượng ký-hợp và ấn tượng lưu-nhiễm. Tu phải là cắt đứt tình, là cố gắng đạt vô-dục (a-kâma). Tất cả phương pháp khổ hạnh nhằm giúp tiến tới tình trạng vô-dục này.

Con đường nói trên y hệt con đường cô-lơn-hóa, kaivalya, của Sâmkhya, con đường mà cuốn Gitâ cũng nhắc đến. Con đường ấy nhằm tách rời Tinh thần ra khỏi Bản nhiên (1), vì Bản nhiên là nguồn gốc của biến dịch và phân biệt nhị-nhuyên. Tinh thần đó, Purusa nơi Sâmkhya, âtman nơi Vedânta và phần nào budhatva nơi Phật giáo, là đơn thuần (ekatva), không có phân biệt gì bên trong cả, (2) nên cũng thể thể nói đến tính dục và phái tính ở đây.

Con người trong căn bản chính là Tinh thần vô biệt (avisesya), vô phái tính (advaita) ấy, nên sống vô phái tính vừa là điều có thể, lại vừa là lý tưởng của con người. Trong Ấn giáo chính thống, tu hành là việc riêng của những người đã có tuổi và từng hưởng thú vui gia đình rồi, nên sống vượt trên tính dục không đến nỗi là một điều khó khăn. Hơn thế, có nhiều người đã đạt tới đỉnh lãnh thánh, tức đỉnh hoàn thiện của con người trong tình trạng vô dục ấy.

Rêng Phật giáo đại thừa càng ngày càng sát gần lại Bhakti trong Ấn-giáo. Sống đạo trở nên rất tâm tình và lòng trắc ẩn được đề cao nơi Thần, Phật. Tuy thế, Tuyê đi tự mình vẫn còn là một cái gì độn thuẩn và vô biệt, như chính Asinga và Nigârjunâ cũng chủ trương, trong khi mà Niết bàn, tình trạng lý tưởng chờ đón con người, cũng vô hợp (asamskrita) và vô biệt như trên. Như thế, con đường tình cảm chỉ có giá trị ở một giai đoạn nào đó và sự phân biệt bản vị, cần thiết cho tình yêu, cũng chưa được đề ao. Hơn nữa, tập Vinaya, Luật tu hành, đòi hỏi một khiết-tình tuyệt đối, khiết tịnh trong tâm hồn. ở thể xác và ngôn-ngữ. Đây là điều kiện căn bản cho đời sống tu hành. Và trong trường hợp ấy, dĩ nhiên phải xa lánh ý-tưởng phân-ực.

Ngược lại với Phật giáo truyền thống, Phật giáo tantra đã đưa phân cực kềm tính dục vào lối nhìn vũ trụ của họ. Nhìn đâu, họ cũng thấy biểu hiện tính dục, và những yếu tố bù trừ trong trời đất cần phải kết hợp lại với nhau để tạo nên cái Nhất tuyệt-đối, trong đó không còn phân cực hay phân biệt nữa. Trong thực hành đôi khi có người dùng đến những phương tiện dâm dật, nhưng chỉ là để chứng nghiệm rằng mình đã vượt trên phân biệt thiện ác cùng với tất cả những phân biệt khác. Đồng thời, hình động nói đó cũng là biểu hiệu của

(1) Trong Sâmkhya con người nguyên sơ, Purusa, đã trở thành Tinh thần đối lập với Bản nhiên, Pradhâna (hay Prakriti cũng thế).

(2) Có lẽ vì thế, nên trong các chùa và hang động Phật giáo bên Ấn độ, tượng Đức Phật không còn thấy có cơ quan sinh-dục, trong khi mà các tượng thân vây quanh bao giờ cũng ghép đôi và nổi rõ phái-tính của mình.

tụ hợp âm dương, mà mục đích là trở về với Vô-biệt. Tóm lại, trong Phật giáo, cái đỉnh mà người ta muốn đạt tới bây giờ cũng là siêu-tính-dục: rồi.

Ở khuynh-hướng Bhakti, Ấn giáo khác với Phật-giáo Đại-thừa ở chỗ là bản vị càng ng y càng có một thể đứng vững (hắc Bhakti là tôn-sùng. Ngược lại với tri-đạ) quá ư lạnh lẽo của Vedânta và Phật-giáo Tiểu-thừa, con đường Bhakti đặt nền tảng ở trái tim, ở tình yêu kính đối với Thượng đế và lòng trái tim đối với chúng sinh.

Càng đi sâu vào tình yêu, con người càng cảm thấy sự thúc bách của phân biệt chủ thể đối với thức: bách hệp nhất. Đó là ý thức liên-bản-vị giữa mình với Thượng-đế. Một tình yêu sâu xa cũng đòi hỏi phân cực, nghĩa là khác nhau, mà lại bù trừ đứng cho nhau. Chỉ có phân cực như thế mới đưa tới kết hiệp chặt chẽ, và hạnh phúc là do đó. « Kẻ nào cô đơn thì không sung sướng », Upanisad nói vậy. Ai cũng biết rằng nơi Thượng-đế có hạnh phúc hoàn toàn, nhưng thử hỏi Thượng-đế có hạnh phúc thực hay là không, nếu trong chính Ngài, không có dẫn nở do Tình yêu? Nếu nhìn nhận nơi Ngài có tình yêu và tình yêu sâu xa, nghĩa là hiển thân hoàn toàn, thì đồng thời cũng phải nhìn nhận nơi Ngài có phân cực và có ý thức liên-bản-vị. Tình yêu của Ngài đối với tạo vật chỉ có thực và có nền tảng, một khi nó là phản ảnh của cái tình yêu nội tại nói trên. Cái tình yêu từ ngài trở về ngài mà không qua một trung gian bên ngoài nào cả. Quả thực, Bhakti đã nhìn nhận sự phân cực thành dương và âm nơi Tuyệt đối Tuyệt đối ấy, tùy theo giáo phái, sẽ là Visnu hay Siva. Visnu và Siva là Tuyệt

đối ở khía cạnh sáng mặt và sáng sủa ở khía cạnh dương. Đối diện và đối cực với Visnu có nữ thần Laksmi, và với Siva có nữ thần Pârvari.

Nữ thần nói đó là bóng và hình của Thượng-đế, nên một khi Visnu giáng trần làm người, thì Laksmi cũng giáng trần theo để làm vợ Visnu. Nếu trong tôn giáo bình dân, đó là nữ thần, thì trong triết học, đó là Sakti, hay Năng-lực của Siêu-việt. Sakti trở nên đối tượng trọng trọng Siva phái miền Kasmira (Cachemire), một Siva-phái đầy khuynh hướng Tantra vốn đề cao khía cạnh âm nhu của trời đất. Abhinavagupta triết gia rất lớn thuộc giáo-phái này, coi Sakti là tự-tính và sự sống bên trong của Siva. Đối ngoại, Sakti được thể hiện một cách khác quan nơi sáng tạo, và một cách chủ quyền nơi trí thức con người.

Thực ra, triết lý mà nói, có thể có phái-âm và tính-dục nơi Tuyệt-đối hay không?

Đây là một vấn đề khó khăn và hoàn toàn mới mẻ đối với triết-học Tây phương. Ở những tôn giáo bình dân, người ta đã phóng đại con người mà làm nên những vị thần đầy tính cách người, có vợ chồng hân hoan. Sau đó, thần học tìm cách giải thích sự ghép đôi cho thần và kiến tạo nên triết thuyết về Sakti. Con ở những tôn giáo có một nguồn gốc bác học hơn, hay có lẽ tự mặc khải mà có, thì tính dục bị gạt ra ngoài Siêu-việt.

Nhưng hình như có một đòi hỏi đối cực nào đó nơi Siêu-việt, nếu triết gia nhìn nhận hạnh phúc, bản vị tính và tình yêu thương nơi Ngài là có thực. Tạo vật, phân biệt khỏi Ngài, là tương

đối, mỏng manh và không cần thiết cái cho Ngài hết, nên tình thương trong Ngài sẽ không có một căn bản sâu xa nếu chỉ là đối với tạo vật mà thôi. Nếu Ngài đã là Yêu-thương xét theo bản tính, và hết thấy tình yêu cao đẹp đều là những tia sáng bắt nguồn từ Ngài, thì xem như không thể không nhìn nhận có một bù trừ và đối cực trong yêu thương nơi chính bản thân Ngài trước đã. Và như thế, ta có thể nói đến tính dục nơi Ngài.

Cổ nhên, không thể đem vào đây một quan niệm tính dục đặt nền tảng trên thể xác. Không thể nào lấy những ý niệm tự nó hàm chứa vật chất tính và khuyết điểm trong ý nghĩa, để gán vào cho Siêu việt được. Nhưng một tính dục đầy tính cách siêu hình, tự nó không phải chất cũng không phải thiêng, một tính dục rút từ nguyên lý âm dương và chuyên-biệt-hóa cho sự sống nói chung, một tính dục như thế, tối thiết tưởng có thể mang áp dụng vào Siêu-việt bằng con đường suy-loại (analogie), nghĩa là nhìn nhận với có giống nhau, lại vừa có khác nhau và sự thoát vượt lên trên ở ngay chính chỗ giống nhau đó. Và cái chỗ giống nhau đây là sự bù trừ và phân cực trong tình yêu Ngài ấy, nếu ta gọi nó là tính dục, thì ta phải nhìn nhận rằng dù trong Thiên-Chúa của Ky tô giáo cũng có phái tính và tính dục rồi.

Đạo Ky tô giáo là một đạo đầy tính chất bhakti, một đạo của Tình yêu. Thiên Chúa yêu thương loài người đến nỗi cho Ngôi Lời giáng trần làm người thật như hết thấy mọi người, để mọi người nhờ đó có thể sờ mó thấy. Thiên Chúa, cũng như để vị Thiên Chúa làm người kia có thể đại diện cho giống người mà dâng của lễ hòa giải.

Tiên Chúa yêu loài người, và nền tảng của tình yêu này là ở chính Ngài. Nói cách khác, trong bản tính của Ngài có tình yêu, và tình yêu ấy cũng là chính bản tính ấy, bởi lý do Thiên Chúa là đơn thuần (ekarasa).

Thiên Chúa là Yêu, thì dĩ nhiên trong Ngài phải có phân biệt chủ-vị trong hiệp nhất của tình yêu. Hiệp nhất đó là hoàn toàn, nên các chủ vị bù trừ vừa đứng khít che nhau: Tất cả cái gì là có nơi Cha được trao hết sang con trong sinh đẻ, và cái gì là có mà con nhận được cũng trao hết về Cha trong tình yêu tri ân. Vật trao hiến ấy đồng thời cũng là tình yêu, và tình yêu ấy chân thực và đầy đủ đến nỗi đã đặc sánh lại vừa như một thể, lại vừa như một hiện hữu phân biệt và đối diện với Cha và Con. Do đó có chủ vị thứ ba là Thánh Thần.

Thánh Thần là Tình yêu, và tình yêu là sự sống sâu và bền trong Thiên Chúa, nên Thánh Thần đầy tính cách âm nhu, hay, nói một cách bạo dạn hơn, đầy nữ-tính. Đối ngoại, thì trong Thánh kinh, có hai lần Thánh Thần hiện-hiện dưới khía cạnh dương: lần thứ nhất trong Sáng-hể-thư, khi «Thần-khí» sà xuống trên mặt nước, hình ảnh của cơn gió mang phấn đực gieo rắc trên các nhị cái, tức trên cái dạ con là mặt nước nguyên-sơ, để từ đó sự sống trở sinh; và lần thứ hai trong Phúc-âm Luca, khi Thánh Thần bao phủ lấy Maria, để do quyền năng Ngài, Trinh-nữ sẽ thụ thai Chúa Giêsu, nguyên - thủ của một Tân-nhân-loại. Còn trong các chỗ khác của Thánh-kinh, Thánh Thần luôn luôn được tả dưới sắc thái âm-nhu,

Trong Cựu-ước, người Mẹ Sophia, Mẹ của hiền đức và khôn ngoan, là hình ảnh của Thánh Thần, theo như Giáo-hội và các thần-học-gia nhìn nhận. Còn trong Tân-ước, Thánh Thần là sự sống bên trong của Chúa Giêsu, cũng như của các tín hữu vốn được tham dự vào sự sống siêu nhiên của Chúa Giêsu. Thánh Thần vừa là sự sống siêu nhiên của Chúa Giêsu, vừa hướng dẫn Chúa Giêsu một cách thầm kín từ bên trong, cho nên Ngài mang đầy những yếu-tố của một đàn bà dưới khía cạnh người mẹ.

Đối với tín-hữu, Thánh Thần tiếp sang cho họ sự sống Chúa Giêsu, để nơi Chúa Giêsu, họ trở nên "con Thiên chúa" và "đồng thừa kế" thần tính với Chúa Giêsu một cách nào đó, như thánh Phao-lô nói. Và cũng theo thánh Phao-lô, Thánh Thần "thần nhũ", thôi thúc từ bên trong, để từ trong, người tín-hữu sẽ bật lên tiếng kêu "Abba, cha ơi", nghĩa là để tâm hồn họ được hướng về Thiên Chúa như hướng về một người cha thật, và người cha ấy khả ái. Như đã hướng dẫn Chúa Giêsu, Thánh Thần cũng tiếp tục hướng dẫn họ từ bên trong, để sẽ phải nói gì làm gì, họ khỏi cần lo lắng (1). Như thế, Thánh Thần được diễn tả như người Mẹ đã sinh ra ta trong Thiên Chúa, và tiếp tục làm Mẹ ta bằng giáo huấn và bằng cách làm tăng trưởng trong ta sự sống Chúa Giêsu. Đó là bà nội trợ hằng sẵn sóc đến ta từ cái chiều thân mật nhất của hồn ta.

Như thế, trong Thiên chúa, Thánh thần là Tình yêu, là Tâm hồn và Sự sống, và đó là những yếu tố chức-vụ thuộc phái-tính của người đàn bà. Trái lại, Ngôi Lời được diễn tả như sự hiện lên thành Ý-thức từ trong Thiên chúa và sự hiện ra ngoài Thiên chúa bằng sáng tạo, nhập thể và cứu chuộc. Cho nên Ngôi Lời là Tinh thần và ánh sáng

dương nơi Thiên Chúa: Ngôi Lời ấy quả đầy nam-nhi-tính.

Rất là hợp lý khi Ngôi Lời đã giáng trần làm một người đàn ông, làm Adam của một Nhân-loại mới. Thánh thần thì không giáng trần theo như Sakti trong Ấn-giáo. Tuy nhiên, Ngài đã giải sáng trên một người đàn bà: trinh-nữ Maria. Và người ta có thể nói rằng Thánh Thần đã hiện theo với Ngôi Lời nhập thể, và hiện ra nơi Maria, vị Tân Eva sẽ có nhiệm-vụ đồng cứu chuộc với Giêsu Tân Adam, để bằng chung khổ với Chúa Giêsu trên đỉnh đồi Can-va, người Mẹ Đồng trinh ấy sẽ sinh ra ta cho Chúa Giêsu.

Như thế, con đường trở về của đứa con phóng đảng, tức của con người tội lỗi, sẽ là trở về lòng Maria và trở về lòng Thánh Thần trong đó, để từ đó hướng mặt về phía vàng dương bất tử là Ngôi Lời và Ngôi Lời nhập thể.

Sống đạo trong Kỵ-tô giáo do đó là chuyển hướng tính dục năng để yêu thương siêu nhiên. Trong Thánh Thần và đức Thần-mẫu Maria, con người đã trở nên vị tình nương thiêng liêng cho Thiên chúa rồi.

Quả thế, trước Chúa con người chỉ là thụ nhận. Nó nhận tất cả ở ngay chỗ mà nó hiện hữu, đến nỗi đối với nó, hiện hữu đã trở thành hiện hữu với Chúa trong một thứ đối cực âm dương đặc thù, đúng như Vivekânanda nói: Đứng trước Thượng chúa, không có đàn ông mà chỉ có đàn bà thôi!

Phải, đứng trước Thiên chúa, con người chỉ có thể có thái độ đàn bà: thái độ tin tưởng và thụ nhận, thái độ mềm-mại của trao gửi, ký thác.

Tột điểm của thái độ ấy, người ta gọi là **tinh thần trẻ thơ**, tinh thần xích-tử theo Lão tử, balya theo Upanisad, và Thơ ấu thiêng liêng theo Phúc-âm cũng như theo Thérèse de l'Enfant Jésus.

(Còn tiếp)

HOÀNG-SỸ-QUÝ



Nhức đầu

• Nhóng

Budon

TRI:

Nhức răng, nhức môi đau
lưng, đau nhức lúc có
Kinh Kỳ



KN số 1211/BYT/QCOP

NÓI ĐẾN SÁCH, NHỚ NGAY ĐẾN
ĐỊA CHỈ ĐÁNG TIN CẬY :

TỰ' LỰC

Số 92 Đại lộ Lê-Lợi — Saigon
Đ.T. 20.267

SÁCH VỞ GIẤY BÚT, DỤNG CỤ VĂN PHÒNG VÀ HỌC SINH
SÁCH GIÁO KHOA

VIỆT, ANH, PHÁP,

Bút máy các hiệu cơ tiếng, sản phẩm hảo hạng, được tin nhiệm
xưa nay. Luôn luôn những sách mới xuất bản đều có bán tại.

NHÀ SÁCH TỰ-LỰC

Bertrand Russell

1872 - 1970



Hình chụp hồi 89 tuổi

Chiều 2-2-1970, Huân-tước Bertrand Russell đã mất tại nhà riêng ở quận Galles (Anh quốc) hưởng thọ 98 tuổi. Một cuộc đời thật là dài và sóng gió! Cho tới ngày cuối cùng, ông vẫn sống đời sống bình thường, mỗi tuần đi Luân-đôn một lần để liên lạc và tìm hiểu. Ngay trong ngày cuối cùng, ông vẫn còn làm việc cho hòa-bình ở Trung Đông và Việt Nam. Rồi sau một ly rượu thường lệ, ông đi nghỉ và an giấc ngàn thu. Người ta nói ông chết vì bệnh nước tiểu trong máu (urémie) Đám tang ông thật giản đơn, chỉ có 5 người đi đưa và toàn là thân thích. Ông được hoả-táng theo như ý muốn.

Tuy nhiên tin ông mất đã lan truyền rất nhanh trên thế-giới. Các báo đua nhau đăng tiểu-sử của ông và phần lớn đều ca tụng nhà triết-gia nhân-bản và vị lão chiến-sĩ hòa-bình. Nữ-hoàng Anh cho rằng ông đã đóng góp một phần đáng kể cho thế-kỷ 20 về phương diện tư-tưởng. Thủ-tướng Wilson ví ông với nhà văn-hào Pháp Voltaire của thế kỷ thứ 18. Báo Izvestia của Nga ca tụng ông như là tiêu-biểu nhất cho tinh-thần tiến-bộ ngoài thế giới cộng-sản. Còn

đại-hội Do-thái thế-giới thì coi ông là nhà triết-học nhân-bản vĩ đại nhất của lịch sử loài người.

Cuộc đời

Bertrand Russell sinh trưởng trong một gia đình quý-tộc ở Anh-quốc, ông nội. (John Russell) hai lần làm Thủ-tướng mồ côi cả cha lẫn mẹ từ thuở lên năm, Bertrand ở với ông bà nội. Năm sau ông nội mất, Bertrand chịu sự giáo-huấn của bà.

Năm 11 tuổi, người anh lớn của Bertrand dạy Bertrand học toán và từ đó cho tới năm 38 tuổi, Bertrand say mê toán học như là say mê nhân tình. Chính ông đã viết: « Toán học là nguồn hạnh phúc lớn nhất của đời tôi ».

Tuy nhiên không phải vì thế mà chàng thanh niên Bertrand sao lãng tình yêu. Bertrand cũng có rất nhiều mối tình lẻ với rất nhiều thiếu nữ trước khi đi đến kết hôn với nàng Alys, hơn mình những 5 tuổi. Alys là một người Mỹ gốc ở Philadelphia, theo đạo Quaker. Sau này, Bertrand Russell còn lấy tới 3 bà vợ nữa bà vợ cuối cùng lấy vào năm tuổi 80.

Nhưng cuộc hôn phối đầu tiên đã ảnh hưởng rất lớn tới sự-nghiệp văn-học của ông. Những tác phẩm lớn về triết-lý toán-học của ông đều được viết trong thời kỳ này. Tác phẩm đầu tiên của ông viết vào năm 1903 nhan đề « The principles of Mathematics » (nguyên lý toán học) là một tác phẩm triết học, coi toán học như là một thứ luận-lý-học. Ông muốn tìm thấy ở trong toán học một thứ ngôn-ngữ riêng biệt mà hội-nghị Paris 1900, nhiều nhà toán-học đã chú ý tới. Trong vòng 10 năm sau, với sự hợp-tác của thầy học cũ là Whitehead, Bertrand Russell đã soạn ra một bộ sách gồm 3 quyển nhan đề « Principia Mathematica ». Với bộ sách này, ông đã đưa toán học, hay nói cho đúng hơn, triết lý của toán học lên một trình độ cao với thuyết mô tả (theory of descriptions) theo đó một vật dù là cụ-thể hay trừu-tượng, chỉ có thể coi là hiện hữu, khi người ta có thể mô tả nó được một cách rõ ràng.

Có thể nói ông là một trong những người đã xây dựng nên toán-học mới ngày nay.

Tóm lại cho đến năm 40 tuổi ông đã say mê toán học, mặc dầu trong thời gian này có nhiều mối tình lẽ, nhưng Alys, người đàn bà hơn ông 5 tuổi, đã đem lại cho ông nhiều khuyến khích. Mối tình này phai nhạt thì ông cũng không còn thích toán học nữa. Thế-chiến thứ nhất đã đưa ông vào một con đường khác. Ông phản đối chiến tranh và vì các bên tham chiến như những con chó điên cắn nhau. Do đó mà ông phải ở tù 6 tháng. Chiến tranh kết liễu và ông đi du lịch qua Nga, qua Tàu để tìm hiểu cùng với người vợ thứ nhì của ông.

Vì viết tranh đấu cho hòa bình mà ông mất chỗ dạy học ở Cambridge. Gia sản còn lại cũng tiêu tan dần, ông phải làm nghề viết mướn để kiếm ăn. Trong thời gian này (1918-1940) ông viết và phổ biến về Triết-học Tây-phương, về khoa-học ngu-jên-tử, Ông cũng viết cả về nhiều vấn-đề luân lý.

Thái-độ của ông là một thái-độ rất phóng khoáng và nhiều khi đi trước thời đại. Ví dụ như về hôn nhân, ông chủ trương tự do kết hôn và hôn nhân thí nghiệm, cho phép các thanh niên nam nữ tự do kết hợp trong một thời gian thử thách trước khi đi đến hôn nhân. Chính thuyết này đã làm cho ông bị mất tin nhiệm ở Hoa-kỳ vì làm cho ông mất cả chân giảng dạy tại trường City College, Nữu Uớc (1940) vì nhiều người kịch liệt phản đối, cho ông là một kẻ bất xứng, vô luân... khiến nhà cầm quyền Mỹ phải có thái độ. Lối viết văn châm biếm và nhẹ nhàng theo kiểu Voltaire của ông khiến cho nhiều người ưa và cũng có nhiều người ghét ông thậm tệ.

Trong cuộc Thế chiến II, Bertrand Russell kịch liệt chống đối Hitler và ủng hộ Đồng-minh. Vì thế mà năm 1949, ông được chính-phủ Anh ban thưởng huy-chương Order of Merit. Năm 1950 ông cũng được giải Văn chương Nobel. Năm đó Bertrand Russell đã 78 tuổi và đã xuất bản được trên 40 tác phẩm.

Danh phận đã cao, người ta tưởng Bertrand Russell sẽ lui về an dưỡng tuổi già. Nhưng không, chính trong thời gian này, cụ lại hăng hái hơn bao giờ hết. Năm 80 tuổi, cụ lấy người vợ thứ tư. Và ngay từ năm 1948 cụ đi vào một cuộc tranh đấu quyết liệt cho hòa bình của nhân loại.

Tranh đấu cho hòa bình

Cuộc tranh đấu cho hòa bình của Bertrand Russell thực ra đã có từ cuộc Thế-chiến I khi ông lên án cả 2 phe tham-chiến và do đó phải tù 6 tháng. Nhưng cuộc tranh đấu giữa thời-gian hai cuộc Thế-chiến chỉ có tính cách lẻ tẻ và cá nhân không lôi cuốn được ai vì những ý kiến rất đặc biệt và độc đáo của ông. Ví dụ như trong một cuộc phỏng vấn của báo New York World, Bertrand Russell đã tuyên bố là giống da trắng không cần thiết và Trung Hoa, học thức và thực tế hơn, sẽ có thể thay thế được họ. Những ý nghĩ táo bạo, vượt ngoài khuôn khổ của ông, chứng tỏ một khát vọng tự do và vươn lên tìm kiếm khoa học trong một xã hội loài người còn ham tiêu diệt nhau.

Đến ngưỡng cửa 80 tuổi, ông mới nhận thấy hòa bình cần phải được tranh thủ quyết liệt và trong cuộc tranh đấu đó phải vận động để lôi cuốn một số đông người hưởng ứng thì mới hy vọng có kết quả.

Ông bắt đầu bằng một hành động, tuy quả cảm, nhưng mà xa thực tế, không được các cường quốc chú ý tới. Năm 1948, trước sự ngạc nhiên của mọi người, ông hô hào chiến tranh phòng vệ chống Liên-xô. Lý do chính là vì ông lo Liên-xô có bom nguyên tử sẽ chiến thắng thế-giới tự-do. Thà đánh trước còn hơn là để bị tiêu diệt. Năm 1960, nghĩa là khi cụ 88 tuổi, thấy rõ nguy cơ vũ khí hạch tâm Bertrand Russell đã lãnh đạo một phong trào quốc tế rộng lớn đòi cấm thí nghiệm vũ-khí nguyên-tử. Cụ đã phải tù 7 ngày vì lãnh đạo cuộc tranh đấu bất bạo động chống việc thiết lập những căn cứ tàu ngầm Mỹ mang hỏa

tiễn có đầu đạn nguyên-tử ở Ecosse.

Năm 91 tuổi, ông lập nên Fondation Bertrand Russell phụng sự hòa bình. Ông cũng sáng lập ra Tòa án xét xử tội ác chiến tranh Việt - Nam đặt ở Thụy-Điền do triết - gia Jean Paul - Sartre làm Chủ-tịch, kết tội Hoa kỳ trước dư luận quốc-tế. Chính ông đã nói : Người Hoa-kỳ ở Việt-Nam cũng ác không kém gì phát-xít Đức. Từ năm 1960 trở đi, ông có mặt trong tất cả những cuộc tranh đấu đòi hòa bình. Năm 1968 ông kịch liệt phản-đối việc Nga-sô xâm lăng Tiệp-khắc. Tháng Chạp vừa qua, ông còn ký một văn-thư phản đối việc Hội các nhà văn Liên-xô khai trừ nhà văn Soljenitsyne ra khỏi hội.

Năm 1961, khi còn ở tù, ông đã thảo ra một thông-diệp cho tất cả những ai và bất cứ nước nào có ý nghĩ lành mạnh về tình cảm của con người. Ông lên án cả Kennedy lẫn Khrouchev, cả Mac Millan (cựu thủ tướng Anh) lẫn Gaitskell (cựu thủ tướng Israël) đều theo đuổi một mục đích chung là tận diệt nhân loại. Trong vụ khủng hoảng Cuba năm 1962, ông cũng gửi thư cả cho 2 phe Mỹ Nga kêu gọi hòa bình. Nhưng ông đã tích cực hoạt động nhất trong cuộc chiến tranh Việt-Nam, một mặt hô hào kết liễu chiến tranh, một mặt lên án tội ác chiến tranh của Hoa-kỳ. Trong vụ khủng hoảng Trung Đông, ông cũng lên án Israël xâm lăng các nước Ả-Rập. Hội nghị các nước Ả Rập họp ở Le Caire vào tháng 2 cũng nhận được bức thư cuối cùng của ông. Một nhà văn hào Nam tư, ông Vladimir Dedijer tiết lộ là có nhận được một bức thư của Bertrand Russell tỏ ý lo ngại cho tình hình ở Tiệp-khắc và Trung

Đông, đưa ra ý kiến thành lập một cơ quan công-luận quốc tế và mở rộng tòa án Tội ác chiến tranh. Bức thư này được gửi đi vài ngày trước khi ông mất. Bertrand Russell đã hoạt động không mệt mỏi cho đến hơi thở cuối cùng cho hòa bình thế giới.

Mặc dầu hành động nhiều khi không sát thực tế, nhưng trong vòng hai chục năm cuối cùng của đời ông, Bertrand Russell đã đáp ứng đúng nguyện vọng của quảng đại quần chúng trên thế giới là tranh đấu vì hạnh phúc và hòa bình của nhân loại. Vì thế mà danh tiếng của ông đã vang dội khắp nơi, các lãnh-tụ trên thế giới, mặc dầu có nhiều người không

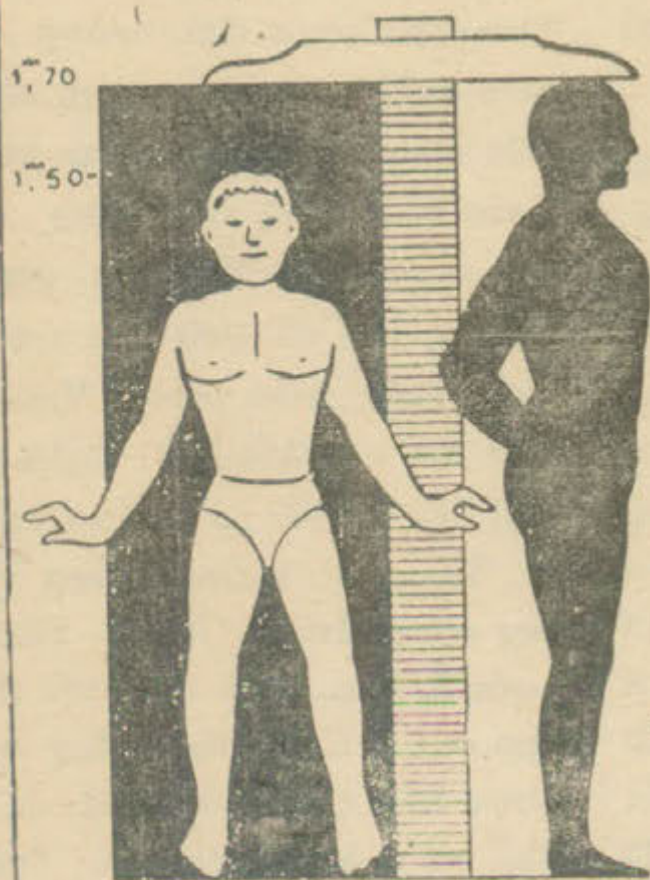
ưa nhưng vẫn phải kính nể. Đôi mắt ông đến phút chót vẫn còn tinh anh soi mói. Đời của ông đến phút chót vẫn còn khoáng đạt cũng như tư tưởng của ông, mãi mãi sống với nhân loại yêu chuộng khoa học, hòa bình và tự do, tất cả những yếu tố làm cho cuộc đời của con người vươn lên và hạnh phúc.

Một bậc kỳ nhân của thế kỷ thứ 20 đã mất — Nhưng sự nghiệp tranh đấu vì hòa bình của người vẫn còn được tiếp nối mãi mãi cho đến khi nhân loại không còn bị chiến tranh đe dọa và khoa học không còn là một phương tiện để tiêu diệt con người.

VIỆT - PHƯƠNG

Vitaplex

CALCIUM + 6 SINH-TỐ
C - D - PP - B2 - B6 - B12



- CON NIT MAU BIẾT ĐI
- CỨNG XƯƠNG.
- MẠNH KHOẺ .
- NGƯỜI LỚN CỨNG RĂNG .
- ÍT ĐAU RĂNG .
- YẾU PHỔI .
- MỆT MỎI .

LABOHADZER

VỪA THƠM NGON - VỪA BỔ?

Số KN. 8 MBYT/QCDP

Nobel khoa học 1969

Vật lý học	:	Giáo sư Murray Gell-Mann (Hoa-kỳ)
Vật hóa học	:	Giáo sư Derek Harold Richard Barton (Anh) Giáo sư Odd Hassel (Thụy-điền)
Sinh lý và y học	:	Giáo sư Max Delbruck (Hoa-kỳ) Giáo sư Alfred Hershey (Hoa-kỳ) Giáo sư Salvador Luria (Hoa-kỳ).

Đặc biệt những giải Nobel 1969 toàn là thưởng những công tác khảo cứu căn bản. Bạn đọc đã có dịp biết đến giả thuyết của giáo sư Gell-Mann về ba mảnh quark, thành phần của các hạt vật chất tức là cấu chất của mọi vật (Bách-Khoa số 259). Chúng tôi đã có viết : «Giải Nobel Vật lý học ngày mai là đây ; tìm đi, ai «thấy» được quark, có thể sắp đặt hành trang qua Stockholm lãnh thưởng». Như vậy đủ biết giả thuyết quan trọng biết bao vì tới nay chưa ai hề «bắt», «thấy» được quark mà giải Nobel cũng đã được phát rồi. Có điều đáng buồn là một giáo sư nước Israël, nhà vật lý học Ne'eman, đồng thời cũng đã tìm ra được nhiều tính chất của những hạt vật chất, có khi lại cộng tác với Gell-Mann để sắp đặt các hạt vật chất, xây dựng nên giả thuyết cách mạng kia, mà Viện hàn-lâm khoa-học Thụy-điền không có nhã ý nghĩ tới. Đây không phải là lần đầu tiên có sự quên lẫn như vậy. (Ví dụ trường hợp Kastler, Bách-Khoa số 240). Thật đáng tiếc.

Về giải Hóa-học, hai giáo sư Barton và Hassel đã khảo cứu về hình thức căn bản các phân-tử, điều kiện biến chuyển từ hình thức này qua hình thức kia. Ngành học này gọi là môn «phân tích hình thức». Sau cùng, bên giải Sinh-lý và Y-học thì công tác của ba giáo sư Delbruck, Hershey và Luria cũng không kém quan trọng về mặt căn bản vì nhờ khám phá của các ông mà ngành sinh-vật phân-tử-học đã phát triển được mau lẹ. Thật vậy, khi chứng minh những tính chất di truyền ở vi trùng cũng giống ở các thú vật khác, các ông đã đem lại một yếu tố quan trọng trong các định luật di-truyền, một nguyên tắc cần yếu cho một định luật toàn thể. Trong tờ thông cáo của Viện Karolinska phát giải có nói : «Không có phần đóng góp của ba ông thì các cuộc phát triển phi thường của ngành sinh-vật phân-tử-học không sao diễn ra được». Suýt nữa, các nhân Viện viện Karolinska lại quên lẫn vì những khám phá của ba giáo sư ra đời hơn hai mươi năm nay !

Giáo sư Murray Gell-Mann sinh ngày 15-9-1929 tại New-York. Năm 1951, ông đậu tiến sĩ khoa học ở Viện kỹ thuật Massachusetts (M.I.T.) Qua năm 1955, ông được bổ làm giáo sư vật-lý lý-thuyết ở Phân-khoa vật-lý tại Viện kỹ-thuật California (CALTEC). Trước đây ông đã được giải thưởng Heineman và công tác của ông được giới khoa học cho là một phần đóng góp rất quan trọng trong cuộc tìm hiểu khoảng vô cùng bé.

Giáo sư Derek Harold Richard Barton sinh ngày 8-9-1918 tại Gravesend bên Anh. Ông đậu tiến-sĩ hóa-học hữu-cơ năm 1942 tại London. Trong đệ-nhi thể chiến ông làm việc cho những kế hoạch của chính phủ rồi làm phụ-tá tại Imperial College ở London. Năm 1944, ông qua làm kỹ-nghệ tại hãng Imperial Chemistry (I.C.I.) hai năm rồi lại trở về đại học tại nhiều viện ở Anh, Ê-cốt, Hoa kỳ (Harward, M.I.T., các Viện đại học Illinois, Wisconsin). Hiện nay ông làm giáo sư tại Imperial College.

Giáo sư Odd Hassel sinh ngày 17-5-1897 tại Oslo. Ông học ở Oslo và Berlin trước khi được bổ làm giáo sư hóa học-vật lý từ năm 1934 tới năm 1964. Ông khảo cứu trong cùng địa hạt với giáo sư Barton nhưng tuy làm lâu năm hơn, ông ít được biết tiếng hơn.

Giáo sư Delbruck sinh ngày 4-9-1906 tại Berlin. Ông đậu tiến sĩ khoa học năm 1930 tại Göttingen. Ông bắt đầu khảo cứu về vật-lý lý-thuyết, làm đồ đệ các nhà bác học Max Born, Niels Bohr. Qua năm 1937, vì tin tưởng chính trị, ông xin qua Hoa-kỳ, đổi qua khảo cứu về di-tính học. Từ năm 1940, ông khảo

cứu về vi trùng. Hiện ông là giáo sư sinh-vật-học tại CALTECH và là nhân viên Viện hàn-lâm khoa-học quốc-gia Hoa-kỳ.

Giáo sư Alfred Hershey sinh ngày 4-12-1908 tại Owosso, tiểu bang Michigan. Đậu tiến sĩ khoa học năm 1934, ông làm tại Viện đại-học Washington cho đến năm 1950 thì qua Phân-khoa di-tính-học tại Viện Carnegie ở Cold-Spring-Harbor. Từ năm 1962, ông làm Giám đốc phân khoa này.

Giáo sư Salvador Luria sinh ngày 13-8-1912 tại Turin. Tuy đậu bác-sĩ y khoa năm 1935, ông vẫn học tiếp vật-lý và toán-học ở Roma rồi khảo cứu về sinh vật học. Năm 1938, ông làm ở Viện Pasteur ở Paris rồi từ năm 1940 qua làm ở Viện đại-học Columbia. Hiện nay ông là giáo sư sinh-vật-học ở M.I.T, giám đốc Phân khoa vi trùng học và là nhân viên Viện hàn-lâm khoa-học quốc-gia Hoa-kỳ.

Gell-Mann và ba mảnh quark.

Sau đệ-nhi thể-chiến sau quả bom nguyên tử, những phòng thí nghiệm vật-lý-học được trang bị đầy đủ để thúc tiến cuộc tìm hiểu vật chất. Nhờ có máy gia-tốc ngày càng lớn, người ta đã tìm ra được vô số những hạt vật chất mà những hạt đầu tiên đã nói đầy dẫy trên sách vở từ lâu: proton (dương tử) neutron (trung hòa tử) electron (điện tử). Trước đây các nguyên tố cũng đã từng được liên tiếp khám phá ra và bản kê tuần hoàn Mendeleief đã lại sắp đặt thứ tự. Thì đây hiện tượng cũng tương tự với các hạ vật chất. Hơn một trăm hạt đã được thức biệt mà làm sao thiết lập cho được một bản kê rõ ràng dựa trên những tính chất của chúng.

Hai nhà vật lý học Gell-Mann và Néeman đồng thời bỏ công vào việc này. Họ không tin những hạt vật chất là « sơ đẳng » nghĩa là những bộ phận nhỏ nhất không thể phân chia (như hồi nào người ta đã tưởng với những nguyên tử). Đẳng khác họ cũng không tin tạo hóa lại dùng nhiều vật liệu như vậy để xây dựng vật chất. Gell-Mann lần lượt cho ra hai giả thuyết SU_3 và SU_6 (S: symétrie, U: unitaire). Trong ấy ông muốn sắp đặt những hạt vật chất thành nhóm thuần nhất. Trong một đô-thị dùng d ệ a tích các hạt vật chất, ông vẽ ra được một hình lục giác gồm có 8 hạt và một hình tam giác gồm có 10 hạt. Cách kê khai này có tiện lợi là giúp người ta suy đoán được trước tính chất một hạt vật chất chưa tìm ra. Trước đây Pauli đã từng tính biết trước được hạt neutrino, Yukawa hạt meson pi, Dirac các phản hạt. Thì đây, năm 1964, ba năm sau giả thuyết Gell-Mann ra đời, liên tiếp ở hai máy gia-tốc Brookhaven bên Hoa-kỳ và C.E.R.N ở Genève, người ta tìm ra được hạt « mega âm » mà SU_6 đã báo trước.

Một trong những kết quả của giả thuyết này là người ta có thể cấu tạo bất cứ hạt vật chất nào với sáu thành phần : ba mảnh quark và ba mảnh antiquark như người ta có thể cấu tạo bất cứ nguyên-tử nào với ba hạt proton, neutron và electron. Gell-Mann lấy lên quark từ truyện « Three quarks for M.Mark » của James Joyce. Ba mảnh quark có tính chất tương tự ba hạt proton, neutron và hyperon lamda nên gọi là ba mảnh ổn định, trung bình, và nặng. Đặc biệt nhất là điện-tích của chúng đều là số phân. Từ trước, điện-tích của electron đã được lấy làm đơn

vị sơ đẳng vì là nhỏ nhất. Nay nếu chịu nhận mảnh quark ổn-định có điện-tích $+2/3$, hai mảnh trung bình và nặng điện tích $-1/3$ tức là chịu nhận một cuộc cách mạng trong ngành vật-lý-học. Ta có thể lấy ví dụ : proton điện tích 1 nghĩa là gồm có hai mảnh $+2/3$ một mảnh $-1/3$; neutron thì lại gồm có hai mảnh $-1/3$ và một mảnh $+2/3$ nên trung hòa.

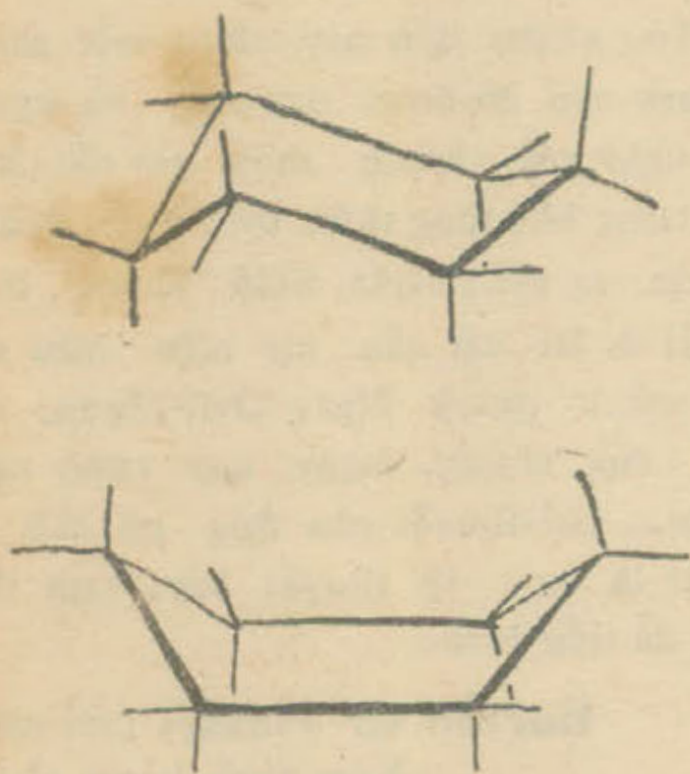
Tuy nhiên, đến nay chưa một mảnh quark nào đã được tìm thấy và người ta nghi với những máy gia-tốc hiện có cũng khó lòng thức biết được chúng. Thật ra giả-thuyết SU_6 không buộc phải đi lại kết cấu sự hiện hữu của ba mảnh quark. Ngay Gell-Mann, cha đẻ của chúng, ngày nay cũng ngần ngại... Giả-thuyết của ông có thể coi như là một lý thuyết hay, tạm thời để dễ tiến bước.

Barton và Hassel với cuộc phân tích hình thức.

Trước kia người ta tưởng những phân tử chỉ có một hình thức bất động, bất biến và những nguyên tử cấu tạo ra chúng được sắp đặt rải rác một cách bất di, bất dịch. Thật ra, phân tử có thể có nhiều hình thức khác nhau và hơn nữa, có thể từ một hình thức này biến qua một hình thức khác rất nhanh chóng. Môn phân tích hình thức có nhiệm vụ khảo cứu những hình thức của phân tử và những cuộc biến chuyển giữa các hình thức khác nhau.

Sở dĩ những phân-tử có thể biến chuyển qua nhiều hình thức khác nhau như vậy là vì khi hai nguyên-tử dính nhau qua một dấu nối đơn, chúng có

thể tự do quay quanh trục nối và dễ di động một chút là người ta lại có một hình thức khác của phân-tử. Trong các sách hóa học từ lâu người ta đã có nói đến hai hình thức cùng cực của phân-tử cyclohexan. Chỉ có một công thức C_6H_{12} mà phân tử có thể hiện ra theo hình thức « ghế » hay hình thức « đò »



Thật ra vì năng lượng bên trong kém hơn nên hình thức « ghế » dễ có hơn và ở nhiệt độ thường hình thể « đò » không hề được tìm thấy.

Trong một phân tử khác như khí butan, ở hai đầu cuối công thức có hai nhóm methyl CH_3 . Tùy chỗ nằm của hai nhóm này, người ta có được một số hình thức khác nhau. Nhưng hình thức dễ có nhất, gọi là hình thức đặc năng, là hình thức trong ấy hai nhóm methyl nằm xa nhau nhất. Đây cũng vậy, hình thức này không ổn định, rất dễ biến chuyển qua những hình thức khác.

Từ thế kỷ trước, người ta đã có những khái niệm này nhưng chẳng có ai chịu khảo cứu sâu rộng. Giáo sư Hassel có danh dự là người đầu tiên đã tìm hiểu hình thức những phân-tử

đơn giản như phân tử cyclohexan và những chất dẫn xuất của nó. Sau đây giáo sư Barton mở rộng cuộc khảo cứu ra những phân tử phức tạp hơn, đặc biệt thuộc về những chất alcaloide. Những năm gần đây, cuộc học hỏi trở thành dễ dàng hơn nhờ máy móc tối tân như máy cộng-hưởng từ-tính hạch-nhân. Nhờ máy này, người ta xác định được thời gian, dù rất ngắn, để phân-tử biến chuyển từ một hình thức này qua một hình thức khác. Ví dụ một phần triệu giây là đủ để hình thể « ghế » phân tử cyclohexan chuyển qua hình thể « đò » và trái lại.

Tính chất này chỉ rõ phân-tử dẻo dang biết bao. Khi thay đổi hình thức, phân-tử không thay đổi chút nào về mặt các dấu nối giữa các nguyên tử. Nhưng mỗi hình thức tương đương với một cách sắp đặt của các nguyên tử trong phân tử. Cách sắp đặt này có ảnh hưởng rất nhiều lên tính chất hoạt động của phân-tử, nghĩa là tốc-độ tác dụng lên những phân-tử khác. Trong ngành hóa-học hữu-cơ chẳng hạn, những yếu-tố như tốc-độ phản-ứng rất là cốt yếu. Vì vậy môn phân-tích hình-thức quan trọng biết bao.

Delbruck Hershey và Luria với những virus ăn bám vi trùng.

Cách đây gần ba mươi năm, tại Viện Carnegie ở Cold-Spring-Harbor, người ta đã bắt đầu khảo cứu về môn sinh-vật phân-tử-học. Ông Giám đốc phòng thí nghiệm hồi ấy là Misislav Demerec, tin tưởng virus (cực vi trùng) và vi trùng là những vật dùng để khảo cứu về di truyền còn tốt hơn cả các loại ruồi của Thomas H. Morgan. Ông khuyến dẫn các khảo-cứu-viên, trong số ấy có Delbruck, trên con đường khảo cứu mới mẻ này. Từ năm

1941, Cold-Spring-Harbor đã là kinh-đô của môn di-tính phân-tử-học : mỗi năm các khảo cứu-viên mọi nơi tụ họp lại đó để trình bày, bàn cãi những gả-thuyết, phát minh trong ngành sinh-vật-học. Một trong những buổi hội đàm kì đã được dành cho những công tác về virus ăn bám vi trùng, nghĩa là chúng xông vào cơ-thể vi trùng, bắt vi trùng chế tạo ra hàng trăm virus trước khi tiêu hủy vi trùng để ra ngoài. Nhưng hồi ấy chỉ có Delbruck và Luria là xác tín cần phải khảo cứu theo môn sinh-vật phân-tử-học. Năm 1947, ở cuộc hội nghị đầu tiên tại Nashville chỉ có tám người đến dự. Ngày nay cuộc họp hằng năm ở Cold-Spring-Harbor tụ tập đến hàng trăm chuyên viên.

Từ lâu, người ta đã nhận thấy nhiều vi trùng chống cự lại được các virus và ngẫu-biến ra thành một loại khác. Năm 1942, Delbruck và Luria tìm hiểu cách ngẫu-biến kia : tình cờ, độc lập hay nguyên do tại những virus. Khảo sát những đám vi trùng không hề bị virus này phá, các ông nhận thấy các cuộc ngẫu biến kia thật tự nhiên như các cuộc ngẫu biến của các cơ-thể thượng đẳng. Kết quả này chỉ rõ tính chất tổng quát của những khái-niệm về di-tính-học. Từ đây, vì là một cơ-thể độc-tế bào, rất giản dị dễ nuôi cấy, vi trùng trở nên vật quý của phòng thí nghiệm trong công cuộc tìm hiểu cơ chế tính-chất di-truyền.

Năm 1964, Delbruck và Baily một bên, Hershey một đảng khác, đồng thời chứng minh những virus có thể cho thuyên chuyển vật-liệu di-tính từ một cơ-thể này qua một cơ-thể khác. Đến nay người ta thường tin chỉ có những cơ-thể thượng-đẳng mới có được tính chất này. Năm 1946, Lederberg (giải Nobel năm 1958) chứng minh tính chất này cũng có ở vi trùng. Như vậy, những nguyên-tắc sinh-vật-học thật là bao quát.

Năm 1952, một mức nữa lại được vượt qua : Hershey chứng minh khi virus tấn công và truyền độc qua vi trùng thì dùng những axit nuclêic. Khám phá này ra đời trước cả lúc Crick và Watson (giải Nobel năm 1958) chỉ rõ cấu tạo của ADN đồng thời đem lại một cách giảng rõ ràng, đã làm cho những khảo-cứu-viên sinh-vật-học chú ý đến vai trò trọng yếu của các axit nuclêic.

Delbruck, Hershey và Luria thật là những người tiên tạo của môn sinh-vật phân-tử-học. Chính các ông đã lập đường khai thác để cho những chuyên-viên sau này tìm kiếm ra được những tính chất mới lạ khác.

Với ba ông được giải Nobel sinh lý và y-học năm 1969, người ta tính có tất cả 17 nhà bác học trong khoảng 11 năm đã được thưởng vì công trạng tìm hiểu cơ chế đời sống con người :

- | | | |
|------|------------------------------|--------------------------------|
| 1958 | : Badle, Tatum | (hạt di truyền) |
| | Lederberg | (cơ chế di truyền ở vi trùng) |
| 1959 | : Ochoa, Kornberg | (tổng hợp các axit nuclêic) |
| | Crick, Watson, Wilkins | (cấu tạo các axit nuclêic) |
| 1965 | : Lwoff, Monod, Jacob | (tiết chế tế bào) |
| 1968 | : Nirenberg, Khorana, Holley | (ám hiệu di truyền) |
| 1969 | : Delbruck, Luria, Hershey | (cơ chế di truyền ở vi trùng). |



THƯ LÂM ẮN THƯ QUÁN

231-233-235, Phạm-Ngũ-Lão Sài-gòn :

Dây nói : 25.861

NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP DỤNG CỤ VĂN PHÒNG
 có xưởng máy cung cấp phù hiệu, cờ hiệu đoàn, nhãn cổ áo (étiquette)
 màu đẹp, bền, không phai.

Gởi tiền thanh toán xin chuyển vào Trương-mục Bưu-điện
 Số : 2.701 THƯ LÂM ẮN THƯ QUÁN

Las - Vegas đỏ đen

Anh Ngô Châu,

Chuyến tàu thủy sang một lượt mấy số Bách Khoa, tôi thăm cảm ơn anh và cũng thấy lương tâm cắn rứt quí chừng, vì đã lâu không viết gì cho Bách Khoa.

Cuối tuần lễ vừa qua tôi nhất định rủ ông bạn đi Las-Vegas, cách chỗ tôi độ 500 dặm, mục đích để viết bài trả món nợ tinh thần cho Bách Khoa.

Chương trình tôi định là chiều thứ sáu ở sở ra sẽ đi thẳng lên sân bay đi ngay; chiều chủ nhật về để sáng đi làm.

Ngồi trên máy bay tôi hỏi ông bạn những điều thắc mắc :

— Las-Vegas là một thành phố độc đáo của nước Mỹ. Ai sống ở miền Đông cũng muốn đi chơi một chuyến cho biết. Ai ở xa đến mà không viếng Las-Vegas thì như có một món nợ chưa trả xong. Las-Vegas có hàng nghìn sòng bạc công khai. Một nơi như thế, ngoài sòng bạc ở Reno cũng thuộc về tiểu bang Nevada ra, tại sao lại là Las-Vegas mà không phải là một nơi khác ?

Ông bạn ngẫm nghĩ một lúc bảo :

— Tôi không biết chắc nhưng có lẽ vì nhiều vùng ở tiểu bang Nevada ngày xưa là nơi khai mỏ vàng. Dân làm mỏ vốn là dân tứ chiếng từ tất cả các nơi xa đến. Phần nhiều họ không đem theo gia đình hay không có gia đình, làm được nhiều tiền đêm đêm tiêu ở tiệm rượu và các sòng cờ bạc. Có lẽ đó một trong những lý do để tiểu bang Nevada công nhận luật cờ bạc công khai.

Năm 1905 thành phố Las-Vegas bắt

đầu xây dựng trên sa mạc. Từ số dân vài ngàn người, ngày nay đã lên đến gần 300.000 người. Nếu không có cờ bạc thì Las Vegas làm sao mà sống được !

Mới hơn hai mươi năm trước chỉ có vài khách sạn gọi là hạng khá, bây giờ Las-Vegas có 25.000 phòng khách sạn thượng hạng. Mỗi năm có 15 triệu người du lịch đến viếng. Trừ một số ít tay cờ bạc ăn thua hàng chục ngàn, tất cả du khách ai cũng đánh một vài thứ bài thử thời vận, hay đúng ra là để tiếp tế cho Las-Vegas.

— Họ có những thứ cờ bạc gì ?

— Gì cũng có. Các thứ bài tây như «21 điểm» hay poker; ném hạt nhất lục như «craps»; máy quay số «roulette»; xổ số «Keno»; hay máy «slot machine».

— Nếu ai cũng ăn cả thì ai thua ?

— Đúng thế, phải có người thua. Mỗi du khách đến thua một ít. Có nhớ là Las-Vegas có 20 ngàn phòng sang trọng, chưa

kề phòng hạ g nhì, ba hay hạng bét, mỗi khách sạn có hàng trăm sòng bạc, hàng nghìn nhân viên giữ việc chia bài, quay máy, chung tiền, giữ trật tự, đổi tiền, săn sóc khách hàng, giám thị. . Chủ sòng phải có lời, phải nộp thuế; nhân viên phải có lương để nuôi gia đình, cô cũng biết là tiền ấy ở đâu ra.

— Tôi đọc trong một bài báo cáo nói năm 1968 Las-Vegas thu được 300 triệu tiền lãi, trả thuế độ 15 triệu. Lãi kinh khủng như thế nếu khách du lịch không đến nữa thì Las-Vegas sẽ ra sao?

— Las-Vegas sẽ trở lại bộ mặt thực nguyên thủy của nó, nghĩa là một thành phố nhỏ vắng trên sa mạc, với một cây xăng cô đơn.

Chúng tôi đổi máy bay ở Los-Angeles xong, lại bay độ gần một giờ nữa. Đến 8 giờ, máy bay bắt đầu xuống thấp Trời đã tối nên hàng vạn ánh đèn ngũ sắc của Las-Vegas chiếu lấp lánh thật rực rỡ.

Tôi nghĩ thầm :

Đây Las-Vegas mỗi năm 15 triệu du khách đến tiêu tiền; nơi có cái đập nước Hoover to nhất thế giới; nơi thên hạ đến cưới hỏi và ly dị chớp nhoáng; nơi làm tán gia bại sản bao nhiêu gia đình, trong số đó có một gia đình Việt-Nam tôi quen.

Bước chân vào nhà phi trường, trong khi chờ ông bạn nhận va li, tôi đứng gần ngơ nhìn hai dãy máy "slot machines", đứng hai bên, mỗi máy phình cái bụng đầy bạc cắt qua lán kính trong veo, như dang tay chào đón, mời mọc, quyến rũ khách viễn phương.

Thấy tôi vừa đi vừa quay đầu nhìn

lại hai dãy máy có vẽ "dùng dăng nửa ở nửa đi", ông bạn lắc đầu bảo :

— Trông như tinh thần cờ bạc của cô đã bắt đầu lên men. Theo tình hình thế này chắc là tôi phải giữ vé máy bay lượt về hộ cô; nhớ cô vào Casino thua, cầm bán luôn cả người lẫn vé thì nguy.

Vào một tiệm ăn, trong khi chờ cơm, cá ông các bà bỏ tiền vào máy slot machine quay cho đỡ ghiền. Thỉnh thoảng nghe vài tiếng tiền rớt leng keng rất vui tai, ông bạn nói nhỏ :

— Mỗi năm 25 phần trăm lợi tức của các sòng bạc ở Las-Vegas sống nhờ vào slot machine. Và những tiệm bán hàng, bất cứ hàng gì, số lợi tức cũng tăng lên gấp bội; có tiệm nếu không nhờ máy ấy thì tiệm chết trước khi ra đời. Nếu cô có thấy hào lẽ làm cô nặng túi thì cứ việc bỏ tiền vào máy để xem cái trò quỷ thuật hô biến rất thần tình này. Trước mua vui sau làm việc nghĩa giúp cho chủ tiệm phát đạt.

Tôi chỉ "hứ" một tiếng, không thèm trả lời câu nửa mời nửa chửi khéo ấy.

Cơm xong một quá tôi đề nghị nghỉ sớm để mai đi xem đập nước phát điện "Hoover dam".

oOo

Nếu du khách đã bỏ công từ xa đến, bất cứ để đánh bạc, cưới hỏi hay ly dị chớp nhoáng, thì du khách cũng không thể nào lỡ được dịp đi xem đập nước Hoover.

Đập nước này chặn và giữ nước sông Colorado, con sông dài 1.400 cây số, chảy từ Rocky Mountain đến bề Thái Bình Dương. Mỗi năm hai mùa Xuân Hạ băng giá trên núi tan ra chảy xuống sông và lan tràn ngập

lụt tất cả vùng đồng bằng sông đi ngang qua. Đến cuối Hạ và đầu Thu thì không còn một giọt nước nào trong sông làm hạn hán suốt vùng. Mùa ngập lụt, nước hủy hoại tất cả mùa màng, giết sinh vật, tàn phá nhà cửa; mùa hạn hán, mùa màng và sinh vật lại bị tàn úa và chết khô vì thiếu nước.

Năm 1922 đại diện của bảy Tiểu bang ở lưu vực sông Colorado họp nhau bàn kế hoạch chống lại với thiên nhiên. Năm 1928 Thượng Nghị Viện chuẩn y chương trình xây đập. Năm 1935, khi đập Hoover xây xong bắt đầu chặn nước và chứa nước mùa nước tràn; mùa khô nắng thảnh dần nước ra thì khắp miền lưu vực sông Colorado không bao giờ còn xảy ra ngập lụt hay hạn hán nữa.

Lake Mead là hồ chứa nước của đập Hoover, có thể chứa được số nước hai năm lụt của sông Colorado. Số nước này được tích trữ rồi thả ra dần dần suốt năm, chảy vào các sông nhánh, các đập nhánh, các vùng dân cư ở, các nông trại và các công cuộc kỹ nghệ; tưới gần một triệu mẫu đất ở Mỹ, và nửa triệu mẫu đất ở Mexico. Ngoài ra, đập Hoover là một đập phát điện to nhất thế giới, có 17 máy phát điện lớn, phát ra 1.344.800 kilowatts.

Khi chúng tôi theo mọi người sắp hàng để mua vé vào cửa thì thiên hạ kẻ đi người về đã khá đông. Giá vé vào cửa xem đập là 3 hào Mỹ. Bước chân vào thang máy xong, người hướng dẫn bắt đầu đếm:

— 27 người, thôi đủ rồi. Đứng chật một tí nhưng càng chật càng ấm cúng.

Đùa xong ông ta bắt đầu làm phận sự của người hướng dẫn:

— Quý vị đang ở trên chóp núi. Bây giờ thang máy đưa quý vị xuống tận chân đập, mất độ ba phút

Xuống đến nơi chúng tôi đi vào một đường hầm; một toán khác đi ngược lại để lên nặt đất cũng bằng thang máy ấy. Chúng tôi đợi thêm mấy phút nữa, thang máy lại đưa thêm một đoàn người xuống nhập bọn.

Trước khi đến đây chúng tôi đã ghé qua phòng thông tin để xem một phim về đập này. Phim chụp từ lúc bắt đầu đào móng xây nền, đồ xi măng v.v. tất cả quá trình cho đến khi đập hoàn thành, nên khi người hướng dẫn đưa đến đâu và giảng giải những gì, tuy không nghe rõ vì tiếng máy điện chạy ầm ầm, tôi cũng hiểu là ông ấy đang muốn nói gì.

— Đập Hoover xây tốn 175 triệu, từ chân đập lên đến mặt đất cao 726.4 feet, chân đập dày 660 feet, trên chóp đập dày 45 feet, rộng 1.244 feet. Tất cả số xi-măng dùng để xây đập là 4 triệu thước khối. Đằng sau đập là hồ «Mead». Khi hồ đầy nước, dài 115 dặm, sâu 589 feet, mặt hồ rộng 163.000, cao hơn mặt bể 1.229 feet, chứa 261 triệu «acre-feet» nước.

Chúng tôi theo người hướng dẫn đi lên đi xuống mấy tầng lầu, hơn trăm bậc thang, quay bên phải, quay bên trái, nhìn lên, nhìn xuống; đi qua những con đường hầm từ đáy đập, từ Tiểu bang Nevada bước qua Tiểu bang Arizona; đi hơn nửa giờ mới cả chân mới hết một vòng quan sát trong lòng đập và các máy phát điện, ống dẫn nước, luồng nước nào sẽ dẫn nước đi đâu v.v...

Xem xong chúng tôi lại lên thang máy để đoàn khác, do một người

hướng dẫn khác đưa xuống. Chưa muốn về chúng tôi lại sang một tòa nhà cạnh đấy xem một mô hình 7 Tiểu bang chịu ảnh hưởng của sông Colorado, của đập Hoover, và các đập nhánh. Có một máy ghi âm giảng giải, nói đến đâu đèn chiếu trên mô hình sáng rực đến đấy rất rõ ràng.

Đi ngang qua phòng thông tin khác lại xem thêm một phim nữa về các cuộc giải trí trên hồ Mead và chung quanh hồ. Nào là cắm trại, đi bộ, bơi thuyền, câu cá, trượt tuyết, trượt nước (water ski) v. v...

Trên đường về thấy mới 3 giờ chiều, ông bạn hỏi :

— Còn sớm lắm, cô muốn đi xem gì nữa ?

— Chúng ta đến Tòa án xem thiên hạ cưới nhau đi !

Xe đi ngang qua một Motel (Motel cũng giống như khách sạn (Hotel) nhưng có chỗ đậu xe ngay bên cạnh) thấy có bản đề « Wedding Information » tôi xin ngừng xe lại để vào hỏi xem có gì hay. Vào vào phòng thấy một ông ngồi ở bàn giấy tôi hỏi :

— Tôi muốn biết về thủ tục làm đám cưới. Ông có giấy tờ gì về thể lệ không ?

Ông ta mừng quá hỏi lại :

— Ai muốn cưới ? Cô phải không ?

Tôi hơi ngần ngại, nếu nói không phải sợ ông ta không trả lời câu hỏi. Sau cùng tôi đành liều nhận bừa :

— Phải, ông cho biết cần điều kiện gì.

Ông ta cầm ngay máy điện thoại quay số và nói :

— Tôi có một người muốn làm đám cưới hiện giờ đang ở đây. Cô nói chuyện với cô ấy đi.

Ông đưa máy điện thoại cho tôi dặn :

— Cô này sẽ lo liệu cho cô tất cả. Đây là danh thiếp địa chỉ của Sở. Cô nói chuyện với cô ấy. Đến chỗ ăn ngủ chúng tôi cũng có thể bao tất.

Trong phút chốc tôi cảm thấy như tất cả mọi người cùng về hòa với nhau để bắt cóc tôi bỏ lên xe hoa. Tôi nói với cô kia :

— Xin cô cho biết điều kiện để làm đám cưới ở Las-Vegas.

— Cô phải độc thân, chỉ có thể là hợp pháp.

— Dễ quá nhỉ !

— Cố nhiên. Nếu cô cung cấp chú rể được, thì chúng tôi sẽ bao tất cả. Lễ cưới chỉ độ 5 phút là xong.

— Còn giấy tờ thế nào ?

— Chúng tôi lo tất cả. Chúng tôi sẽ cho xe đưa đón nếu cô cần xe.

— Xin cô cho biết phải tốn bao nhiêu.

— Tiền giấy hôn thú phải nộp ở Tòa An 16 Mỹ Kim. Nếu cô muốn làm lễ cưới ở nhà thờ ngay cạnh đấy thì tốn 20 Mỹ kim nữa.

— Cám ơn cô.

— Đặt điện thoại xuống rồi tôi nhớ ra là quên chưa hỏi cô về đám cưới vị thành niên. Ông chủ Motel cho tôi biết :

Trên 18 tuổi được tự do làm phép cưới. Từ 16 đến 18 tuổi phải có giấy cha mẹ cho phép.

— Nếu cha mẹ không cho phép thì sao ?

— Chúng tôi sẽ đưa đi Tiểu Bang

Utah cách đây vài trăm dặm, lên một miền núi rất cao.

Tôi nghĩ thầm :

— À ra thế, hãng này rất có ích cho những đôi có vấn đề, phải đi xa như thế, chứ những kẻ danh chính ngôn thuận, người ta ra Tòa án tự làm giấy chứ cần gì ra làm trung gian để phải trả cái khoản tiền trung gian.

Tôi định hỏi về khoản tiền công của hãng bao nhiêu nhưng chắc là họ không trả lời được trừ khi định làm lễ cưới thực, làm giấy tờ xong rồi họ sẽ tùy theo hoàn cảnh khó khăn hay dễ dàng đến mức nào để tính tiền.

Tôi nhận danh thiếp có địa chỉ của hãng thầu, chào ông chủ nhưng không nói cho ông biết là chúng tôi đến Tòa Án.

Trong phòng phát giấy xin cưới của Tòa Án, một dãy người sắp hàng dài đang đứng chờ. Người nào cũng có một tấm giấy con đang biên biên chép chép. Tôi cũng lấy một tờ thấy trong có các khoản phải điền là: Tên, Tuổi, Ngày sinh, ở thành phố nào, độc thân góa hay ly dị. Những người điền xong giấy, nộp tiền rồi, nếu không muốn làm lễ cưới ở nhà thờ hay nơi khác thì lên gác có ông Chánh Án làm lễ cưới cho họ miễn phí.

Chúng tôi lên lầu thấy trong phòng đợi có hàng trăm người đang ngồi chờ đến lượt mình như ngồi xem hát trong một rạp thực lớn, đợi giờ kéo màn. Trong khi họ chờ, cô thư ký nhận giấy tờ viết tên họ vào giấy hôn thú, ghi vào sổ của Tòa Án, xong gọi tên từng cặp vào phòng Ông Chánh Án để làm lễ cưới riêng chứ không làm tập thể. Nếu cặp nào cô đơn không có bà con hay bạn bè làm chứng thì một nhân

viên của Tòa Án sẽ đứng ra làm chứng hộ

Chúng tôi gặp ông Chánh Án hỏi xin làm chứng cho một cặp lẽ loi, đề được dự lễ cưới. Cô thư ký gọi tên một đôi ra hỏi. Họ vui lòng nhận lời. Đôi này rất trẻ chỉ độ trên dưới hai mươi. Nàng quần trắng, áo dệt trắng. Nàng quần cao bồi cũ bạc màu áo sơ mi nâu, giày vải bố. Cả hai có vẻ nghèo, dẫu dị và sạch sẽ gọn gàng.

Ông Chánh Án theo thủ tục đọc bài kê bất hủ của lễ cưới, lời tuyên thệ cho hai bên nhắc lại, nào là : yêu nhau suốt đời, dù giàu, dù nghèo, dù mạnh, dù ốm v.v...

Tôi đã từng dự nhiều lễ cưới ở nhà hay ở nhà thờ, những lễ cưới chủ nhân tốn hàng nghìn, nghe nhắc đi nhắc lại câu thề này nhiều lần. Lần này lễ cưới của đôi bạn nghèo, không tiệc trà, áo cưới, không người làm chứng. Tiền cưới chỉ tốn tổng cộng 16 Mỹ Kim để lãnh tấm giấy hôn thú hợp lệ, tôi thấy tia vui trong ánh mắt họ cũng có hào quang như ai vậy.

Lễ tuyên thệ xong, ông Chánh Án tuyên bố hai người đã thành vợ chồng. Ông bạn bắt tay hai vợ chồng mới, còn tôi phỏng vấn tức hành ông Chánh Án ngay vài câu :

— Thưa ông Tòa Án mở cửa từ mấy giờ đến mấy giờ ?

— Tòa Án mở cửa 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần. Chúng tôi có nhân viên trực suốt ngày đêm để làm lễ cưới bất cứ giờ phút nào. Ngoài ra có những vụ án lật vạt trong thành phố cần phải giải quyết ngay.

— Ông có thể cho biết mỗi ngày có bao nhiêu lễ cưới không ?

— Ngày thường thì ít thôi, chỉ độ hai chục. Cuối tuần lễ mới nhiều, có khi hàng trăm như hôm nay vì họ toàn ở các nơi khác đến.

— Còn giá tiền như thế nào ?

— Suốt tuần trong giờ làm việc 6 Mỹ Kim. Cuối tuần và ngoài giờ làm việc công sở 16 Mỹ Kim.

— Xin ông cho biết thủ tục ly dị ở Las-Vegas.

— Đương sự phải ở Las-Vegas ít nhất là 15 ngày. Cả hai vợ chồng hay một người thôi cũng được. Nhưng giấy tờ phải qua một luật sư làm trung gian.

— Thưa ông tiền Luật sư độ bao nhiêu ?

— Vào khoảng 300 Mỹ-kim, nếu không phải tranh dành hay kiện đi kiện lại gì cả.

— Thưa ông quyết định của Tòa Án ở Las-Vegas có hiệu lực như thế nào ? Chẳng hạn như chỉ vợ hay chồng đến đây ly dị. Người kia ở nơi khác không hay biết gì cả thì sao ?

— Tòa án cho hai tuần để đăng bố cáo tìm người kia. Nếu trong hai tuần không tìm thấy thì thành án. Nghĩa là dù có mặt hay vắng mặt, đồng ý hay không đồng ý, án ly dị vẫn thành. Và một khi Tòa Án của Tiểu bang Nevada

đã xử rồi thì án ấy hữu hiệu trên khắp nước Mỹ.

Trước khi chúng tôi ra về Ông Chánh án cho một tấm danh thiếp có địa chỉ của ông và đính ninh dặn gửi cho ông một tờ báo có đăng bài nói về Las-Vegas và ảnh của ông đang làm lễ cưới.

Tôi hỏi ông bạn trên đường về :

— Tại sao chỉ ở có 15 ngày thôi là đủ điều kiện. Tôi thấy ít quá.

Ông bạn cười :

— Ngoài tiền Luật sư ra, còn tiền 15 ngày ở khách sạn, ăn cơm tiệm cờ bạc chhua, như thế đủ sạt nghiệp một đời người rồi, cô còn đòi gì nữa !

— Nhiều Tiểu bang ở Mỹ có luật ly dị rất khó nên ai cũng cho California là xứ thần tiên. Vợ chồng chê nhau chỉ xa cách một năm là được ly dị dứt khoát. Tôi không ngờ Tiểu Bang Nevada còn chớp nhoáng hơn nhiều, chỉ 15 ngày là xong hẳn.

— Có lẽ Nevada bết quý thì giờ vàng ngọc. Sống chung hay chia rẽ cũng như một canh bạc, được hay thua phải đánh ngay, đánh nhanh để còn đánh canh khác chứ !

(Còn tiếp 1 kỳ)

LINH-BẢO

Đã phát hành

ĐẤT ĐỨNG ĐẦU XUÂN

- Tác phẩm thứ 18 trong tủ sách thơ văn NHÂN CHỨNG là những viên gạch đã lót móng xây nền cho cơ sở.
- Đọc Đất Đứng Đầu Xuân để biết rõ những tệ hại trong Văn Nghệ Miền Nam hơn 10 năm qua — và phân biệt Văn Nghệ Chân Chính với Văn Hóa Ngụy Thức.

NAM CƯỜNG tổng phát hành

Cây Mai

Đêm nay là đêm thứ hai tôi ngủ ngoài trời đầy tuyết lạnh, đêm thứ hai tôi từ giã cuộc sống của loài người để bước vào cuộc sống thảo mộc. Tôi không ngờ rằng tôi đã gia nhập vào cuộc đời mới này một cách dễ dàng như thế. Nếu không phải là tôi, nếu không phải là các bạn tôi ở chung quanh thì chẳng ai biết được. Hầu như có những phút tôi cũng không còn nhớ rằng mình đã là người và biết đâu trong một vài giờ, một vài ngày nữa lại có thể trở về với loài người. Gian phòng tôi, cái giường tôi ngủ, cái bàn viết và bao nhiêu sách vở đang chờ tôi.

Quê hương của tôi đến giờ này đã hết Tết, thế là chiếc áo vàng mới may để dành mặc ngày Tết vẫn còn trinh nguyên. Nhưng tôi cũng đang mặc áo vàng đây, những cành mai chiu hoa vì tôi mà nở và tôi đã hòa tâm hồn hòa thể xác vào với cây. Như thế tức là tôi cũng mặc chiếc áo vàng, áo màu hoa mai rồi.

Mặc dầu đêm qua cây xo-ri bảo trời sẽ bớt lạnh vì trời sẽ mưa và tuyết sẽ tan, sao tôi không cảm thấy gì cả. Tuyết xuống nữa chẳng? Mưa xuống nữa chẳng? Tôi chỉ là một gốc cây không còn phải sợ hãi co ro như thuở trước. Tha hồ cho tuyết có phủ ngập đến nửa gốc cây cũng chẳng sao. Tôi đã bị đồng hóa rồi, từ nay bắt đầu một cuộc sống mới, thanh nhàn hơn và giản dị hơn. Tôi khỏi lo vấn đề ăn uống: thức ăn do rễ cây mang về, lấy tự trong lòng đất.

Tôi khỏi lo vấn đề sáng tác, khỏi lo đi tìm đề tài, khỏi lo kiếm đủ tiền bằng tháng, tâm trí thanh thoát, những nhu cầu vật chất không còn đến làm bận rộn cuộc sống của tôi nữa. Tha hồ suy tư, tha hồ mỗi đêm ngược mắt lên trời nhìn sao. Loài người làm sao biết được là thảo mộc cũng có mắt, cũng có tâm hồn và cũng có tình cảm, cũng biết đau và cũng biết yêu.

Có một vài phút tôi hơi bâng khuâng, tiếc cái thuở còn là Người, mấy tác phẩm đang viết dở chưa xuất bản, một vài người bạn, mới quen chưa một lần bắt tay hay mới chỉ có vài lần bắt tay. Những chân trời xa xôi chưa có dịp đặt chân tới hay mới tới có một lần và hẹn trở lại. Hôm nay thành cây rồi còn có khi nào trở lại nữa, nếu không là dưới hình thức một cành khô.

Bây giờ, đứng vào vị trí một tinh vật, nói theo tiếng của loài người

chứ cố nhiên là thảo mộc chúng tôi không bao giờ nhận mình là một tinh vật. Bây giờ tôi có thể rồi rãi để suy nghĩ đến những hành động cũ của mình.

Tôi không tiếc những gì tôi đã làm mà chỉ tiếc những gì chưa làm được. May mà tôi không làm một việc gì để bây giờ ngẫm lại có thể hối hận hoặc xấu hổ. Nhất là trong xã-hội, cây, tất cả đều tinh khiết, mà mình mang vào một cái thành tích lật lừa bất hảo, gian nịnh, chắc là sự xấu hổ sẽ đưa đến chỗ ủ rũ và khô queo lại mà chết.

Ngày còn là con người, tôi bị xem là khùng là dại, vì không biết bắt chước loài người để xây dựng cơ đồ, sắm kim cương, xây nhà cửa, mua xe, mua tàu. May quá, nếu không thì giờ này đứng tha hồ trầm ngâm mà tiếc của.

Tôi vẫn chưa kết bạn bè với một gốc cây nào để tâm sự; ở với loài người tôi ít tìm được bạn, nhưng trong xã hội cây này tôi tin chắc thế nào tôi cũng sẽ có nhiều bạn hơn.

Tôi sẽ chọn cây thông làm bạn. Ngày còn làm người tôi ít có bạn gái, mặc dầu đàn bà vẫn có kẻ ngờ rằng dễ gần và dễ hiểu nhau hơn. Theo tôi thì các cô các bà yếu điệu quá, hẳn vì cố làm ra thế từ thuở nghe bài thơ « Quan thư » do Tát Công người đời Chu làm ra, bảo rằng « yếu điệu thực nữ » thì sẽ được « quân tử hảo cầu » chẳng? Rồi cứ thế mà bà truyền cho cháu, mẹ truyền cho con. Ngày nay các cô các bà cứ tiếp tục yếu đuối, tiếp tục yếu điệu. Chơi với bạn gái chỉ được một thời gian, sau đấy họ sẽ bỏ mình để đi tìm một nguồn lợi khác, và câu chuyện với một người bạn gái lúc nào cũng được xây tường chung quanh. Trừ ra những quái thai hiếm có, còn thì sự giao thiệp với các bà chẳng mấy khi mang lại gì. Trừ cái bà già ở một mình trên ngôi chùa cao, chùa Bụt Năm ở Cao Miên, câu chuyện với bà ấy có thể đã làm cho tôi thích thú.

Trái lại trong nam giới, một vạn người thế nào cũng có một hai người khả dĩ nói lên được một câu chuyện đáng nghe. Điềm này có phải tại Thượng-đế bù trừ cho họ chăng, vì nghĩ rằng họ bị đàn bà chỉ huy nên an ủi lại bằng cách cho họ có thể trở nên đặc biệt. Tôi nói chữ có thể, vì trong con số vạn có đến chín nghìn chín trăm chín mươi chín người cũng hệt như các bà, mà còn tệ hơn vì họm mình khoe khoang.

Xem như cái nước Việt-Nam điển hình của tôi, có những kẻ cứ tưởng rằng mình tài cán, nếu giao vận mệnh nước nhà cho họ thì ba tháng sau có hòa-bình ngay. Tiếc rằng họ mới tài có một nửa, cái tài chạy chọt và xu nịnh chưa được cao độ nên... chẳng ra gì.

Mà sao lệ thường tôi chẳng bao giờ suy nghĩ dài giòng, hôm nay hết ở với loài người tôi lại đâm ra sáng suốt. Chỉ vì cái lý do muốn đưa ra, tại sao tôi lại chọn cây thông làm bạn mà không chọn cây đào, cây mận, hoặc cây xo-ri.

Trời đầy sao. Tôi sẽ tha hồ được nhìn, khỏi phải đi vào ngủ vì sự sương ướt áo, vì sợ ngày mai không dậy nổi, vì sợ lạnh và ốm không làm việc được. Đấy

là những chương ngại lúc phải đóng vai Người. Là cây, tôi trút bỏ được hằng trăm sự bực bội vương vãi ấy.

Không nén được, tôi thở dài thoát nạn. Tiếng thở dài của tôi nghe thoảng như một cơn gió nhẹ. Cây thông hỏi thăm ngay :

— Sao lại thở dài, tiếc gì chẳng, mơ gì chẳng ?

Tôi cảm động và vui thích vì cái ý định chọn cây thông làm bạn hầu như đã có một chút tiền duyên.

— Chẳng tiếc gì cả, chẳng mơ gì cả. Có lẽ tiếc vì bao nhiêu năm qua bỏ phung phí ngày giờ chẳng làm được gì có ích.

— Thế bây giờ có ý định sẽ làm gì, một khi được chấp nhận vào quê hương của cây cỏ ?

Cây thông đặt câu hỏi, làm tôi lại chợt nhớ đến cái nghề cũ, nghề ký giả. Mỗi khi tìm được một câu hỏi làm sáng tỏ vấn đề, làm người bị hỏi băn khoăn thì anh ký giả mở cờ trong lòng. Cố nhiên, phải là những câu hỏi nào mới lạ, chứ cũ xi thì cũng kém hay ho, kém uy tín.

Hôm nay bị cây thông đặt câu hỏi, tôi tự thú là mới nhập vào thảo mộc tịch này có hai hôm nay thì đã có thời giờ đâu mà suy nghĩ.

Tôi trả lời bừa đi rằng : Sẽ dùng thời giờ để nghiên cứu những vì sao trên trời. Cây thông khen được đấy, như thế cũng có ích mà lại vui, khỏi sống vô nghĩa.

Ngày còn làm người tôi vẫn phàn nàn là đã bỏ phí quá nhiều thì giờ vào giấc ngủ. Đêm nào cũng ngủ đến tám chín tiếng đồng hồ. Nếu mang cộng lại thì gần hết một phần ba đời người tức là con người chỉ sống có hai phần ba.

Mang câu chuyện ra ròi, cây thông tỏ vẻ đồng ý và cũng cho rằng đấy là điều đáng thương hại nhất. Nếu quăng một phần ba đó mà không dùng vào việc ngủ thì con người có thể sáng tạo được rất nhiều. Nhưng tôi tin là khoa học sẽ tìm ra những thứ gì giúp cho con người đỡ mất thì giờ.

Trở về với những vì sao, đêm nay và bắt đầu từ đêm nay cho đến bao giờ tôi trở lại với loài người hoặc tôi trở thành cây gỗ mục, tôi sẽ có dịp nhìn trời, nhìn sao và nghiên cứu, khảo sát lại xem những gì người ta nói có đúng chẳng ?

Có thật là khi mặt trăng đi theo gần ngôi sao Cự về phía Đông Bắc thì có nhiều gió, mà đi về phía Tây Nam gần sao Tất thì có nhiều mưa chẳng ?

Ngày xưa, còn làm người, đọc Tôn-tử binh-pháp nghe nói rằng khi trên trời có những vì sao, Cự, Bích, Dịch, Chấn, hiện rõ thì trời sẽ nổi gió và có thể mở trận hỏa chiến. Thế mà rồi chẳng bao giờ có dịp ra đồng ruộng để nhìn và tự nghiệm lấy. Ngày nay khoa học không cần nhìn sao, cứ dội bom với pháo kích bừa bãi sang vị trí của nhau là đủ. Nhưng tôi vẫn thấy sự có mặt của Sao là thi vị và quan trọng, nhất là đối với những cuộc sống ngoài trời như chúng tôi, các cỏ cây.

Tôi sẽ nhìn kỹ lại xem có đúng là khi sao Bắc Đẩu chuyển lại sao Sam xuyên ngang qua thì trời gần sáng như lời cò nhàn nói «Đầu chuyển Sam hoành» đó chăng? Tôi sẽ tìm từng vì sao trong 28 ngôi ở bốn phương, những ngôi sao lớn như Chu Điều, Thương Long, Huyền Vũ, Bạch Hổ. Tôi sẽ nhìn kỹ tại sao người ta lại gọi sao con vịt ở phương Nam. Tôi sẽ tìm đề làm quen cả với những vì sao ở ngoài số «nhị thập bát tú» như sao Tuệ, sao Vũ Khúc, sao Tương v.v. và khỏi cần phải thắt nút vào mũi xoa tôi cũng không quên chăm chú đến hai vì sao Sâm và Thương để xem chúng nó anh em mà ghét nhau đến thế nào đề đến nỗi trời phải cho đũa này lặn thì đũa kia mọc đề khỏi gặp nhau. Có lẽ suốt đời làm cây tôi cũng chưa nhìn và nghiên cứu hết các vì sao.

Tôi bật cười. Giọng cười của tôi lại vang lên trong đêm. Tôi nhìn vào nhà, chỉ có bên ông láng giềng thấp đèn, phòng tôi thì âm u, đóng cửa. Tôi bỗng thương hại gian phòng thiếu sự có mặt của người, thiếu sự bừa bãi của tôi thì gian phòng sẽ mất linh động.

Tôi mang câu chuyện đời ra kể cho cây thông nghe, mặc dầu những mẩu chuyện tâm sự với loài người thường vẫn chỉ thăm thẳm thì, sợ người thứ ba nghe sẽ mất thi vị, nhưng với cỏ cây, khi trót mọc cách xa nhau thì chỉ có thể nói lớn, xào xạc cho tất cả mọi cây cỏ khác cùng nghe. Nhân tiện tôi muốn hỏi cây thông nghĩ gì về loài người.

Cây thông trả lời: «Loài người là một giống vô tri vô giác, ích-kỷ độc-ác, một thứ đao-phủ thường nhật, không có lòng, không biết đ u xót. Tôi ngạc nhiên, hơi bực tức và xấu hổ, tôi muốn cây thông phải giải thích rõ hơn vì nếu một ngày nào tôi trở lại với loài người mà chỉ đưa mỗi một lời nhận-định đơn độc như vậy thì loài người sẽ không bằng lòng.

Cây thông đồng ý nhưng cũng bảo ngay: «Áy dấy, lúc nào cũng đòi hỏi một sự định-nghĩa rõ ràng mới chịu, không bao giờ suy tư lấy, không dùng tâm-linh để hiểu mà chỉ dùng trí óc. Đây cũng là một khuyết điểm của loài người.

Tôi hỏi thêm, sao lại kêu loài người là vô tri, vô giác, tôi thấy ngày tôi là người tôi cũng biết đau biết xúc cảm đấy chứ. Cây thông lắc đầu, tưởng như có một làn gió thổi qua nhưng trời vẫn im lặng, không khí ngưng đọng.

Theo lời cây thông thì loài người chỉ biết đau lấym ối một cái thân xác mình, da thịt mình, mà không biết đau trước một cái thân xác của người khác. Ích kỷ và độc ác thì tôi đồng ý nhưng sao lại bảo là đao phủ thường nhật. Cây thông bảo vì lúc nào loài người cũng cần phải phá hoại, tiêu diệt rồi mới làm được một việc gì.

Tôi ngờ rằng cây thông đang giận loài người vì mùa Giáng-sinh vừa qua chăng? Giận là phải vì ngược nhìn cây thông còn hai nhát búa chặt hai cành, vết thương còn trắng hếu. Bên cạnh lại có những vết sẹo của mấy năm trước. Loài người chỉ thỏa mãn khi làm cho một sinh vật khác đau đớn.

Tôi cảm thấy xấu hổ khi nghĩ rằng từ thuở bé tôi cũng học đòi thích cây thông vào dịp lễ Giáng-sinh mặc dầu mình không có đạo Thiên Chúa.

Cây thông như đoán hiểu được ý nghĩ của tôi nên đã tiếp lời rằng không phải chỉ có thế. Loài người còn tàn ác hơn, giết nhau mà không cho là gớm, đặt bày ra gươm sừng. Trong lúc đó thì cổ cây là bậc cao cả nhất trong vũ trụ đã không bao giờ tính chuyện trả thù hoặc đòi nợ.

Tôi cúi đầu suy nghĩ...

Trời sáng dần, quả như lời nhận xét của người xưa, sao Đâu lại chuyển và sao Sam xuyên ngang qua.

Tiếng dun dế càng kêu to hơn, đêm qua tôi đã nhận thấy nhưng vì còn ngỡ ngờ nên không chú ý nhiều, đêm nay mới nghe rõ. Bắt đầu từ tháng mười, dế đập cánh bay mà gieo lên âm thanh. Ngày bé tôi cứ ngỡ rằng trong cái họng nó có cái máy phóng thanh rất tinh xảo, chỉ muốn đi bắt về nghiên cứu.

Buổi sáng êm ịch, gợi hứng, tôi bỗng thèm được làm thơ, tôi sẽ viết một bài thơ đề tặng cây thông, để nói lên niềm tình cảm rào rạt của tôi trước tình bạn cao cả và không vụ lợi này.

Chợt nghĩ lại rằng tôi đã ra khỏi xứ Người rồi, tôi không có tay, tôi không có giấy, có bút, có mực, không có máy chữ. Làm sao ghi lại bài thơ.

Tôi đưa ý nghĩ đó ra than thở; cây thông vội vàng an ủi rằng ý định làm thơ đã là một bài thơ và ý định tặng đã là một món quà tặng quý báu lắm rồi.

— Bạn đã làm cho tôi bớt có những ý nghĩ xấu đối với loài người một tí.

Tôi cảm thấy kiêu hãnh, dầu sao tôi đã là người và tôi cần phải bênh vực loài người. Ngày xưa lúc tôi hồi cư về, bố tôi quan sát một thời gian rồi bảo riêng với mẹ tôi là: "Hắn đã học được những tính tốt của bên tê". Mặc dầu bố rất ghét bên tê và mất hết cơ nghiệp vì bên tê. Ngày chị tôi về, bố lại bảo: "Hắn học được những tính xấu của bên tê".

Tiếng động của một ngày bắt đầu trời dậy với ánh sáng khi loài người thức giấc. Trong bếp vọng ra tiếng soong chảo khua vang.

Quãng mười giờ sáng, tôi nghe tiếng xe hơi đỗ trước cổng, có mấy người đi vào thăm, sau khi xem báo Sự phổ biến có nhanh thật, mới hôm qua mà hôm nay người ta đã tìm đến tôi.

— Ôi chào, quả thật vườn nhà này có hoa Mai, đúng là hoa Mai vàng.

— Mua, mua, bao nhiêu cũng mua.

Giọng người Việt-Nam đồng hương của tôi đang nói với nhau. Đúng là phường lưu vong trọc phú chỉ thấy cái uy lực của đồng tiền.

Thế rồi họ vào mặc cả với chủ nhà và chỉ mấy phút sau, bà bếp theo ra, tay cầm một cái cửa nhỏ.

Người ta cưa tôi ư ? Người ta nở nào ? Sao loài người lại tàn nhẫn, lưỡi cưa răng lạnh buốt bắt đầu kẻ vào da thịt tôi. Trời ! Tôi hét lên một tiếng rồi nhắm mắt, không có gì ghê rợn bằng tiếng sắt chạm vào tiếng xương da của chúng tôi.

Tôi khóc, tôi khóc rất nhiều, nhưng cơn tằm tức thắm lặng. Cái người làm sao nghe được. Sự đau đớn của thề xác còn chịu đựng được, nhưng sự đau đớn của tinh thần thì làm sao diễn tả ? Tí nữa một cành mai, tức là một cành tôi, một phần thề xác của tôi sẽ phải theo mấy tên trọc phú này về nhà chúng để làm vui mắt cho chúng. Tô điểm cuộc đời cho chúng, còn gì ô nhục hơn ?

— Đừng khóc nữa, bạn cây Mai của tôi...

Tôi vẫn cúi đầu, giọng an ủi đầm ấm của cây đào, tiếp theo là mấy cây lê, cây mận, cây táo và cả những cây mọc ở quanh bờ dậu.

— Đó là sự quả báo của sắc đẹp.

Tôi ngược lên, lại cái giọng quen thuộc của cây thông, cây thông còn giải thích rằng không bao giờ nên đẹp trong lúc chung quanh mình xấu.

Lỗi tại bạn nở hoa trong trong mùa tuyết lạnh mà loài người vốn chuộng của lạ, của hiếm.

Tôi vẫn khóc và hối hận nghĩ đến ở quê nhà mỗi dịp Tết, bao nhiêu cây Mai đã phải khóc vì đau đớn tinh thần và thề xác. Chính hôm kia, tôi cũng đã từng ước một cành Mai cắm trong nhà cho có vẻ Tết.

Tôi không ngờ rằng vì niềm vui chốc lát của mình mà bắt một gốc cây phải hy sinh và phải đau đớn như vậy.

— Đừng khóc nữa...

Tôi ngừng khóc, ngẩng đầu chấp nhận thực tế, cây cỏ không bao giờ biết đàm luận và biết trả thù. Cây cỏ hơn loài người ở chỗ đó, tôi phải tỏ ra xứng đáng với các bạn tôi.

Tuy vậy nghĩ đến những cái nhìn trần tục, những bàn tay phàm phu sẽ va chạm vào tôi, rồi vài hôm sau người ta sẽ liệng cành Mai khô vào thùng rác, tôi nghe trong lòng đau nhói tận những tế-bào sâu xa nhất.

Hãy chấp nhận cuộc sống mới, nó là như thế đó, sẽ có những cành khác mọc ra và vạn vật không bao giờ ngừng biến chuyển. Hãy chấp nhận...

(Trích ở một truyện dài)

MINH-ĐỨC HOÀI-TRINH

Mùa Xuân hư vô

Mặt trận Q.N. trở nên sôi động trong mấy ngày qua. Đó là điều chập chờn mãi trong đầu lão Lang, nhưng lão vẫn im lặng. Trời mưa thật nhẹ, những hạt mưa bụi tưởng không làm ướt áo người đi đường, lại làm se da thệt lão. Sân cỏ xanh mượt trước mặt, những lá cỏ dài vươn cao cử động dịu dàng trong gió. Mùa xuân khí trời như thế này thì phải lắm. Nhưng lão Lang vẫn cảm thấy ái ngại khi nhìn những chiếc trục thẳng tản thương lên xuống vun vút ở cuối sân cỏ. Với những người bị thương thì mùa này lại làm họ phải chịu đựng thêm một lần đau đớn. Điều mà mỗi khi lão Long nghĩ tới, thường kèm theo nhiều tiếng suýt xoa. Tiếng trục thẳng nổ lụp bụp trên cao, tiếng máy nghe thật buồn. Mấy ngày nay âm thanh đó như thường trực trong không gian nhỏ bé này. Mặt trận Q.N. vẫn còn tiếp diễn, người ta đang giành nhau từng ngọn đồi, và nghe đâu có nhiều thương binh bị kẹt dưới hỏa lực địch, chưa kéo về được. Lão Lang xoa hai bàn tay vào nhau đứng dậy, khi nghe tiếng chân của thằng Kiên chột mắt đi ăn cơm trưa về. Thằng Kiên phủi chân trên bậc cửa.

— Có lẽ nội chiều nay người ta sẽ chớ đi mấy quan bác à. Tôi thấy thân

nhân họ ngồi thật đông trên phòng Tâm lý chiến.

Lão Lang loay hoay ở một góc nhà. Một lát, lão kéo ra chai rượu trắng chỉ còn một phần ba lít. Lão đưa chai rượu lên tầm mắt, nheo nheo nhìn.

— Họ chớ đi mấy quan có thắm gì. Tao nghe trận này đánh ác quá. Có thể chết tới cả trăm.

Thằng Kiên xé bao hương, thò thò nắm hương trên lòng bàn tay cho bằng nhau, rồi ghé vào ngọn nến cắm trên nắp chiếc quan tài đốt. Mùi hương tỏa ra ngào ngạt cả căn phòng, nhưng cả lão Lang và thằng Kiên không để ý tới. Bụi mưa lọt qua mấy chấn song sắt trên cuối bức tường bay xuống làm ẩm mấy tờ giấy điều nằm ngổn ngang trên nền xi măng. Lão Lang đi về phía chiếc tủ lạnh khổng lồ có nhiều ngăn dùng để ướp xác. Mỗi ngăn dài sâu vào trong như một cái hộc bàn có quai cầm. Lão lom khom lưng nhìn vào tấm phiếu bằng giấy dày cột sẵn ở mỗi ngăn. Lão xem hết một lượt, rồi quay lại nói với Kiên.

— Có lẽ chiều nay thân nhân họ không tới thì mình liệm. Mày nhớ mua thêm ít rượu trắng nữa đi. Đêm qua có mấy xác tao vẫn hoài mà suýt không

bỏ vào quan được đó. Chúng bắn loại súng gì mà chết lạ quá.

Tiếng trực thăng lại nổ lụp bụp trên nóc nhà xác. Những chiếc xe hồng thập tự chạy nhanh ra sân bay. Lão Lang không buồn nhìn theo. Trời lạnh làm lão luôn miệng hít hà. Thăng Kiên nhìn cái ảnh trên bàn thờ đặt trước chiếc quan tài có phủ lá cờ mới. Tấm ảnh thật trẻ, chụp lúc còn là sinh viên sĩ quan. Chiếc mũ cát kết với vành lưỡi trai che ngang chân mày, chiếc cà vạt đen phần đuôi được nhét vào ngực áo, cặp an pha làm đôi vai thật ngang. Hình như sĩ quan nào cũng có hình chụp lúc làm sinh viên sĩ quan cả. Những tấm ảnh đó như một sự trùng hợp, thường được người ta chọn lồng vào khung kính đặt ở bàn thờ. Nhìn mãi rồi quen mắt. Mấy ngày trước có một chuẩn úy tử trận được đưa về đây. Người mẹ có mặt ngay vào buổi chiều, bà khóc thét lên, hai bàn tay đập xuống nền nhà. Nhưng đến tối thì bà hết nước mắt. Kiên nhìn bà ngồi ủ rũ bên quan tài con. Mái tóc rũ trên đôi vai áo trắng. Bà bắt đầu kể về những ngày còn sống của con, về người vợ sắp làm lễ cưới. .. Bấy giờ lão Lang ngồi rót rượu rum ra chiếc ly nhỏ xiu trên tay ực từng ngụm, còn Kiên thì nhìn ngọn đèn chớp đỏ trên đài quan sát bên phi trường. Ngay hôm sau, đứa em trai người chuẩn úy tử trận cầm tờ báo, cùng một thiếu nữ mặc robe trắng đi vào. Đứa con trai ngồi xuống cạnh quan tài anh, chỉ cho mẹ xem ở trong cáo phó. Người đàn bà nhìn, đôi mắt chớp chớp, rồi bật khóc nức nở khi thấy thiếu nữ đang cúi đầu chào mình. Bà dầy vò khuôn mặt trong hai bàn tay khô nám. Đứa con trai bỏ ra

ngoài hiên. Thiếu nữ đứng yên, lặng lẽ chảy nước mắt. Lúc đó Kiên định ra ngoài ăn cơm trưa, nhưng hẳn dừng lại. Nước mưa loang ra một góc nhà. Hẳn nhìn vũng nước sóng sánh bùn loang đến chân thiếu nữ. Đôi giày cao gót dính đầy đất. Kiên ngại ngừng nhìn cặp chân trắng nõn, những sợi lông chân dài mịn mơn. Thiếu nữ im lặng chặm nước mắt. Nàng còn trẻ quá — Kiên nghĩ thầm rồi bước qua sân cỏ. Lão Lang ngồi dựa lưng vào tường, hai cánh tay tì gối ung dung vẫn thuốc hút. Bầu trời hừng nắng nhưng những bụi mưa vẫn còn lất phất nom thấy rõ. Đám lính trực bỏ chỗ ngồi ở dưới tầng cây cạnh sân trực thăng, tản mác vào các phòng. Tiếng các loại xe gắn máy nổ lộp bộp chạy vút qua báo hiệu giờ làm việc. Lão Lang không có giờ làm việc, nhưng cái giờ giãc chung của mọi người thường cũng ảnh hưởng đến lão. Lão cảm nghe được sự nghỉ ngơi hờ của mình qua từng hơi thuốc, từng ngụm rượu nhỏ giữa đám xác chết được kéo fermature cẩn thận trong các túi ni lông. Gió thổi bay những tàn hương xuống mặt bàn. Lão đứng dậy, nhìn qua các chiếc quan tài sắp thành hàng một lượt, rồi đưa tay lần trong túi áo tìm hộp quẹt. Lão thắp lại những ngọn bạch lập đã tắt, gắn lại vài ngọn mới. Lão khom lưng kê mặt sát bàn thờ thổi bụi, những tàn hương rơi nhẹ xuống nền nhà âm ứt.

Thăng Kiên từ trên phòng Tâm lý chiến đi xuống, bước chân hẳn dẫm trên đất nhào kêu lép lép. Hẳn nhìn lão Lang, rồi nhìn vào các ngăn tủ ướp xác.

— Chắc không còn chỗ nào, bác?

Lão Lang đứng sửa lại một vài thứ

trên bàn thờ, đưa tay nạy những khoang bạch lạp chảy thành vũng trên nắp áo quan

— Hết rồi. Tình trạng này không còn ở đó mà ở ở thân nhân họ được nữa. Chều nay phải lệm cho xong mấy túi ni lông đó. Hình như đã có mùi rồi. Tao mong trời đừng nắng lên...

Thằng Kiên nhìn ra bãi cỏ xanh mướt.

— Tui nghe chiều ni còn về nữa đó. Họ còn đang đánh nhau mà. À, chuẩn úy Xuân đem chai rượu xuống bác chưa? Chuẩn úy nói đề thưởng bác...

Lão Lang cảm râm;

— Chưa. Có rượu uống cho át bớt mùi cũng đỡ. Mà sao ông không trình xin thêm người làm nôi. Không lẽ chỉ có tao với mày.

Tiếng trực thăng đột ngột vang lên, rồi cả đám cỏ sát sân bay bị thổi rạp xuống. Những xe hồng thập tự chạy vụt ra. Kiên đưa mắt nhìn theo. Hắn không thấy những chiếc cáng được khiêng xuống, mà chỉ thấy người ta đang chuyền những túi ni-lông lớn. Mấy người lính chạy tới chạy lui dưới cánh trực thăng thỉnh thoảng ngừng lại nhìn nhau lắc đầu lia lịa. Lão Lang khom lưng sắp những chai rượu trắng ở góc phòng. Những cây vải quỳn trắng toát cũng được dựng đầy một góc đối diện. Kiên quay vào thờ dài.

— Làm sao đây bác? Trực thăng đang đem xác về nữa đó. Hòm chắc chắn không lấy kịp rồi.

Tiếng lão Lang bên mấy chiếc quan tài vọng qua.

— Mày khỏi lo, cứ bó xác bằng vải đề đó...

(Hột lão im lặng. Tiếng một người đàn bà đang khóc nức trước sân cỏ. Thằng Kiên bước ra đứng ở hiên nhìn. Người đàn bà đang vung vẩy trong tay một thanh niên trẻ: «Hãy cho tôi thấy mặt chồng tôi». Thanh niên nói gì bên tai người đàn bà. Đôi mắt y cũng đỏ hoe. Người đàn bà khóc tức tưởi: «Các ông đừng có dối tôi, tội nghiệp lắm. Xác chồng tôi có về tới đây không? Anh ơi, các con đang đợi anh ở nhà...» Thằng Kiên nhăn mặt. Hắn ghét nghe những lời khóc kể lẽ như vậy. Những âm thanh quen thuộc đến nhàm chán mà hắn phải nghe mỗi ngày, chẳng hiểu sao vẫn làm lòng hắn xao xuyến đến không chịu nổi. Hắn nói với người lính đang canh chừng mấy bao xác.

— Cho bà lại nhìn mặt chồng đi mày? người lính quay lại sừng sộ.

— Xúi ầu nghe mày. Ông còn mặt mũi đâu mà bảo cho nhìn với không?

Người đàn bà hoảng thối Kên và người lính như đang nói chuyện gì liên quan đến mình, lại khóc to thêm, mong tiếng khóc đó như một trợ lực có thể thúc đẩy hai người quyết định giúp bà toại nguyện. Người lính hiểu ý, nói như quát. «Bà đừng khóc nữa nghe khổ lắm. Tô đã báo cho bà biết chồng bà đây rồi» người lính lại cúi xuống bên bao xác, lật cái étiquette đọc lớn một lần nữa. «Đây nè, Hạ sĩ nhất Nguyễn Văn Đ, số quân, đại đội...» Người đàn bà vùng thoát khỏi tay thanh niên, nhào tới bên bao xác. «Trời ơi, số quân là chi tôi đâu biết. Cho tôi nhìn mặt chồng tôi một tí thôi mà». Người đàn bà bỗng ngừng khóc, nói bằng giọng thật tỉnh táo, nhưng không che hết nỗi hốt hải, với

người lính. « Tôi anh, anh lật mặt cho tôi thấy một giây thôi mà ». Người lính lúng túng không biết phải làm gì. Thằng Kiên bước ra đỡ người đàn bà dậy. « Thôi bà à, bà hiểu cho tại sao chúng tôi không giúp bà được... chúng tôi cũng khổ lắm! » Tiếng một vài người xì xào chung quanh. Người đàn bà chợt hiểu ra, khóc nức nở, hai bàn tay đập bành bạch xuống sân lấm bùn đỏ.

Bây giờ không khí quanh nhà xác đã sôi động rõ. Thân nhân các tử sĩ đang kéo đến ngồi đứng la liệt một phía sân cỏ. Tiếng máy xe Hồng thập tự nổ đều ở đầu sân đang chờ bỏ xác xuống. Thằng Kiên đi vào phòng lão Lang, thấy lão đang khó nhọc kéo một xác ra khỏi bao ni lông. Tiếng lão đều đặn :

— Mỗi người đến tìm xác chỉ khóc một lần, chỉ khổ cho tao phải nghe đến mãn đời. Người này bị một viên ở ngực đấy. Chết trận mạc như thế này thì cũng phước lắm. Kiên à, phải làm ngay cho xong mấy cái xác còn lại hôm qua. Mà chịu khó ăn cơm tối một chút cũng được. Hôm qua còn mấy nhí?

— Bón, bác á.

Kiên trả lời, hai tay cuốn tròn túi ni-lông ném vào một góc. Lão Lang đặt xác chết lên bàn đá, gọi thằng Kiên cầm chai rượu đổ vào hai bàn tay chụm lại của lão. Lão nắn cho cái xác nằm ngay ngắn. Thằng Kiên đưa bàn tay vuốt cần thận cặp mắt đã lạnh cứng, chợt nghĩ tới trận đánh mà hẳn từng tham dự cách đây mấy năm. Hồi đó đâu đánh lớn như bây giờ. Thế mà hẳn vẫn bị thương, bị mù một mắt, rồi được ra hội đồng miền địch. Kiên nhớ những đứa bạn từng chia nhau

nửa liều thuốc, từng dựa lưng vào nhau những đêm ngồi kích ngoài đồng. Có thể trong đám bạn đó, bây giờ có đứa không còn nữa. Chết dễ quá mà. Kiên nhìn xuống lỗ đạn tròn vo đen thẫm trên ngực cái xác, thở dài. Lão Lang đang lấy vải quấn quanh xác chết, bó lại như một hình người bằng thạch cao; xong cùng thằng Kiên khiêng xuống đặt cạnh những cái xác đã liệm rồi. Lão Lang làm việc không vội vã. Mấy lít rượu trắng đã voi gần hết. Tiếng trực thăng vù vù rồi nổ lụp bụp trên mái nhà, tiếng xe hồng thập tự thảng rít trước sân cỏ, cùng tiếng người lao xao sụt sùi nước mắt vọng tới tai lão.

Kiên và một người lính mang vào một bao ni lông mềm nhũn nhưng có vẻ nặng ký. Lão Lang chăm chú nhìn theo những nếp nhăn trên trán lão hiện rõ rệt. Lão nói với Kiên và người lính, giọng trầm xuống.

— Đẻ đó cho tôi làm một mình cũng được các anh ra ngoài, giúp đưa mấy xác còn ngoài trời vào trong...

Kiên hiểu ý lão, kéo người lính đi ra. Lão Lang thường muốn một mình liệm những xác không toàn thây. Lão tránh để người khác thấy nỗi xúc động của mình. Nhiều lúc đứng trước những hình ảnh quá thể thảm của đời người, lão đâm ao ước được chết ngay tức khắc, để cảm thấy tâm hồn không đau đớn quá nỗi đau đớn về những xác chết mà lão phải chịu đựng hàng ngày.

Kiên ra đứng trước sân cỏ. Bụi mưa bay bay thật nhẹ trong không gian. Hẳn nhìn vẫn vơ những bao đựng xác nằm ngổn ngang dưới hiên nghĩ đến những ngày Tết êm đềm đã qua, cùng những

người bấy giờ không nghĩ tới mình đang hưởng một mùa Xuân cuối cùng. Kiên cảm thấy nỗi hư vô thấp thoáng trong từng bụi mưa, mỗi lá cỏ, cả mùa Xuân. Những bữa cơm trưa khô khan như rơm rạ. Nỗi u buồn như muốn thay hết ý nghĩa của cảnh vật. Làm sao để sống được phần đời còn lại của những kẻ đang nằm bất động trong các túi ni lông đó? Kiên quay đầu vào đứng ngắm một chiếc quan tài. Hắn rút nắm hương thỏ thỏ trên lòng bàn tay, rồi châm vào ngọn bạch lạp.

Chuần úy Xuân từ phòng Tâm lý chiến đi xuống. Anh ngừng lại trước hiên cõi áo mưa. Cốc chai rượu rum lòi ra giữa hai hạt nút áo. Anh đứng nghiêm

chào mấy cái quan tài, rồi bước ra phòng lão Lang. Kiên-chột-mắt phủ hai tay vào nhau, bước theo sau. Gió lạnh làm hắn cảm thấy se se ở gáy.

Đến khung cửa, người sĩ quan ngừng lại. Anh im lặng nhìn lão Lang đang ngồi ngã lưng vào tường, hai mắt nhắm nghiền. Chung quanh lão, những xác chết vừa liệm xong, bó gọn gàng bằng vải trắng như những pho tượng thạch cao. Kiên đưa tay cầm cổ chai rượu trong áo chuẩn úy Xuân rút ra, đặt nhẹ nhàng xuống cạnh lão Lang. Lúc đó Kiên không nghĩ gì. Còn người sĩ quan thì có vẻ buồn ngủ.

LỮ QUỲNH

Tăng cường sinh lực bằng

CETONIC

VITAMINE C 250mg

433-YT DP.D.

Uống rượu một mình

Thơ Ý - YÊN

.
hồi những bạn ồn-ào ngày nào
bây giờ đâu hết
chiếc ghế chông chơ còn đây
mép chiếu lệch xô thực-tại
tiếng nói của ta vẫn-vũ trong tim
không thể thành lời để mà chúc-tụng
dò tìm một phương-giác đúng
hàm mỡ của đời chức-tước quang-vinh
miệng lưỡi đồng-đưa nước bọt làm tình
hồi bạn đối ẩm ngày nào
rời đi đâu hết
ta ngồi cô-đơn thổi vào chai rỗng
âm vang cực hình
.
ơi ta ngồi uống một mình
thân làm pho tượng
mong hiểu thế nào là lý-tưởng
xưa người bằng-hữu uống máu ăn thề
nay người bạn đường rời chiếu ra đi
sang bàn tiệc khác
có ly trong hơn, rượu luôn đầy bình
có lời cao hơn lời qua đời chác
đất nước gồm trong một chiếc khăn bàn
tâm mắt lưng-chình cửa sổ
ù ở thiên-hạ sự
đồng-hóa cơn say với chí ngang-tàng !
.
nên ta ngồi lại một mình
uống những giọt mồ-hôi đời ta
hòa trong ly đắng
để thấy vừng trán ta, ngày tháng
cùng những lông lay
gầy khô như thực - tại

BƯỚC NGỰA

Thơ TRẦN HUIỀN AN

xin cứ đợi — một ngày mai ngày một
tôi sẽ về bằng bước ngựa ngày xưa
đường che lá buổi trưa vàng nắng dốt
gió lay cành đóm sáng cũng đông đưa

ở dưới đó rừng Thân Ung thăm thẳm
cây xanh dày xương máu những năm qua
nhớ thì nhớ — nhưng buồn đau đã lắm
hãy gạt lòng nghe thoáng tiếng ve xa

thôi nhật gót đề đi vào tiết ấm
cổ trên Gò Đa Vắn giục chân bon
mồ ai đó bỗng lạc loài mấy năm
mừng băng quơ dấu tích vẫn đang còn

gò cương chậm lội qua dòng Sỏi Gối
nước xao dù đám bướm chập chờn bay
qua dấu ngựa cánh vàng chen kín lối
miền thì vui đâu một khoảnh nơi này

từng nhịp thở ngựa lên triền Đốc Đò
bờ đá son phơi trái nếp gan lì
mười tuổi ngọc ngàng lời chim đại ngỏ
chợt nghẹn ngào người vĩnh viễn ra đi

Và dừng lại bờ Vực Dang Vực Dứa
xác chàm rơi trông bóng cá ngập ngừng
đêm thấp đước lạc xa vùng đất hứa
nên chút lòng hoa núi xuống rưng rưng

xin cứ đợi — dù không còn chi nữa
tôi sẽ về tìm lại dấu quê hương
lấy cổ tích băng khuâng từng bước ngựa
nguyên yêu thương từ chút bụi ven đường

(cho Nguyệt-Hoàng-Giang
trong một ngày về mai sau) 1.1970)

Đầu năm cho tình yêu

Thơ HOÀNG LỘC

mùa xuân đã bắt đầu rồi em hỏi
còn bao nhiêu đồng mà may áo mới
còn hạnh phúc nào cho vui mắt em
anh hăm mấy năm làm kẻ đi tìm
hai mươi mấy năm tuyết mù nắng gió
hy vọng bao nhiêu cũng đành lãng quên

mùa xuân đã bắt đầu rồi đó em
hoa bao nhiêu cành ổi bao nhiêu quả
em hãy sắp lên bàn thờ thắp tạ
cuộc đời bỏ qua cho hai đứa mình
(cuộc đời dâu ngờ hai đứa lên đèn)

anh còn trái tim còn màu da vàng
em còn tình yêu với bờ tóc chết
chúng ta cứ sống nhau trong ngày tháng hời
chia cho nhau từng nhịp thở trần ai
em gái chiến tranh mắt ngó u hoài
anh trai chiến tranh tay cầm thô bạo
thôi hãy bắt đầu năm mới đi em

mùa xuân đã về chung quanh chúng ta
áo có sờn vai vẫn cười thật ngọt
chim có chưa về thì em cứ hát
hát bài thơ anh viết giữa trời sầu
hãy hát như em chẳng hát bao giờ
như thuở làm người chúng ta chưa tới

xin hãy đi vào năm mới nghe em...

Chút tình thân ái

Thơ TRẦN HOÀI THƯ

khi trở về tìm vài thằng bạn cũ
chiều lê la trên hè phố quê người
tự bảo lòng mình chưa được ba mươi
sao một chút chạnh buồn trên đôi mắt
bè bạn cũ cũng tay vâng khói thuốc
người thân yêu thì cũng đã mù khơi
dù dối lòng trong khi nói khi cười
khi uống rượu khi đập bàn đập ghế
dù phải ngheu ngao như thả g thất chí
dù ngao đời khi đề tóc đề râu
mang hoa mai đem bán đề tiêu sầu
mang súng ống đề tập tành nổi nhớ
dù đôi lúc muốn cạo đầu xuống tóc
đeo đầu lâu về thành phố diễn binh
cười nghênh ngang như một kẻ ngang tàng
trăm con gái nhà lành làm thê thiếp
dù đôi lúc coi trò đùa cuộc chiến
đời thanh niên tập chết chóc mà chơi
đời thanh niên không má phấn làn môi
mai gục ngã biết ai người tri-kỷ

xin thằng lính chuyển thêm phần xi để
đêm giao thừa nhìn đêm tối ngoài kia.
buổi co-hàn trăm họ phải chia ly
tao nâng chén mừng bọn mình còn sống
lũ chúng ta như loài sâu bé bỏng
một giờ vui xin cố giữ trăm năm

TÌNH QUÊ

Thơ HOÀNG-NGỌC-CHAU

nhớ về dòng Ô-LÁU
về KÊ-MÔN yêu dấu

Ơi sông, bây giờ có còn xanh
Ngày xa chim én lượn thanh bình
Thuyền ai một bóng về xuôi đó
Cho kẻ ly hương gửi chút tình

Tám năm xa biệt bến Ô Lâu
Thương nhớ người đi tóc bạc màu
Mẹ có chiều hôm ra giặt áo
Bến đò còn hịu hắt mưa ngâu

Từ thuở bạo tàn như nước lũ
Người đi chim nhỏ giữa mù tăm
Nhớ ơi là nhớ dòng sông cũ
Mẹ già em dại cũng đành cam

Con đường xa ngải những hương lan
Buổi sáng chim khuyen hót rộn ràng
Bướm trắng đùa ngâu tình cỏ dại
Ơi o thiếu nữ có mang mang

Bên bờ lau trắng ai phơi áo
Có nắng vàng thơm lúa tháng hai
Gió cũng reo vang chiều đồng nội
Trời quê hạnh phúc đẹp hôm mai

Bên vườn rau xanh, có mẹ già
Lưng còng, áo bạc, tóc sương pha
Tay nâng bẹ cải tay vun đất
Đất tỏa hương vàng lòng nở hoa

Tám năm rồi nhỉ, người chưa về
Nhớ lắm trời xưa ơi bóng tre
Rượu nhấp tàn canh lòng vẫn lạnh
Phương nào mát rượi những hương quê

(Báo, mùng 1 tháng Giêng năm Canh-Tuất)

THỰC SỰ HÔM NAY

« Truyện » của Phạm - Công - Thiện

Truyện có nghĩa là gì ? P.C.T.

1

Thực sự hôm nay tôi không còn muốn sống nữa. Tôi cũng không còn muốn tự tử. Tôi cũng không sợ chết. Đôi lúc cũng sợ chết, đôi lúc thôi. Cái chết đối với tôi như chiếc xích lô máy. Nhiều lúc ngồi xích lô máy, tôi tự hỏi: tại sao nó không lúi vào xe nhà binh cho rồi; nhưng lại có nhiều lúc khác, ngồi thú: chân trong chiếc xích lô máy, nhìn lên một chút trời nắng, tôi thấy rằng sống lờ phờ cũng vui và dễ như đèn đỏ tắt thì đèn xanh chạy lên. Đỏ và xanh, sống và chết, vui và buồn, yêu và ghét, tôi bỗng thấy ghét mấy chữ *và* này. *Và thế rồi* một buổi chiều, tôi thấy yêu chữ *và* này. *Và thế rồi*, ba chữ này, ba tiếng này, tôi nghĩ rằng không thể tìm được một loạt chữ nào ở thế giới khả dĩ gọi lại tất cả lũ mù hiện lên trong đó. *Và thế rồi*, không có quyền sách nào ở thế giới mà không lệ thuộc vào điều cái lương: « *và thế rồi...* », thế mà không có ngôn ngữ nào ở thế giới có được âm thanh leo xuống và kéo dài ra như một cuộn âm thanh bắc thang qua một con sông chảy ngược. *Âm thanh bắc thang*, tôi muốn viết một cuốn tiểu thuyết lãng mạn

như thành phố Đà Lạt, mang nhan đề là « Âm thanh bắc thang ». Ngày nhỏ, mỗi lúc em tôi làm lỗi, tôi bênh vực nó và mẹ tôi hay nói: « *Mày đừng bắc thang cho nó leo* ». Thuở đó, tôi hay giựt mình và lấy làm lạ: « Tại sao không có thi sĩ nào dùng kiểu nói *bắc thang* để bênh vực cho mùa hạ? ». Tôi ghét mùa hạ và thích viết một quyển tiểu thuyết thực lạnh, không phải *lạnh* hiểu theo nghĩa bóng mà lại là thứ lạnh thực đen, lạnh vô cùng lạnh. Tôi lại thích viết một quyển tiểu thuyết mà nhân vật chính trong đó hay thích dùng mấy chữ « *vô cùng* ». Thí dụ bây giờ trưa và trời lại tối vì sắp mưa, nhân vật chính ấy đi vô đi ra trong nhà và nói lí nhí trong đầu: « *Đời sống sao khó hiểu vô cùng*, nhưng mình phải chịu đựng, dù sự chịu đựng ấy quả là *vô cùng*. Ngày mai, tôi sẽ bắt đầu lại, yêu mọi sự, ông sẽ chết, tôi và ông sẽ chết, tôi buồn *vô cùng* ».

— Tại sao hồi nhỏ ông hay giựt mình?

— Khoan, khoan đã, ông hãy để nó giựt mình, để tôi kể tiếp...

— Hãy kể tiếp, chậm rãi, hãy kể một cách bình thản.

— Tôi nói đến đâu rồi ?

— Vô cùng...

A, mà ông biết xích lô máy là cái gì không ?

— Ở Nữ ưóc không có loại xe này, nhưng ông hãy kể tiếp về nhân vật yêu thích dùng mấy chữ «vô cùng»...

— Ở xứ tôi có xích lô đạp, rồi đến xích lô máy...

— Thôi, đúng giờ rồi, ngày mai, ông trở lại đây như thường lệ.

Tôi xô cửa, cửa nặng quá, xô muốn té nhào. Chuyển xe lửa chiều chạy bằng qua trên đầu tôi, tôi bước xuống hầm xe lửa, mua một đồng xu nhỏ bỏ vào máy, đi vào hầm đợi, đi tờ tới chỗ báo của ông Mỹ bụng phệ, mặc áo ca-rô x nh đỏ, đeo kính trắng. Tôi dở tờ *Playboy* ra đọc mục lục, thấy bài phỏng vấn mục sư Martin Luther King và ngó sơ qua những hình ảnh mờ mờ mịt. Đại khái cũng thể thôi, mỗi khi tôi tự bắt chọt mình đang làm chuyện cấm thì tôi liền đọc thoại nội tâm: «Đại khái thì cũng thể thôi». Thực ra, *Playboy* cũng chẳng có gì đáng gọi là chuyện cấm, nhưng đứng chờ xe lửa, bên cạnh ông Mỹ bụng phệ hút xì gà và chờ tôi trả tiền (vừa hút xì gà vừa chờ lấy tiền báo) thì tôi lại đồng hóa sự chờ lấy tiền của ông ta với chuyện chờ xe lửa của tôi; đứng lơ lờ ngó hình màu và bắt buộc người ta phải chờ mình như chờ xe lửa thì đó cũng là một thứ chuyện cấm đối với ý thức gương mẫu của một người «tự trọng». Xe lửa rời tới, tôi nhảy ngay vào cửa bên, ngồi ngay hướng thuận đi tới (ngồi nghịch hướng, chóng

mặt chút ít). Hai người da đen đang đùa giỡn với nhau, anh lùn nhón người lên thọc thọc vào nách anh cao và nói một tràng bi bô, rồi cả hai cười ồm lên như khi (khi có cười không? Khi thường nghe rằng. Hồi nhỏ đi sở thú, tôi hay lấy đá vụn liệng vào hạ bộ của mấy con khi và chúng nghe rằng khè khè như ông kẹo. Từ đó, tôi bỗng thấy rằng tất cả thi sĩ đều giống khi Nguyễn Du là một con khi, một loại khi trắng, ngồi buồn trước thu phong). Tôi ngó chung quanh tôi, những người ngồi trong xe lửa đều giống khi hết, nhưng một loài khi không có đuôi và làm bằng sáp cứng; Khi bằng sáp mà cũng biết đi, biết đứng, biết nói và biết cười. Tôi cũng là một con khi, tệ hơn là khi nữa, vì tôi không biết cười, không biết nghe rằng; ngồi trong chiếc xe lửa chạy giữa thành phố Nữ ưóc mà tôi nhảy liệng từ nước này qua nước khác, từ S i Gòn qua Hồng-Kong, từ Bangkok qua Calcutta, từ Lhasa qua Téhéran, từ Cà Mau qua Mexico, từ lúc ba tuổi cho đến lúc hai mươi tuổi, từ lúc mười cho đến lúc hai tuổi, từ mười sáu tuổi cho đến lúc tám mươi tuổi: tôi tưởng tượng mình là con voi già chống gậy đi lùm khùm trên những chiếc lá vàng, trông thơ mộng và mắt dạy như chuyện cổ tích trẻ con. Tôi bước xuống xe lửa và leo lên bậc thang đá dẫn ra đường thứ mười bốn, tôi thả bộ đi xuống xem Greenwich Village. Vừa bước đi vừa tìm một hiệu sách chịu mua sách cũ, trong tay tôi có cả một túi nylon, đựng năm quyển sách đóng bìa dày, vì hiệu sách chỉ chịu mua sách đóng bìa dày, bìa cứng thực mới. Một cuốn nói về sự thông minh của loài khi

đốt, một cuốn *Kinh Dịch* được dịch ra chữ Anh hai cuốn của Saroyan và một cuốn về thần học của Thomas D' Aquin (lúc ấy tôi có ghi học mấy giờ về thần học thời Trung cổ ở trường đại học Columbia, một trường mà tôi ghét đến độ muốn ăn trường chai luôn), tôi mới vừa mua năm cuốn ấy vào tối đêm qua, tiêu hết năm mươi dollars cuối cùng, sáng nay lại thêm uống cà phê và lại đói vào lúc trưa và lại không muốn chia tay mượn tiền bạn bè nữa, tôi liền nghĩ ngay việc thủ tiêu năm quyển sách này với giá thật rẻ. Hiệu sách chịu mua sách cũ, trả tôi mười dollars để đổi lấy năm quyển sách mới (năm quyển mà tôi chỉ dờ đọc sơ một quyển của Thomas d'Aquin và phải nằm ngáp năm lần, rồi ngủ quách với một bầy chữ La tinh vo ve trong tiềm thức). Văn minh ngàn năm của nhân loại bây giờ thực rẻ: chỉ việc vứt bỏ đi thì được mười Mỹ Kim. Với mười Mỹ Kim này, tôi được hai bao thuốc Pall mall đỏ, hai buổi cơm sinh viên nghèo, ba bốn tách cà phê suốt đêm ở quán Geenjon (hay Geenjohn, tôi không nhớ rõ tên, có những tên đáng nhớ hơn như: Brooklyn, Jamaica, Uteriang, nhưng ngược lại khó nhớ rõ: *I ging* hay *I king* hay *I jing* hay là *Y ching*?)

Khi tôi bước vào quán cà phê Geenjon thì trời đổ mưa, đường bên ngoài ướt hết. Người đàn ông và người đàn bà ôm nhau hôn ngay lối đi còn sót lại trong quán cà phê. Tất cả bàn đều đầy ứ người. Mùi thuốc lá ngầy ngầy bay xà vào mũi, có khác gì mùi giấy cũ pha một chút nước mưa trộn lẫn với mùa nóng có người phát thư ban đêm đi qua nhà với tay cầm đuốc đang khi người ta đốt vải rách liệm ra ngoài sân để đuổi tiếng ó ma lai kêu vọng lại

từ bên kia rừng cây, bên kia đồi đá? Đà Lạt đang hiện ra giữa quán cà phê đông người vào một buổi chiều mưa Nửu Ước. Tôi đã làm gì cho đời tôi? Một chút nước mưa, một chút nước biển, một chút đá, một chút ham muốn, một chút đói bụng, đói, đói, đói, đói đủ thứ. Đói cả sự chết, đói cả sự đói, đói óc, đói tim, đói hai ngón tay cái, đói mười ngón tay (quên cắt móng, dính đất đen thui, dơ một cách dễ chịu đựng vô cùng).

— Tại sao không dọn cơm ăn đi, đói quá rồi.

— Chờ một chút xiu thôi.

— Chiều nay ăn cơm với xu lộc?

— Có đậu nữa, giàn đậu chim bay về phá quá.

— Tối chạng vạng heo rừng đã về phá rau cải lung tung.

— Mày sợ ma không?

— Ma lai hả?

— Ma, ma rừng, ma núi ma trường, ma bờ, ma bụi.

— Đèn cây còn hết, nhớ nhắc mai ra chợ mua thêm một hộp đèn cây nữa, mua thứ đèn cây lớn đó.

— Ừ mày nhớ nhắc má mua đèn dầu lửa cho tao, tao cần thức đêm để viết bi lãng báo kiểm tiền tháng tới.

— Mày có mua rồi, để ở đầu tủ sau giòng anh đi.

— Hết qua tao thấy ma hiện về, nó ngồi ngay cửa lớn, ca hát giọng gì lẽ lẽ như con gà bị bóp cổ. Con ma nó nói nó đói quá, nó đòi ăn đèn cầy trắng..

Tôi chỉ là một con ma đói ở giữa thành phố lớn nhất ở thế giới. Quán

cà phê này là nơi tôi lai vãng để tìm lại một chút khí dương giữa cõi chết. Đalat và Nữ Uớc, Đalat gần gũi tôi hơn đang lúc bước vào quán cà phê ở Nữ Uớc này. Tôi cần một chút Đalat để sống, xin cho tôi một chút Đalat, chỉ một chút, một chút thôi. Trời Nữ Uớc trở lạnh, tôi cuộn khăn ni quanh cổ, đốt một điếu thuốc, ngồi giữa sự bình an của một mớ hình ảnh trong đầu. Một ngôi nhà to lớn, cũ, đầy rêu, nhện, chim và bồ câu, trước nhà có một hàng cây xưa cao vút và già như mấy cây thông

rừng, ngôi nhà nằm trên một ngọn đồi ở ngoại ô Đalat, trên đường đi về Dran. Một con bò nhai cỏ trước nhà, trên cao là một đám mây. Tôi không còn nhớ mây màu gì? Mây ở Đalat có màu khác hẳn tất cả màu mây ở nơi khác. Màu trắng? Không, một màu nào đó không có trong đôi mắt của người tình. Có lẽ là một màu nào đó trong đôi mắt của người nhìn nước chảy, nước chảy trên cổ trắng thon thon của một người đàn bà vừa cắt tóc thật ngắn để trá hình trong một sự đổi thay của Định mệnh.

2

Tôi làm gì để sống bây giờ? Tôi không đòi hỏi gì hết. Tôi chỉ cần ăn hai bữa hay một bữa trưa cũng được, tôi cần một gian phòng nhỏ, một cái bàn viết, một cây viết và một xấp giấy trắng. Thỉnh thoảng cũng cần một chút trời mưa, mưa dai và dài cả đêm cả ngày, rồi lại nhiều ngày cũng cần có một vài chiếc lá xanh trong ly nước để trước mặt, không có lá xanh thì có cỏ xanh dài cũng được. Chỉ cần một chùm cỏ xanh để trong ly nước đựng nơi bàn viết là tôi đủ sinh tố để sống một trăm ngày trọn vẹn. Còn hoa? Tôi không dám đòi hỏi nhiều. Có hoa trong ly nước thì cũng đẹp, nhưng đẹp hơn vẫn là cỏ, cỏ héo cũng được vì cỏ héo thì cũng là cỏ, một thứ cỏ mận mà như đất già. Hoa héo không còn là hoa nữa, giống như đàn bà viết văn thì không còn là con gà ở rừng lúa nữa mà lại trở thành gà được nuôi bằng những thực phẩm hóa học nhập cảng từ Hiệp Chúng Quốc. Hoa héo là hoa héo, chấm một chấm xuống hàng.

Tôi đã hút đến điếu thuốc thứ mấy rồi? Năm nay là năm gì, năm của Thiên Đàng hay năm của Hỏa Ngục? Không bao giờ tôi sống bình thường được, có nhiều lúc sao thấy thì giờ kéo dài ra như một người đàn ông cao gầy hai thước và nằm dài trên cái giường một thước rưỡi — để hai chân lông lá thò thò dư dư ra. Có đôi lúc thì giờ giống như cây bút chì, chước hoai mà vẫn mòn đi, vì than mềm như bún, bết trên giấy trơn tru như xe lửa chạy trên đồng bằng. Tôi cứ tự dạy: hãy bò thực chậm như đứa con nít bò trên sàn nhà, bò bằng hai tay và hai chân. Nhưng rồi bài học vẫn khó thuộc: thường khi tôi muốn phóng nhanh hơn cả nai rừng. Tôi không chịu đi hai chân, không chịu chạy và cũng không chịu bay. Tôi muốn xẹt xẹt như làn chớp lúc trời bão. Xẹt trên trời một cái, xẹt dưới đất một cái, xẹt xuống con đường, cánh đồng, ngã tư, ngã ba. Rớt xuống một vệt sáng ở đây, ở đó, rồi tắt ngúm như lửa rạ. Viết văn

không khác gì sống mỗi ngày, mỗi trang giấy trắng là mỗi ngày, muốn làm gì làm thì cũng bị nhốt vào trang giấy trắng, mỗi lần ngồi trước trang giấy trắng thì tôi chỉ lặp lại cái việc thức dậy mỗi buổi sáng, tôi ngồi thừ ra, lừ đừ như con vịt đực ; viết một chữ trên trang giấy là bị lôi vào những gì không thể tránh được đi theo sau chữ ấy, đi theo một cách tẻ nhạt khó ngờ được ; chẳng hạn như tôi viết « gió » thì những gì không thể tránh được là : « gió thổi trên thung lũng, gió về với mùa thu, tóc bạc trắng, vân vân », hay dù tôi có nói ngược lại đi nữa thì cũng là ngược theo chiều gió, tức là một cách cuốn theo chiều gió, một cách lộn lại như hột vịt lộn. Điều đau đớn là không thể chạy trốn ở đâu mà thoát họa được, tờ giấy trắng nằm chình ình ra đấy, nếu tôi trốn viết, bỏ viết văn đi nữa thì cái đầu tôi vẫn nằm chình ình ra đấy ; cái đầu của tôi, cái óc của tôi mới là giấy trắng thực thụ, tăng hơn cả tờ giấy trắng, cái óc của tôi nó làm tờ giấy trắng cho tư tưởng của con tim, rồi con tim của tôi nó lại làm tờ giấy trắng cho giọng máu của tôi ; máu chảy trong thân thể tôi lại muốn viết văn trên tờ giấy trắng của con tim ;

rồi lại đến lượt máu của tôi lại làm tờ giấy trắng cho sự chết : sự chết viết văn trên tờ giấy trắng của máu và sau cùng sự chết cũng lại phải làm tờ giấy trắng cho cái gì đó không có tên gọi ; cái gì đó vô danh, vô tướng lại viết văn trên tờ giấy trắng của sự chết. Nếu tôi không phải là con vịt đực thì tôi phải lý luận rằng mỗi khi ngồi viết văn trước một trang giấy trắng trên bàn thì tôi chỉ lặp lại cái việc của người thức canh xác chết, ngồi trước cái khăn liệm trắng toát, nhưng có một điều khó hiểu nhất : người ngồi canh xác chết lại chính là người đang nằm chết dưới cái khăn liệm trắng kia ; lắm lúc bắt thần cơ con mèo đen nhảy phóng qua xác chết thì cái xác kia ngồi dậy bước đi lảo đảo như người say rượu. Tôi gọi con mèo đen ấy là chữ viết.

Đà Lạt, mùa này đầy hoa quì rừng, vàng bên kia đồi, vàng bên này đồi, vàng dưới kia đồi, vàng trên kia, trên cao kia, cao và gần trong tầm với của mắt. Tôi bước đi không vững, vì uống cả bình cà phê to, hai bình cà phê to như hai cái lu nước. Tôi thấy chữ A ra chữ B, chữ C ra chữ D, tôi thấy tôi chảy trong cống nước, tôi bay theo khói thuốc.

P. HẠM-CÔNG-THIỆN

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTREME-ORIENT

(S. O. A. E. O.)

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tập (Khánh-Hội) - SAIGON

Tél : 93.741 — 93.742

Fabrication : OXYGÈNE — ACÉTYLÈNE = GAZ CARBONIQUE
Vente : HYDROGÈNE — AMMONIAQUE — CYCLOPROPANE
— PROXYDE D'AZOTE — ARGON EUC..

Matériel pour souduras oxy-acétylénique et électrique
Installations de gazothérapie

NOTRE SERVICE TECHNIQUE D'APPLICATION EST À LA DISPOSITION DE
LA CLIENTÈLE POUR TOUTES ÉTUDES ET INSTALLATIONS

TRUNG TÂM NHÂN XÃ

(Anthroposocialism Center)

2 Nguyễn văn Thỉnh Saigon

Hoàng Xuân Việt sáng lập và điều khiển

T.T.N.X. : Là Học viện đầu tiên ở V.N. để xướng giáo dục Hậu học đường và Bồ túc đại học về các khoa Tự Lập Tuân. Giảng huấn tại trường và h m thụ ở xa.

T.T.N.X. : Phổ biến Nhân xã học là môn học được trình bày trong 74 tác phẩm của Ông Hoàng Xuân Việt thuộc loại Học Làm Người từ 20 năm nay nên Trung tâm không liên hệ gì đến chủ nghĩa nhân vị hay đảng phái chính trị hoặc tôn giáo nào cả.

12 MÔN : Do giáo sư Đại học và Học giả tên tuổi dạy tại T.T.N.X là :
1) Hùng biện, 2) Xử thế, 3) Lãnh đạo ; 4) Dụng nhân, 5) Tò chức,
6) Khoa học ứng dụng, 7) Tâm luyện, 8) Bán hàng, 9) Hôn nhân,
10) Hướng nghiệp, 11) Viết văn và làm báo, 12) Thuật tư tưởng

ĐẶC ĐIỂM: Phòng tổ chức tiện nghi như Đại học Mỗi sáng chúa nhật có thuyết trình. Học sau mỗi giờ có uống trà. Hai tuần mỗi tối chúa nhật khóa sinh Hội thoại bàn tròn về các môn học. Học cách học và luyện tinh thần

Nhập khóa : 2 / 3, 1 / 4 và 1 / 5

ASPRO



trị :

CÁM CÚM ĐAU NHỨC

BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

PUB. TÂN-TRÍ

KN 226.BYT

Thời-sự Thế-giới

T ù - T R Ì

Các cuộc sung đột mỗi ngày một mạnh tại Trung Đông đã làm cho các giới hữu trách phải lo lắng trong những ngày vừa qua. Trong khi đó tại Âu-châu người ta đang tiến dần tới những kết quả tốt đẹp trong bang giao giữa các quốc gia Tây Phương với nhau và giữa các quốc gia Tây Phương với khối Cộng sản Đông-Âu. Tại Hoa-Kỳ người ta thấy sau hơn một năm cầm quyền Tổng thống Nixon đã bắt đầu chú trọng tới Phi-Châu. Vì vậy mà Ngoại-trưởng William Rogers đã thăm viếng 10 quốc gia Phi châu để tái lập ảnh hưởng Mỹ tại lục-địa này.

Trung Đông : Xung đột giữa Do-thái và Ả-Rập càng ngày càng mạnh.

Trong những ngày qua Do thái đã áp dụng một chính sách mới để đối phó với phe Ả Rập. Biết rằng đối thủ chính của mình là Tổng-Thống Ai-Cập Nasser nên chính phủ Do-thái đã dồn mọi nỗ lực để phá hoại uy tín của Nasser. Không-quân Do-thái đã liên tiếp oanh-tạc và phá hủy các cơ-sở quân sự của Ai Cập mà không gặp một sức chống trả nào của quân đội Ai-Cập. Tổng Thống Nasser do đó dần dần bị mất tín nhiệm của dân chúng. Nasser đã cố gắng xin Nga tăng cường viện trợ quân sự để cung cấp cho Ai-Cập

những phương tiện tối tân nhất như phản lực cơ Mig 23. Nhưng Nga hết sức ngần ngại vì quân đội Ai-Cập tỏ ra quá yếu nên đã từng đề cho Do-thái cướp được vũ khí mang về. Do-Thái còn lấy được hai đài radar tối tân của Nga viện trợ cho Ai-Cập nữa. Nga sợ rằng những chiếc Mig 23 viện trợ cho Ai-Cập sẽ rơi vào tay Do-thái và Mỹ khiến các bí-mật kỹ-thuật của Mig 23 bị tiết-lộ. Trong khi đó để tái lập quân bình võ trang, Mỹ quyết định bán vũ khí cho Do-Thái. Ngoài ra Do-thái còn được thêm thiện cảm của dư luận quốc tế sau vụ nhóm khủng bố Palestine toan tính cướp chiếc phi cơ của hãng Hàng-không dân sự Do-Thái tại Munich (Đức) để bắt cóc tài tử Điện ảnh Assaf Dayan, con của Tướng Moshe Dayan, làm con tin.

Nhưng Do-Thái đã làm một điều sai lầm khiến sau đó dư luận quốc tế trở ngược lại. Thật vậy những phi vụ của Do-Thái oanh tạc trên lãnh thổ Ai-Cập ngoài cơ sở quân sự, còn phá hủy một nhà máy dân sự ở Abu Zabal khiến 70 thường dân bị chết và 98 bị thương. Chính phủ Do-Thái tuyên bố rằng đó chỉ là một vụ ném bom lầm. Nhưng Tổng Thống Nasser đã triệt để khai thác vụ Abu Zabal để lấy lại uy tín đã mất. Dân chúng Ai-Cập phần nộ đã

xiết chặt h'ng ngũ sau lưng ông sau vụ này.

Trước sự xúc động của dư-luận quốc-tế ông Abba Eban, Ngoại-trưởng Do-thái, đã đề nghị ngưng oanh tạc Ai Cập Nhưng bà Golda Meir Thủ tướng và đa số trong Hội-đồng Nội-các đã bác bỏ đề nghị này và quyết định chỉ ngưng oanh tạc khi nào Nasser cam kết sẽ tôn trọng lệnh đình-chiến năm 1967.

Thương thuyết tiến bộ tại Âu-châu

Hiện thời người ta có thêm nhiều dấu hiệu tỏ ra chính sách của ông Willy Brandt, Thủ-tướng Tây Đức, đang mang lại nhiều thành quả tốt đẹp. Thật vậy khi Ngoại-trưởng Tây-Đức Walter Scheel, trên đường qua Ấn độ, ghé Mạc-tư-khoa ông đã được các nhà chức trách Nga đón tiếp nồng hậu. Hiện thời ông Egon Bahr, đại diện của ông Brandt đang thương thuyết với Ngoại-trưởng Nga Gromyko đề ký một hiệp-ước cam kết không dùng vũ-lực. Một cuộc thương-thuyết tương tự cũng được diễn ra giữa Tây - Đức và Ba-Lan.

Vì vậy mà các quốc-gia Cộng-sản Đông-Âu đều muốn thương thuyết với Tây Đức để vừa giảm tình trạng căng thẳng vừa có viện trợ.

Đông Đức đã gửi thư cho ông Brandt chính thức đề nghị thương thuyết tại Đông Bá-Linh. Đồng thời Nga, Anh, Mỹ, Pháp đều tỏ thiện chí muốn thương thuyết để giải quyết vấn đề Bá-Linh. Nếu một hội-nghị tay tư được triệu tập tại Bá Linh người ta hy vọng rằng các quốc gia Âu-châu

sẽ đi tới một hội-nghị về an-ninh Âu-Châu giữa hai khối Bắc - Đại-Tây-Dương và Varsovie.

Song song với các hoạt động ngoại giao tại Đông Âu, tại Tây Âu các nhà ngoại giao cũng hoạt động không kém mạnh mẽ. Hội nghị các Tổng-trưởng Ngoại-giao của khối Thị-trường chung đã được triệu tập tại Bruxelles. Sau 22 giờ đồng hồ bàn cãi liên tục các Tổng trưởng Ngoại Giao, kể cả Tổng Trưởng Pháp đã quyết định cứu xét đơn xin gia nhập của Anh. Không những người ta bằng lòng cho Anh gia nhập mà người ta còn mở rộng Thị trường chung cho cả Ái-nhĩ-Lan, Đan-Mạch và Na-Uy nữa. Sự mở rộng này nếu thành công sẽ tạo được ở Tây Âu thành một lực-lượng hùng hậu.

Hoa kỳ : Công du Phi châu của Ngoại trưởng Mỹ Rogers

Từ trước tới nay nền ngoại giao Mỹ ít chú ý tới Phi-châu vì lực-địa này không mấy liên-hệ tới quyền-lợi của Hoa-kỳ. Trong những năm qua Anh và Pháp tuy phải trả lại độc-lập cho các qu^c-gia Phi-châu nhưng cả hai đều cố gắng duy trì ảnh hưởng trong vùng. Nga và Trung-Cộng cũng có một chính-sách hiện-diện rất hoạt động Nhưng dần dần tại c'c quốc gia thân cộng như Ghana, Mali các lãnh-tụ thân cộng bị lật đổ, nên cả Nga và Trung Cộng đều thất bại trong mưu toan lôi cuốn Phi-châu vào vòng ảnh hưởng của họ.

Chính sách đối ngoại của ông Nixon, khác với chính sách của các vị Tổng-thống tiền nhiệm, đã chú trọng nhiều tới Phi-châu. Sau khi đưa ra chính sách Á-châu vào giữa năm 69, chính sách

Mỹ-châu và Trung Đông vào cuối năm 69 ông Nixon đang hoạch định chính sách Phi-châu của ông.

Cuộc thăm viếng Phi-châu của ông Rogers có nhiệm-vụ nghiên cứu và sưu tầm các dữ kiện căn bản cho chính sách Phi châu của Tổng-Thống Nixon trong tương lai. Hiện thời hoạt động của Hoa-Kỳ tại Phi châu còn hết sức nhỏ hẹp. Mức viện trợ Mỹ cho Phi-châu chỉ

mới có 160 triệu Mỹ kim một năm. Hiện thời người ta không chờ đợi một sự biến chuyển nào đáng kể trong chính-sách của Mỹ tại vùng này, nhưng trong những năm tới có lẽ Phi-châu sẽ dần dần trở thành một môi-trường tranh chấp giữa Nga và Mỹ trong khi cuộc tranh chấp này đang giảm dần tại Âu Châu.

TỪ TRÌ

QUÁN-HƯƠNG-VIÊN

Số 33, 35, Đại-lộ Tôn-Thọ-Tường

*Bồn hiệu chuyên chế bánh tây và các thứ kẹo,
bán sỉ và lẻ hoan nghinh tiếp đãi*

CHOLON

VIET-NAM

PHÂN ƯU

*Được tin trẻ Ông nội nhà văn Bùi Đăng dã mất, xin
chân thành chia buồn cùng nhà văn Bùi Đăng và tang quyến
và cầu chúc hương hồn Cụ sớm tiêu diêu miền cực lạc.*

Lê Ngô Châu — Lê Tất Điều

Lê Phương Ch — Đỗ Tiến Đức

THỜI SỰ KHOA HỌC

Thuốc SEX:

Một trong những bí quyết để sống lâu trăm tuổi là phải biết sử dụng " cái giống " cho thật đều đặn và có phương pháp. Những bản thống kê của các nhà xã-hội-học đều cho thấy là những người có đời sống gia đình, đa số là thọ hơn những kẻ sống độc thân. Cái giống có một nhiệm vụ rất rõ ràng và cũng cần được hoạt động điều hòa như bất cứ một cơ quan nào khác của cơ thể. Một khi bị bỏ quên, vô tình hoặc cố ý người ta đã gây ra những tác dụng tai hại cho khả năng của nó. Hơn nữa, cái giống lại liên quan rất nhiều tới hoạt động của các chất kích-thích-tổ trong con người. Một khi bị kìm hãm nó sẽ gây nên những phản-ứng toàn diện trong cơ thể. Những phản ứng đó tạo nên những tai hại rất khó chịu cho chủ nhân, bắt phải nhận sự có mặt của nó trong đời sống. Người ta vẫn thường nói đến tính cau có, gắt bần của những cô gái muộn chồng.

Ngay cả những người đã lập gia đình, đương sự cũng không có quyền làm bẽ mặt trong việc sử dụng khi

tuổi đã về chiều. Theo bác sĩ John Maddison, một nhà chuyên môn về tính học của Anh quốc, thì sự biếng nhác nói trên là một quan niệm đã lỗi thời và có hại cho sức khỏe của những cặp vợ chồng. Quan niệm mới mẻ của bác sĩ Maddison như có nghĩa là một quan niệm « càng già càng dẻo càng dai ». Trong một quyển sách của ông, cuốn « Ngoài 60 », do Hiệp hội Y-Khoa Anh xuất bản, ông cho rằng : « ... Đàn ông cũng như đàn bà đều có khả năng tình dục cho tới lúc hưởng hết tuổi trời — khả năng này chỉ suy giảm đôi chút theo thời gian do ở việc giảm sút các kích thích tố trong cơ thể. Sự giảm sút này có thể cải thiện được. » Và bác sĩ Maddison bèn chế ra viên thuốc « Sex » để giúp cho nhân gian hưởng được trọn vẹn cuộc đời, không bỏ phí chút nào.

Nếu viên thuốc « Sex » này thật sự có công hiệu như lời B.S. Maddison, chắc hẳn chúng ta sẽ có dịp trông thấy những cặp vợ chồng già tóc bạc đầu râu rử nhau đi mua thuốc ngừa thai hoặc tới tòa xin ly dị.

Lại « thuốc lá và ung thư ».

Các nhà bác học khả kính coi bộ cay cú các hãng thuốc lá ra gì (mặc dù là các vị vẫn hút thuốc như diên). Các vị nhất định đòi làm sập tiệm mới thôi.

Mà không có cách gì làm sập tiệm dễ dàng và hiệu quả hơn là chứng minh một cách rõ ràng chính thuốc là đã gây ra ung thư phổi.

Cuộc thí nghiệm được thực hiện trên loài chó. Phải khó khăn lắm mới tập cho mấy chú này hút thuốc được! Cách hút hơi cầu kỳ một tí: người ta cho một ống nhựa vào khí quản của chó và bơm khói thuốc vào đó. Lúc đầu chó sặc sụa và tỏ ra rất ghét cách thưởng thức thuốc lá kiểu này. Dần dần thì chó trở nên những tay ghiền chính cống. Trong 36 con đem ra thí nghiệm, 12 con đã bị ung-thư phổi. Điều đáng để ý là chỉ có thứ thuốc lá không có đầu lọc (như Bastos) mới gây ra ung thư. Tính trung bình, mỗi chú chó đã hút lối 7 tới 9 điếu Bastos trong một ngày và liên tiếp trong 2 năm rưỡi. Nếu tính ở người thì con số tương đương là 2 gói Bastos 1 ngày và trong 18 năm. Về phương diện mô học, cơ cấu loại ung thư ở 2 con trong số 12 con chó bị bệnh giống hệt như ung thư ở người, số 20 con còn lại có một cơ-cấu ít thấy hơn.

Có một điều may mắn (?) là những con chó hút lối 3 điếu rưỡi 1 ngày đã không bị ung-thư (chừng một gói Bastos một ngày ở người). Loại thuốc có đầu lọc (như Salem) không hẳn là không gây ra ung thư. Sự phát triển của ung thư chỉ chậm hơn mà thôi.

LSD và quái thai

Nếu một ngày nào đó các đấng Hippies chán nản cuộc sống lang bạt của mình mà quay ra lấy vợ đẻ con thì coi chừng đứa con của những cặp vợ chồng Hippies đó rất ít hy vọng để sau này lớn lên có thể làm Hippies nổi nghiệp bố.

Giới y-học vừa nêu lên những trường hợp đầu tiên về tác dụng sinh quái thai của chất LSD, thứ nha phiến đang thịnh hành trong giới Hippies ngày nay.

Trường hợp được nêu ra là một hài nhi sống được 9 ngày sau khi chào đời với những biến đổi kinh khủng cả bên trong lẫn bên ngoài cơ thể. Ba bác sĩ của viện đại học Y Khoa Sinai, bác sĩ Lillian Y. Hsu, Lotte Strauss, và Kurt Hirschhorn ghi nhận những dị hình ở tứ chi đứa hài nhi, ở mắt, mũi, tai, cơ quan sinh dục ngoài — và những dị hình của những cơ quan bên trong như tim, phổi, thận, gan, bộ tiêu hóa... Hầu như là đứa hài nhi không có một cơ quan nào lành lặn. Về phương diện di-truyền học, 3 ông đã tìm ra được một nhiễm sắc-thể bất thường nơi đứa trẻ do 2 nhiễm-sắc-thể dính vào nhau — chính sự bất-thường này đã tạo nên sự biến đổi lớn lao nơi đứa trẻ.

Phần lớn những khác thường trong cơ cấu di truyền của người con đều do cha hoặc mẹ truyền lại, nghĩa là cha hoặc mẹ, hoặc cả 2 đã có một sự bất thường trong cơ-cấu di truyền của họ. Trong trường hợp này cơ-cấu di-truyền của cha, mẹ đứa hài nhi xấu số đều bình thường — Như vậy sự biến đổi di truyền nơi đứa hài-nhi chỉ mới xảy ra gần đây, do một nguyên nhân ngoại lai nào đó tác dụng trên những

tế bào sinh dục của người cha (tinh trùng) hoặc của người mẹ (noãn cầu).

Cuộc điều tra cho biết người mẹ đã dùng 3 liều LSD 9 tháng trước khi có thai và người bố dùng 2 liều LSD trước đó vài năm. Mặc dầu trong

trường hợp này LSD chưa hẳn có thể bị coi là nguyên nhân sinh ra quái thai, vị bác sĩ nói trên cho rằng vai trò của nó không thể bị coi thường được.

TỬ-DIỆP

THỜI SỰ VĂN-NGHỆ

Chí bất khuất của Monique Wittig

Monique Wittig là tác giả cuốn *L'opoponax*, được giải Medicis năm 1974. Năm nay Monique Wittig mới vừa cho xuất bản một cuốn nữa : *Les Guérillères*.

Cuốn truyện nào của Monique Wittig cũng có cái tên cầu kỳ Nhưng cầu kỳ hơn nữa là các tư tưởng của tác giả.

Theo Monique Wittig, đàn bà ở xã hội này bị đàn ông áp chế nhiều quá. Từ lâu đời, đàn ông đã thống trị, cho nên luật pháp, phong tục, chính trị, đạo lý tôn giáo v.v, cái gì cũng theo ảnh hưởng của đàn ông, cũng dành ưu tiên cho đàn ông. Như thế không nói làm gì. Thậm chí ngôn ngữ mà xã hội đang sử dụng chung cũng lại là thứ ngôn ngữ của đàn ông, thích hợp với đàn ông. Phụ nữ đành phải xài cái ngôn ngữ ấy chẳng qua là bất khả kháng. Giá không có áp lực của đàn ông, ảnh hưởng của nền văn hóa đàn ông, thì đàn bà đã ăn nói cách khác, đã có thứ ngôn ngữ khác hẳn.

Les Guérillères là cuốn tiểu thuyết của thứ ngôn ngữ đàn bà ấy trong một xã-hội... giả thiết không có đàn ông.

Gái đâu có gái lạ đời. Xô đuổi đàn ông đến thế, không khỏi có ngày tiếc hùi hụi.

Trường hợp Guy des Cars

Thỉnh thoảng có người kêu : Tiểu thuyết bây giờ hết thời. Tiểu thuyết bán hết chạy nữa rồi,

Jean François Revel cho rằng nói thế cũng có phần đúng. Tác phẩm của Jean Giraudoux chẳng hạn in ra có mấy ai mua đâu. Nhưng phần đúng ấy chỉ đúng với loại tiểu thuyết có giá trị nghệ thuật.

Còn thứ truyện lòng xoàng, để mua vui kiểu *La Vipère* của Guy des Cars thì bán chạy như thường. Guy des Cars viết trước sau ngót vài chục cuốn rồi, cuốn nào cũng xoàng, cuốn nào cũng có hậu, và cuốn nào bán cũng khá.

La Vipère suốt bốn tháng trời cứ được xếp hạng trên danh sách best sellers mãi. Nó cứ ở đó mãi, để bêu riếu trình độ thưởng thức của độc giả.

Thời thơ ấu của Robert Sabatier

Tác phẩm của Robert Sabatier cũng bán chạy suốt tháng rưỡi nay, và hình như mỗi tuần lên chút ít. Thế mà cuốn *Les allumettes suédoises* không bị chê bai mấy. Nghĩa là chỉ chê qua loa : kỹ thuật hơi xưa.

Quả nhiên Robert Sabatier viết về một thời đã cũ kỹ : Paris hồi 1930. Nhân vật chính là một đứa bé, nhưng cũng có thể nói là các đường phố. Thằng bé lấy đường phố làm thú. Và tác giả có cái hay là đã sống cái thích thú ấy, đã chuyển cái thích thú ấy đến độc giả.

Chi làm vậy mà cũng ra tòa ?

Cuốn *Creezy* của Félicien Marceau đang dẫn đầu sách tác phẩm bán chạy nhất ở Pháp.

Creezy được giải Goncourt. Nhưng vừa rồi nó bị đưa ra tòa, về cái bla. Bla ấy in hình một cô gái, Nicole Lambert. Cô cái kiện nhà xuất bản đã đưa hình lên bla mà không được sự đồng ý trước của cô.

Theo luật lệ ở Pháp người chụp hình sẽ có lỗi nếu phạm vào hai điều : chụp tại một chỗ ở riêng tư, và không được sự thỏa thuận. Vì vậy nếu hình chụp mình tinh hay chính khách tại địa điểm mít-tinh tại vũ trường, tại khách sạn v.v thì dù hình ấy có phơi bày một cử chỉ lỗ lã, đương sự phải ráng chịu, không nên bày vẽ chuyện kiện cáo.

Làm chơi mà cũng hốt bạc

Cuốn sách in nhiều nhất của nhà xuất bản ấy được in ra 60 bản. Cuốn ít nhất hai bản. Bản thứ nhất cho nhà xuất bản, cuốn thứ nhì cho nghệ sĩ trình bày tức Pablo Picasso.

Cuốn lớn khổ nhất có một chiều nửa thước tây, một chiều 33 phân. Cuốn sách nhỏ, có lẽ là nhỏ nhất thế giới từ trước tới nay, mỗi chiều 4 phân, gồm 12 trang mỗi trang in một chữ. Tất cả cuốn sách chỉ có một câu : « O ce fil de si fin ici ». Sách nhan đề là « O ».

Nhà xuất bản làm những công việc độc đáo vừa kể thường ký tắt là P.A.B. Tên thật của một người : Pierre — André Benoit. Người ấy vừa là họa sĩ, vừa thi sĩ, vừa thợ in. Từ 1-5-1946 đến nay, ông đã cho ra đời bốn trăm tác phẩm. Và là tác phẩm của những tay cự phách cả : André Breton, Paul Valéry, Paul Eluard v.v... Dĩ nhiên, một nghệ sĩ in toàn sách đặc biệt như thế phải kén chọn họa sĩ trình bày : quả vậy, 55 họa sĩ cộng tác đều là những tên tuổi lừng lẫy : Picasso, Braque, Miro, Max Ernst v.v... Một tác phẩm của nhà PAB, cuốn *Pindare*, vừa bán được 10.000 quan. Không ai dám chê là đắt.

TRANG THIÊN

Nếp sống nghệ thuật Âu Mỹ dưới mắt một họa sĩ Việt.

Trong B.K. số Xuân Canh-Tuất chúng tôi có giới thiệu họa sĩ Võ-Đình và cuộc triển lãm một bản của anh vào 15-1-70 tại Thư viện Đại học Vạn-Hạnh. Nay xin trích đăng lá thư của anh đề cập tới nếp sống nghệ thuật ở Âu Mỹ.

« Tôi mong có ngày được gặp các anh Duy Thanh, Ngọc Dũng cùng các bạn họa sĩ khác. Tôi biết rằng vấn đề trước tiên của người có máu nghệ sĩ là làm sao có đủ phương tiện vật chất cho phép mình cống hiến nhiều thì-giờ, nghị lực cho nghệ thuật. Tôi cũng đã « đánh lộn » với vấn đề này trong bao năm trời. Nhưng đọc báo chí ở nhà (trong có Bách-Khoa và Văn) thấy anh em hay than van rằng ở Âu Mỹ người ta xuất bản như thế này, triển lãm như thế kia, còn Việt Nam mình thì... Sự kiện này có thực, nhưng không thực như những người đó tưởng. Hệ thống thị trường văn nghệ gọi tạm thế, nghe

kỳ quá) của Âu Mỹ, nhất là Mỹ, vì đại thực, nhưng cái hệ thống đó có rất nhiều oái oăm, úp mở, lố bồng. Về văn chương chẳng hạn, có một *John Updike*, có tài, còn trẻ, và sách vừa hay, vừa bán chạy (thí dụ *diễn bì-h*), thì có hàng ngàn, hàng ngàn thực, văn sĩ khác còn trẻ, rất có thể có tài, nhưng nghèo rớt mồng tơi thật, nếu không đi dạy học, hay đi làm bồi. Trong lúc đó, lối sống Âu Mỹ cần dùng hàng ngàn « văn sĩ » khác để viết báo lật vặt, viết quảng cáo, viết truyện kích thích rẻ tiền, và những « văn sĩ » này một năm có thể kiếm đến một, hai triệu Việt Nam!!! Điều tôi muốn nói là thế này: người làm văn nghệ thật tình, văn nghệ nghiêm chỉnh, văn nghệ khám phá tìm-tòi ở Âu Mỹ không chắc gì dễ dãi sung sướng hơn ở Việt-nam. Trái lại sự ly biệt (*estrangement*, *divorce*) giữa nghệ thuật và lối sống đại chúng là một cái gì rất khỗ tâm.

« Riêng về hội họa, còn lồi thối hơn. Có thể chia quần chúng yêu mỹ thuật ra làm ba nhóm: nhóm thứ nhất là nhóm hào hoa pho-g nhã triệu phú, du lịch hoàn cầu v.v. nhóm này rậm chật phong trào, đưa đầy « chiều hướng » mỹ thuật. Họ khoái tranh cổ (từ Ấn tượng thế kỷ thứ 19 trở về trước) và tranh tối tân mới khám phá (cả tranh chỉ có một gạch ở giữa chẳng hạn.) Nhóm thứ ba rộng lớn nhất, có đủ hạng giàu nghèo cho đủ hạng giá tranh. Nhóm này ít thẩm mỹ nhất, nhưng cũng muốn tập tành chơi sang. Một vài họa sĩ Việt-Nam có tên tuổi mà tôi không muốn nói tên ra làm gì đã và đang bán linh hồn cho nhóm này. Đại đa số « họa sĩ » Âu Mỹ cũng phụng sự cho nhóm này. Người vẽ, vẽ cho người mua, chứ không phải vẽ trước cho chính mình, rồi

ai mua thì bán. Còn lại nhóm thứ hai ít người nhất, khó tìm nhất, những người có tiền mua tranh nhưng cũng có mắt thẩm mỹ, thích cái mới nhưng cũng biết trọng cái cũ, không a dua, đua đòi có tình cảm phong phú sống động. Khi người ta nói đến những bảo tàng viện, những họa viện hàng chục tạp chí chuyên môn về mỹ thuật, sự kiện đó làm méo mó tình trạng thực thụ *cuộc sống thẩm mỹ* của xã hội Âu Mỹ. Vì hệ thống kinh tế thương mại của họ, có một đòi khồng lồ ở những họa sĩ, điêu-khắc-gia nhẹ dạ. Cái hố ch-a cách người họa sĩ và người thợ vẽ nhỏ lại dần. Có những thợ vẽ bên này vẽ rất tài tình và giu nứt đổ đổ vách, lại có những họa sĩ rất giàu tinh thần nhưng thiếu căn bản chuyên nghiệp mà lại chơi cái kiểu trượng phu chẳng thèm luồn tròn như họ Hàn ngày xưa. Nếu trong tương lai Việt Nam chúng ta không kiếm ra *hướng đi văn hóa thật độc đáo thật nhân bản* thì cũng loay hoay rơi vào cái hố nghệ thuật giả tạo đó, hay tệ hại hơn, rơi vào cái thảm « tả chân xã hội » của phe Cộng Sản (Tôi có được xem một cuộc triển lãm khồng lồ những tác phẩm thượng hảo của Nga xô, thấy xấu quá).

« Nói tóm lại, đừng nghe chuyện Âu Mỹ mà ngán. Ở bên Mỹ này, hay ở Anh, Pháp, Ý, Đức, là một họa sĩ trung thực có lẽ chỉ dễ hơn ở Việt chút xíu thôi chứ không nhiều như ta thường tưởng. Phần đông các bạn văn nghệ của tôi, ngoại quốc cũng như Việt, để nuôi gia đình và mua bút giấy, cũng lặn lội làm một công việc gì đấy ít khi có tương quan đến văn nghệ. Nhưng nếu một ngày nào đó, chán nản buông xuôi, thì thực tình Âu Mỹ cho phép thợ vẽ, thợ viết không những ăn no mà lại ở nhà lâu!»

THU THỦY

Nhơn thăm qua **NÔNG TRẠI NỮ** của Dưỡng trí viện « **Bác sĩ Nguyễn Văn Hoài** »

Thật là một sự ngạc nhiên thích thú cho những ai chẳng dửng dưng với những gì có liên quan đến cái Dưỡng-trí-viện duy nhất này của nước nhà.

Cái miếng đất có vẻ cằn cỗi ấy, nằm ở cuối Viện, giữa khu Nông trại nam và khu nhà bếp, cách đây nửa năm, còn là nơi tung hoành của lũ cỏ dại, bụi hoang, nơi gặp gỡ của đám cỏ cào cào châu chấu cùng những bầy kiến đỏ kiến đen, nay trở nên một thế giới nhỏ riêng biệt, ưa nhìn, có đường ngay lối thẳng, có những luống cải xanh, có bảy mái nhà xinh xắn, khung trng còn mùi nước vôi và mùi sơn mới. Và nhất là có khoảng năm mươi phụ nữ khấn cho mảnh đất này có một đời sống, một linh hồn.

Bốn năm về trước, Nông trại cho nam bệnh nhân (1) ra đời, làm cơ sở thí nghiệm một phương pháp chữa bệnh tâm-trí mới mẻ và tiến bộ: đó là việc giúp bệnh nhân gần hồi phục sống trong một khung cảnh và làm những công tác để họ thể lĩnh tinh thần thích ứng lại với cuộc sống bình thường. Khung cảnh đó là khung cảnh gia đình, và những công tác đó là những hoạt động tay chân hợp với nghề nghiệp hoặc sở thích: trồng trọt, chăn nuôi, tiểu công nghệ.

Và gần trăm nam bệnh nhân sống dưới mười nóc gia — tức là mười tiểu gia đình — từ cuối năm 1965 đến nay đã chứng tỏ rằng bộ phận hậu trị này của Dưỡng-trí-viện đã đem lại nhiều kết quả khả quan, cho nên ban Giám-đốc càng mong một Nông trại cho nữ bệnh nhân được ra đời.

Tưởng cũng như đây mà nhắc đến vài con số. Dưỡng-trí-viện hiện có độ 1.800 bệnh nhân, trong đó lối 1.000 nam và 800 nữ. Một ngàn nam bệnh nhân đã có hàng trăm người được sống thoải mái giữa thiên nhiên từ bốn năm rồi, thì nay năm mươi trong số tám trăm nữ bệnh nhân được hưởng ân huệ nói trên, hẳn điều này đã làm những ai có trách nhiệm nơi đây thỷ dãi, khoan khoái: chẳng lẽ ở chốn mà tình thương được san sẻ đồng đều, mà còn có sự... trọng nam khinh nữ!

Hưởng hồ chi bệnh nhân phái nữ vốn cần cái không khí, cái khung cảnh gia đình hơn bệnh nhân phái nam, và với chị em, được chăm sóc một đàn gà con hay được vun xới một luống cải là những liều thuốc có khi công hiệu hơn là thuốc của nhà thương.

Tôi vốn được sống một thời gian ở Nông trại nam ba năm về trước, nên

(1) Xin xem lại bài « Nông trại dưỡng trí viện B.s. Nguyễn Văn Hoài » trên Bách Khoa số 217 (15-1-1966).

vừa rồi, có dịp lên Dưỡng-trí-viện thăm một người bạn ở trong ban Giám-đốc, được biết sắp làm lễ khánh thành Nông trại nữ, tôi nhờ người bạn này đưa tôi ra thăm cái thế giới nhỏ nọ mà tôi tưởng vì thời cuộc và hoàn cảnh còn lâu mới được thấy ánh sáng mặt trời, và do đó mới có mấy dòng tả cảnh với năm ba ý nghĩ thoáng qua đầu ghi ở đoạn trên.

Chúng tôi đến đó thì bữa cơm chiều đã xong từ lâu (ở Dưỡng-trí-viện ăn trưa lúc 11 giờ, và ăn chiều lúc 4 giờ); và có lẽ nhằm ngày chủ nhật, ngày nghỉ, nên chẳng thấy chị nào thợ thần ngoài lối đi.

Anh bạn giơ tay chỉ nhà ăn công cộng, văn phòng trại và năm căn nhà (năm tiểu gia, mỗi tiểu gia chứa mười người, trong đó có một gia trưởng được chị em cùng nhà bầu lên để làm đại diện). Rồi anh hỏi:

— Nhìn chung, anh thấy thế nào ?

— Tôi thấy «Hậu sanh khả úy».

Chẳng đề bạn suy nghĩ về câu trả lời có ẻ lạc đề này, tôi giải thích : « Xin anh đừng h ều theo nguyên văn là kẻ đến sau đáng sợ, mà hiểu theo ngụ ý lúc này đây, là cái gì ra đời sau thế nào cũng hơn cái ra đời trước. Mới nhìn qua tôi thấy nhà ăn Nông trại nữ kín đáo hơn nhà ăn Nông trại nam, và nhà ở thì chắc hơn, xinh hơn và có vẻ ấm cúng hơn.

Bạn tôi cười :

— Được vậy, là nhờ kinh phí hai Nông trại sai biệt nhau. Trước, với một triệu, cất được mười căn nhà. Giờ, với hai triệu cất có năm. Vì vật liệu, nhân công tăng nhiều, mà cũng vì muốn làm cho chắc hơn, cho xinh hơn. Đề vô thăm một căn, anh sẽ thấy.

Nhưng chưa bước vô nhà, tôi đã thấy mấy cái « nữ » hơn « nam ». Như từ hai bên ngạ h cửa chạy đến giáp tường, có chừa sẵn hai rãnh đất để trồng hoa. Như mặt tiền, thêm một cửa sổ cho nhà được sáng sủa và cởi mở hơn, và khi nhia thấy cửa ra vô và hai cửa sổ hai bên đều mở cả, hẳn khách đến thăm không khỏi liên tưởng đến « chủ trương mở cửa » của Dưỡng-trí-viện đối với bình nhân.

Bạn chỉ ngạch cửa :

— Một cái mới hơn cũ, do kinh nghiệm, thêm một cái nấc, thì trời mưa có tạt, nước không còn tràn vô nhà.

Chúng tôi bước vô nhà. Vài chị ngồi nhìn trời. Vài chị bắt chí cho nhau. Có chị đang xếp áo quần. Có chị đang soi gương nặn mụn. Một chị nằm đọc tờ « Hương quê » cũ. Tôi hỏi chị gia trưởng mà tôi có quen sơ.

— Ở đây, chị thấy thế nào ?

— Tôi thấy như ở nhà.

Nhà đây hẳn không phải là nhà... thương, một thứ nhà chung mà đồ vật không có hồn. Mà nhà đây, là nhà riêng của mình đang sống với một số người thân. Chị đã tìm thấy khung cảnh gia đình.

— Cha ! Đàn bà có khác. Đàn ông thì giường cây, trải chiếu ; đàn bà giường sắt, có nệm, trải ra.

— Anh ra sau coi nhà phụ. Còn lắm cái hơn rõ rệt nữa.

Mà quả thế. Còn nhớ hai năm đầu, Nông trại nam phải xài nước giếng ; năm rồi mới có được một vòi nước ; còn nơi tiêu thì bằng xi-măng. Đây nơi tiêu trắng bóc, có la-va bô men trắng, lại có hồ nước để tắm rửa và giặt gya. Tôi nghĩ thầm : « Thế này, không khéo có người gởi hồ sơ đến Quốc Hội, tố cáo Dưỡng-trí-viện trọng nữ khinh nam, phản lại nền luân lý cổ truyền ! ».

Thấy tôi nhìn về phía một tiểu gia đứng biệt lập, cạnh đường vào Nông trại nam, bạn giải thích :

« Khu mình đứng đây là khu đã hoàn thành, gồm có nhà ăn, nhà kho, và năm căn nhà ở với vườn nhỏ cho mỗi nhà và được ba đường kềm bao bọc. Nhà đơn độc ở một góc bên kia đường thuộc về khu sẽ được mở rộng sau này. Phạm vi khu này đến tận nhà xác. Chúng tôi nay dùng nó để các giám-thị làm việc cho dễ bề coi chừng sự ra vô của bệnh nhân ở trong trại cũng như ở ngoài trại, trong giờ giờ nghiêm. »

oOo

Giã từ Nông trại nữ, tôi sực nhớ đến một hình ảnh cũ đã bảy năm trời, nhưng thỉnh thoảng lại hiện lên trong trí. Đó là cảnh vài mươi người phụ nữ trần truồng, già có, trẻ có, bụng phệ có, đít teo có, ngực nở có, vú xệ có, đứng phơi nắng ở sân sau một trại đàn bà của Dưỡng-trí-viện này, kể mùa quay, người đưa tay ngoắc... Sao lúc ấy tôi nghĩ đại rằng trong số người xấu số ấy, có mẹ, có em mình, mặc dầu những người thân này đã nằm yên trong lòng đất. Và tôi chua xót vô cùng lúc ấy, cũng như sau này nhớ lại. Nhưng nay hình ảnh bình thường của mấy mươi nữ bệnh nhân tâm-trí đang lười phục sống có phần êm ấm dưới năm mái nhà thơ, chung quanh có rau, chính tay họ trồng, có bông chính tay họ cấy để chờ ngày về với gia đình, cảnh buồn đau nọ mất đi phần chua xót.

Trong thời buổi mà sự chết chóc cùng vật giá cứ leo thang chưa biết bao giờ mới chịu ngừng cho, thì sự xuống thang của một niềm chua xót như trên hẳn cũng là một điều đáng kể ; chẳng hay hiện ở nơi thế giới người điên này, bạn có đồng ý với tôi không ?

20-12-69

NGÊ-BÁ-LÍ

Tâm sự ngoại giao...

Cuối năm Kỷ-Dậu, chiều thứ Ba 3-2-1970, một buổi lễ gắn huy-chương đã được tổ chức tại phòng khánh-tiết Bộ Ngoại-giao : 4 tấm Chương-mỹ Bội tinh và một Tâm-lý-chiến Bội tinh đã được trao tặng cho 5 nhân viên Bộ trong số đó có Bác sĩ Quản-quang-Hoa, người đã từng viết các bài về Y-học và Khoa-học dưới bút hiệu Thiện-Y trên các tuần báo và tạp-chí Bách-khoa từ nhiều năm

nay. (Từ năm 68 Bác sĩ Hoa trông nom tờ « *Gió Việt* » do Bộ Ngoại-giao xuất bản để gửi cho các kiều-bào ở nước ngoài).

Điều đáng chú ý trong buổi-lễ trên đây là ngoài Ngoại-trưởng Tiễn-Văn-Lấn, còn có một số quý vị nguyên Ngoại-trưởng cũng tới tham-dự buổi họp mặt này : bác-sĩ Trần-Văn-Đỗ, Giáo-sư Vũ-Văn-Mẫu, Nghị-sĩ Trần-Chánh-Thành... Bác-sĩ Phan-Huy-Quát mắc bận vào giờ chót, đã gửi thư chúc mừng, và yêu-cầu các anh em coi như ông cũng có mặt, góp vui...

Một buổi họp mặt « đánh dấu một kỷ-nguyên, đồng thời nói lên một tâm-sự », như lời Ô. Nguyễn-Quý-Anh, Đồng-lý Văn-phòng Bộ Ngoại-giao, tuyên-bố trong bài diễn-văn chúc Tết, mà chúng tôi xin trích đăng sau đây :

« Hoạt-động ngoại-giao không giống một ngành nào khác. Thành-công ngoại giao theo thông-lệ, là phải cam-phận trong lâug-quên và bóng tối. Và nhân-viên ngoại-giao chỉ được người đời nhắc tới mỗi khi thất bại hay lầm-lỗi !...

Có những thành công mà người đời chỉ nhận chân thắng-lợi, sau khi kẻ tạo nên thắng-lợi đã qua đời !...

Có những thắng-lợi không thể tuyên-bố cho ai nấy đều hay biết! Đối với nhân-viên ngoại-giao, « đức-tính cần-thiết là kiên-nhẫn; điều-kiện thành-công là ẩn khuất », như các sử-gia trước đây đã ca ngợi Vergennes, dưới thời Vua Louis Thập-lục... Và đã có những thế-hệ nhân-viên ngoại-giao tại các quốc-gia tiên-tiến, họ lặng lẽ làm việc, cố gắng phục-vụ, mà không hề đoái hoài tới những búa rìu của dư-luận, thường khi đã tỏ ra hẹp hòi vì quá chú quan...

Một hôm, Bá-tước Vergennes làm việc khuya, có người tới hỏi thăm, và Bá-tước nhũn nhặn đáp lời :

— « Tôi thức đêm để vá-víu ! (Je veille pour raccommoder !) ».

Đề rồi sau đó, Bá-tước lại nói thêm :

« Tôi tin rằng một trăm năm nữa, người ta sẽ hiểu, và cho là tôi có lý... Cần phải thời-gian đó để khỏi bị ngộ-nhận... Chậm còn hơn là chẳng bao giờ ».

Vả lại Ngoại-giao ngày nay có phải như Ngoại giao của các thế-kỷ xưa nữa đâu !

Tài biện-thuyết lưu-loát như « gió cuốn mây bay » của Tô-Tần, Trương-Nghị, không phải là không hữu-ích ; tài « nhả ngọc phun châu », « ứng-khẩu thành thơ » của Sứ-giả Mạc-Đĩnh-Chi trước bốn chữ « Nhất » không phải là không có giá-trị khi cần đến, nhưng trong thời đại dân-chủ này do các tập-thể cầm đầu các quốc-gia, tài lung-lạc lòng người, tài thuyết-phục cá-nhân, chưa đủ để mà đạt được những kết-quả mong muốn.

Nếu tài chuyên-môn của nhà ngoại-giao, tài hùng-biện ăn nói, gạt hái được phần nào những thành quả mong đợi, thì ta phải thành thật nhận chân rằng các mục-tiêu giao-phó cho nhà ngoại-giao chỉ có thể đạt được nếu nhà ngoại-giao được sự ủng-hộ, thông-cảm, của dư-luận quốc-nội, không phải vì con

sâu mà làm rầu nồi canh, hoặc lên án rặng nề cả một tổ-chức ; thành công đó lại còn tùy thuộc : rất nhiều vào thể-lực và những thắng-lợi cụ-thể của Quốc-gia vào sự phối-trí chặt chẽ giữa tất cả các tổ-chức của chính-quyền, vì rằng Ngoại-giao cần có sự hậu-thuần của Thông-tin, Quân-sự, Văn-hóa, Kinh-ế, Tài-chính, Tuyên-truyền, Chánh-trị, để mà có thể nói lên tiếng nói của toàn dân, làm sáng tỏ chính-nghĩa và đôn đối-phương vào thế-thủ."

Đại-học Y-khoa Huế và Y lý Đông phương

Trong tháng 1 năm nay, 1970, Trường Đại-học Y-khoa Huế đã tổ chức lễ đề biện luận-án Y-khoa Bác-sĩ Quốc-gia dưới sự chủ tọa của Giáo-sư Khoa-trưởng Bùi-Duy-Tâm và sau đó 11 vị đã trúng tuyển Y-khoa Bác sĩ. Trong số này Ô. Hà-Thúc Như-Hỷ đã đậu Thủ-khoa với hạng tối danh dự và phần thưởng của luận án là 30.000đ. Luận-án này viết bằng quốc-ngữ và nghiên cứu về Y-học Đông phương với nhan đề : « Đông phương và các phương-pháp hồi-sinh bằng huyết-đạo » do Giáo sư Nguyễn Văn Ba hướng dẫn và bảo trợ.

Người ta được biết rằng, khi về nhận chức vụ Khoa-trưởng Đại-học Y-khoa Huế, trong diên-văn khai-mạc vào cuối năm 1967, Giáo sư Bùi-Duy-Tâm đã công bố những nét chính trong đường lối xây dựng phân-khoa này trong đó có việc dùng tiếng Việt làm chuyên ngữ, và việc phục hưng nền Y-học cổ truyền, ngành Y-lý Đông-phương để làm căn bản cho việc đi tới một nền Quốc-Y.

Tiếp sau đó là biến cố Tết Mậu-Thân. Trường Đại-học Y-khoa Huế bị tàn phá và phải chuyển vào Saigon. Lễ đề biện luận án y khoa bác sĩ ngày 30-7-1968, từ Khoa trưởng đến các thí sinh còn mặc áo phục nhưng đến lễ đề biện luận-án ngày 26-4-69 thì đã có những cải cách về hình thức khá quan trọng : Giáo sư Khoa trưởng cùng các tân khoa bác sĩ đều mặc quốc phục (đầu đê trần) và Lời tuyên thệ Hippocrate cũ đã được sửa lại, mở đầu bằng các câu : « Trước Đấng Tối Cao mà tôi xin tưởng, trước các Y-tổ của Thế giới và Việt-Nam HOÀNG ĐẾ, HIPPOCRATE và HẢI THƯỢNG LÃN ÔNG... » Trong lời tuyên thệ này người ta còn thấy nêu lên : « Vì tình yêu Tổ-Quốc, tôi sẽ cố phát triển những sắc thái đặc biệt của nền Y-học Việt-Nam ».

Rồi cuối tháng 7-69 Đại-học Y-khoa Huế lại được chuyển về Huế. Nếu trong lễ Bế giảng của trường niên khóa 67-68 G.s. Bùi Duy Tâm đã tuyên bố là : « Y-lý Đông-phương đã được giảng dạy và thi cử », thì trong Lễ Bế giảng niên khóa 68-69 ông lại nói rõ hơn ; « Hiện nay chúng tôi đã san định lại ngành Y-lý Đông-phương thành một khoa-học rõ ràng mạch lạc. Trong năm tới việc giảng dạy Y-lý Đông-phương sẽ chu đáo hơn, xứng đáng bổ khuyết cho ngành Y-học Tây phương để cùng với các màu sắc đặc biệt dân tộc, chúng tôi hy vọng đi tới một nền Quốc Y. »

Do đó mà trong lễ đề biện luận-án vào đầu năm nay (18-1-70) cả Khoa trưởng và một số Giáo sư trong Hội-đồng giám-khảo cùng các vị tân-khoa đều mặc quốc phục có đội khăn trắng boàng và luận-án được chấm hạng tối danh dự có phần thưởng lại là một luận-án về Y-học Đông-phương.

Thời trước, dưới sự bảo trợ của Giáo sư Huard cũng đã có một số luận-án y-khoa bác-sĩ về Y-học Đông-phương. Tất nhiên những luận-án này viết bằng Pháp ngữ, có tập trình bày đời của Hải-Thượng Lãn-Ông, có tập dịch cuốn sách của Lãn-Ông: «Huyền tần phát huy» (Secrets des reins révélés)...

Luận án « Đông Phương và các phương pháp hồi sinh bằng huyết đạo » của Ô. Hà-Thúc Như-Hỷ không còn là một bản dịch như các luận-án hồi xưa mà là khởi đầu của một công-trình nghiên-cứu về Đông-Y. Tác giả là một người đã luyện tập về nhu đạo nên có đề cập đến phương pháp hồi-sinh dùng pháp-y nhu-đạo (Kuatsu). Sách dày ngót 80 trang trình bày khái quát về Đông-y ; Sự hiện hữu của kinh mạch và huyết đạo (kinh là gì ? mạch là gì ? huyết là gì ?) ; Các huyết đạo ứng dụng vào các trường hợp kích-ngắt (syncopes) ; Các phương pháp hồi sinh dựa vào huyết đạo trong Nhu-đạo ; Dựa vào huyết đạo đi tìm một phương pháp mới về hồi sinh.

Giáo sư Nguyễn-văn-Ba, người hướng dẫn và bảo trợ luận-án trên đây là Giám-đốc Khu Y-học Đông-phương tại Y-khoa Đại-học Huế và cũng là Phó Chủ-tịch Đại-hội Châm-Cứu Quốc-tế tại Ba-lê. Ông đã từng cộng tác với tạp-chí Bách-Khoa trong những năm đầu với những bài về Dịch-lý.

Giáo sư Bùi-Duy-Tâm là một người rất hoạt động. Ông đã lập ra đoàn « Gió khơi » mà Ban văn-ngệ của đoàn đã nhiều lần trình diễn trên Đài Truyền hình Việt-Nam. Ông có hoài bão cải-tạo Xã - Hội Việt Nam bằng quan niệm « Dịch » mà ông đã thức ngộ được. Thấy những hoạt động của ông, nghe ông nói về các dự định của ông một cách say mê và nhiệt thành, người ta có thể tin được nhiều phần rằng : « Y-khoa Đại-học Huế có lẽ trong tương lai sẽ là một trường Quốc-Y đầu tiên của Việt-nam » như lời ông nói trong buổi Lễ Bế giảng vào nửa năm trước đây.

Nhận xét về quy chế báo chí

Người nhận xét là ông Trần-Thúc-Linh Thẩm-phán Tòa Thượng-Thẩm Saigon, Giảng viên Ban Báo-chí học Viện Đại-học Đalat. Đề tài được trình bày có thảo luận tại thính đường trường Quốc-gia Âm-nhạc và Kịch-ngệ Saigon, vào 9 giờ sáng Chủ nhật 24-12-1970. Ông Trần Thúc Linh trước đây là thẩm phán Tòa án Thiếu nhi Saigon nên đã viết nhiều bài về Thiếu nhi phạm pháp và về Tòa án đăng trên Bách-khoa trong những năm từ 1961 đến 1964. Ông lại là nhân viên cao cấp chỉ đạo Bộ Thông-Tin trong nhiều năm nên rất am tường về các khía cạnh của ngành Báo-chí.

Tuy nhiên có điều đáng tiếc là buổi họp-thảo trên đây tổ chức nhằm đúng vào buổi sáng mà các hội-đoàn báo-chí phải họp đề đối phó với quyết định tăng giá giấy báo 1000/0 của Bộ Kinh-tế, nên một đê-tài liên quan mật thiết đến báo chí mà số đại-diện báo chí tham dự buổi nói chuyện không có là bao.

Nội dung bài thuyết trình của ông thăm-phán Trần Thúc Linh tóm tắt như sau :

Ngày 30-12-1969, Tổng Thống Nguyễn văn Thiệu ban hành luật số 019-69 ấn định Qui-Chế Báo Chí. Đạo luật này được xây dựng trên nguyên tắc : *Báo chí được tự do nhưng phải chịu trách nhiệm.*

VỀ TỰ DO BÁO-CHÍ, luật số 019-69 có những ưu-điểm sau đây :

1) Áp dụng nghiêm chỉnh điều 12 Hiến Pháp, xác nhận quyền Tự do báo-chí là một quyền Căn Bản. Do đó, chiếu điều 29 Hiến pháp, Hành pháp không thể dùng bất cứ xảo thuật nào để hạn chế Tự do báo chí được.

2) Giải-quyết toàn bộ vấn đề báo chí :

a) Về chế-độ xuất-bản, chương II công nhận quyền Tự-do kinh-doanh với thủ tục khai báo

b) Về chế độ ngôn luận, chương III bảo đảm bí mật biên tập, quyền tự do thông tin, nghị luận và phê bình.

c) Về qui-chế ký giả, điều 40 định nghĩa ký giả và chương V thiết lập Hội đồng báo chí.

3) Công nhận ưu-thế của luật pháp để bảo-vệ báo-chí khỏi hành vi độc đoán của chính quyền (điều 1 điều 3, điều 18...

Tuy nhiên cũng còn những điểm cần xét lại :

1) Quan niệm Tự do của nhà lập pháp Việt-Nam 69 hãy còn nặng tính cách tiêu cực. Tự do báo chí cần được tổ chức cụ thể hơn. Các phương tiện như giấy báo, mực in, các việc ấn loát, lấy tin, chuyển vận, phát hành phải được quy định một cách rõ ràng để báo nào cũng có quyền sống và cơ hội đồng đều diễn đạt và phổ biến tin tức, luận điệu và ý kiến của mình.

2) Bảo vệ quá kỹ quyền-lợi của thiểu số tài-phiệt.

- a) Tự do kinh doanh đưa tới " tự do bóp chết tự do "

- b) Việc phát hành báo chí với số ký quỹ 500.000 đ. giúp tư bản độc quyền báo chí lại lũng đoạn phát hành.

3) Chưa gạt được quan niệm chống Cộng thời 1954. Điều 6 đoạn 4 chỉ là một thủ đoạn để viện một sự tra của Cảnh sát mà từ chối cấp biên lai cho người đối lập khai ra báo.

VỀ TRÁCH-NHIỆM BÁO-CHÍ, luật 019-69 có nhiều ưu điểm :

1) Cần đảm xác nhận nguyên tắc TRÁCH-NHIỆM, lựa con đường trung đạo, một thái độ đứng giữa hợp lý hơn hết nhưng cũng đòi hỏi nhiều sức mạnh và can đảm hơn hết.

2) Công trọng công nhận nguyên tắc THƯỢNG TÔN PHÁP LUẬT. Quá say sưa với Thượng tôn pháp luật, nhà lập pháp còn đặt ra một thủ tục đặc biệt cho bị can phản-tố để đòi chính quyền bồi thường thiệt hại.

3) Qui định đầy đủ thủ tục truy tầm thủ phạm, chế-tại hình-sự và gây một tiền lệ cho việc phân-định thẩm-quyền giữa Tối C.ó Pháp Viện và Tham Chính Viện. (đ.8)

Tuy nhiên các đ.đem cần bổ khuyết cũng không phải ít :

1) Nhà Lập-pháp 69 còn lưu luyến Việc đề Hành-pháp hạn chế tự do báo chí :

- a) Quyền cấp biên-lai. Bảo đảm tự-pháp với hạn định xét xử trong 30 ngày không... thực tế.

- b) Quyền tịch thâu : Trước quyền Đ.đ-trưởng ở Saigon và gây khó khăn khi muốn tịch thâu trên toàn quốc (đ.19)

- c) Gây khó khăn cho Tòa án vì nhiệm vụ cần phải phải tịch thâu báo nhưng không cấu thành tội phạm. Dịch lại một cách trung thực báo chí ngoại quốc không bị cấm, nhiều khi có ảnh hưởng chính trị tai hại.

- d) Việc nạp bản chỉ có thể hiểu được khi cần làm giàu kho tàng văn hóa quốc gia hay khi giữ gìn tang vật, không thể dùng làm phương sách tịch -thâu báo :

- e) Tòa-án hoặc phải cấp thẳng Phiếu số 2 cho tư-nhân ra báo, hoặc đề đề Bộ Thông-tin xin cấp, đ.đng bắt tư-nhân làm đ.đ, nhờ Bộ Thông tin chuyên.

2) Nhà lập pháp còn tỏ vẻ khắc nghiệt với báo chí

- a) Quá nhiều vi-phạm Mượn báo mà cũng là một tội ngang với việc phát hành lậu, có thể phạm vào quyền tư-hữu.

- b) Truy tầm thủ phạm quá kỹ. Nên dành 4 tr.đ tu ến hết thủ phạm cho việc truy tầm độc tài, tham nhũng, bất công... thì hơn

- c) Chế tài quá nghiêm.

- d) Hành văn quá giản dị, danh từ lại mơ hồ để mở cửa cho độc đoán. So sánh điều 28 mới với điều 27 luật 1881 trừng phạt tội loan tin thất thiệt sẽ thấy luật cũ bảo đảm tự-do báo-chí nhiều hơn : phải tư tình, có gian ý, loan tin thất thiệt liên hệ đến an-ninh quốc-gia mới cấu thành tội phạm.

3) Thiếu căn bản pháp lý để giải quyết nhiều vấn đề :

- a) Một số tội phạm dự liệu nơi các đạo luật 1881, 2-64, 10-64 v.v...

- b) Quyền bào chữa (điều 4 Luật 1881) sẽ không bị hạn chế có thể làm thiệt hại đối phương và người đề tam.

- c) Báo ngoại ngữ xuất bản ở Việt-nam và báo ngoại quốc nhập cảng vào VN. Các điều 14 Luật 1881 và điều 9 SI 927 đã bị hủy bỏ. Vậy căn cứ vào đâu để tịch-thâu, cấm bán, truy tố v.v. ?

- d) Tòa-án nơi báo-chí xuất bản (điều 53). Vậy truy tố báo lậu ra trước Tòa nào ?

Đề nghị :

1) Mở rộng thành phần Hội-đồng báo-chí vì tờ báo là một công trình tập thể và tự do báo chí là một tự do công cộng.

2) Thay đổi toàn thể luật lệ, tránh tình trạng vá vúi, vụng vngại, khi dân.

Vấn đề không chỉ là vấn đề luật lệ nữa mà là vấn đề c.ế-độ.

Vội một giọng hùng hồn và cách biện-luận khéo léo, diễn giả làm người nghe với thích theo dõi câu chuyện từ đầu đến cuối với những trận cười thoải mái mặc dầu toàn những điều này luật nọ nhưc óc. Và một tràng vỗ tay thật dài đã tán thưởng diễn giả khi câu chuyện được chấm dứt lúc gần trưa.

THẾ-NHÂN